



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Địa chỉ: KCN Biên Hòa 1, Đường số 7,
Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa,
Tỉnh Đồng Nai, Việt Nam

Số điện thoại: (84 – 061) 3 836 121 – 3
836 122

Fax: (84 – 061) 3 832 939

BÁO CÁO THƯỜNG NIÊN

2016



CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Kính thưa Quý vị cổ đông

Năm 2016 đã qua trong điều kiện kinh tế thế giới nói chung nhiều bất ổn kinh tế Việt Nam còn gặp nhiều khó khăn. Theo đó, tăng trưởng kinh tế năm 2016 đạt 6,28%, thấp hơn năm 2015 nhưng nếu so với mặt bằng chung của thế giới thì tốc độ tăng trưởng của Việt Nam là kết quả chấp nhận được.

Về phía SOVI, 2016 là một năm kinh doanh thật sự khó khăn khi nhu cầu của thị trường giảm nhưng nguồn cung tăng, giá bán chịu áp lực giảm mạnh để duy trì mối quan hệ khách hàng trước những công ty đối thủ. Tuy nhiên, vượt qua những khó khăn chung của thị trường, bằng nỗ lực của cả tập thể Công ty vẫn duy trì sự tăng trưởng khi hoàn thành kế hoạch do Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016 đã đề ra. Ngoài ra, SOVI lần đầu tiên nằm trong TOP 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam thuộc cùng hệ thống ngành kinh tế. Đây thật sự là thành tích đáng tự hào của tập thể CTCP Bao Bì Biên Hòa khi không ngừng hoàn thiện và nâng cao chất lượng sản phẩm dịch vụ.

Năm 2017, thị trường sẽ tiếp tục diễn ra các thương vụ M&A các doanh nghiệp trong ngành bao bì mà bên mua không chỉ là các doanh nghiệp Châu Á mà còn có sự tham gia của các doanh nghiệp Châu Âu. Theo đó, áp lực giữ vững thương hiệu của Công ty là rất lớn. Là một thành phần của nền kinh tế, Công ty đã chuẩn bị và sẵn sàng tận dụng các cơ hội, chuyển hóa những thách thức trở thành cơ hội mới để nâng sức cạnh tranh trong ngành bao bì nói riêng và nền kinh tế nói chung.

Thay mặt Hội đồng quản trị, Tôi xin chân thành cảm ơn tất cả các cổ đông, tập thể cán bộ công nhân viên và các đối tác luôn đồng hành và ủng hộ chúng tôi trong suốt thời gian qua. Hội đồng quản trị tin tưởng rằng, với sự tín nhiệm của cổ đông, SOVI sẽ duy trì tăng trưởng ổn định, giữ vững niềm tin với cổ đông và nâng cao uy tín trên thị trường.

Xin cảm ơn và kính chúc sức khỏe, hạnh phúc, thành công đến Quý vị cổ đông, khách hàng cùng toàn thể cán bộ công nhân viên CTCP Bao Bì Biên Hòa.

SỨ MỆNH

- Cung cấp giải pháp toàn diện cho khách hàng những sản phẩm bao bì giấy với chất lượng đảm bảo, giá cả hợp lý và dịch vụ tốt.
- Ứng dụng công nghệ tiên tiến nhất trong mọi hoạt động phù hợp với từng giai đoạn nhằm đưa Sovi trở thành một trong những doanh nghiệp cung cấp bao bì carton hàng đầu Việt Nam.
- Tạo môi trường & điều kiện làm việc cởi mở, thân thiện, mang lại hiệu quả cao nhất nhằm phát huy toàn diện tài năng của CBCNV.
- Từ đó, thỏa mãn đầy đủ những nhu cầu cuộc sống cho CBCNV, đem lại lợi nhuận hợp lý cho Công ty và lợi tức thỏa đáng cho các cổ đông, đồng thời cống hiến thật nhiều cho đất nước, cho xã hội.

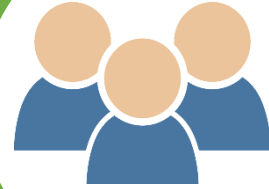


TÂM NHÌN

Trở thành nhà sản xuất, cung cấp dịch vụ và giải pháp bảo bì giấy đáng tin cậy hàng đầu Việt Nam.



38 BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ
CỦA BAN GIÁM ĐỐC



22 TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG



3 TỔNG QUAN CÔNG TY





**ĐÁNH GIÁ CỦA
HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ**

49



QUẢN TRỊ CÔNG TY

51



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

63



TỔNG QUAN CÔNG TY

TỔNG QUAN CÔNG TY

Thông tin khái quát

Tên giao dịch	: CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA
Tên tiếng Anh	: BIEN HOA PACKAGING COMPANY
Giấy CNĐKDN	: 3600648493 do Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh Đồng Nai cấp đăng kí lần đầu ngày 14/08/2003. thay đổi lần thứ 8 ngày 14/04/2016.
Vốn điều lệ	: 128.324.370.000 đồng
Vốn chủ sở hữu	: 330.290.844.090 đồng
Địa chỉ	: KCN Biên Hòa 1. Đường số 7. P. An Bình. TP Biên Hòa. Đồng Nai. Việt Nam.
Số điện thoại	: (84 – 061) 3 836 121 – 3 836 122
Fax	: (84 – 061) 3 832 939
Website	: www.sovi.com.vn
Email	: sovi@sovi.com.vn
Mã cổ phiếu	SVI

Quá trình hình thành và phát triển

Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng, đầu tư cải tiến dây chuyền sản xuất đưa năng suất sản xuất Hộp giấy in offset lên 3.000 tấn/năm.

2003-2005

2000

Tiếp nối những thành công trên, SOVI mạnh dạn đầu tư thêm phân xưởng sản xuất hộp giấy cao cấp với dây chuyền công nghệ in offset hiện đại của Ý, Thụy Sĩ, Nhật Bản.

Nhà máy được Nhà nước tiếp quản và chuyển thành doanh nghiệp quốc doanh với tên là Nhà máy Bao bì Biên Hòa, và "SOVI" được lấy làm thương hiệu.

1978

2005-2007

Đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton với diện tích 4,5ha tại đường số 3, KCN Biên Hòa, nâng tổng công suất thiết kế sản phẩm lên 40.000 tấn/năm. Triển khai Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite.

2003

Đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton với diện tích 4,5ha tại đường số 3, KCN Biên Hòa, nâng tổng công suất thiết kế sản phẩm lên 40.000 tấn/năm. Triển khai Hệ thống ERP với giải pháp Oracle E Business Suite.

1997

Tiến hành đầu tư công nghệ, thiết bị hiện đại để nâng công suất lên 20.000 tấn/năm và chính thức trở thành nhà sản xuất bao bì carton gợn sóng hàng đầu của Việt Nam.

1968

Tiền thân là nhà máy sản xuất bao bì giấy gợn sóng đầu tiên tại miền Nam Việt Nam với công nghệ tiên tiến của Nhật Bản, công suất thiết kế lên đến 4.000

- Nhà máy bao bì carton ở Mỹ Phước, Bình Dương chính thức đi vào hoạt động với công suất giai đoạn đầu là 30.000 tấn/năm.
- Niêm yết tại HOSE, tăng vốn điều lệ lên 106.987.420.000 đồng.

2012-2013

Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hoà niêm yết cổ phiếu tại Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội.

2008

- Tăng vốn điều lệ lên 128.324.370.000 đồng theo hình thức tăng vốn từ nguồn vốn chủ sở hữu.
- Đạt bằng chứng nhận top 10 doanh nghiệp tín nhiệm nhất Việt Nam thuộc cùng hệ thống ngành kinh tế.

2015-2016

- SOVI đầu tư mở rộng thêm nhà máy bao bì Carton giai đoạn 1 tại KCN Mỹ Phước 3, tỉnh Bình Dương có công suất 30.000 tấn/năm, nâng công suất thiết kế sản xuất bao bì carton toàn công ty lên 75.000 tấn/năm.
- Công ty tiếp tục đầu tư mở rộng mặt hàng hộp giấy in offset lên công suất 5.000 tấn/năm.
- Tiếp tục đầu tư mở rộng nhà máy sản xuất bao bì carton giai đoạn 2 nâng công suất thiết kế sản phẩm lên 45.000 tấn/năm.

2008-
2009

Ngành nghề kinh doanh và một số sản phẩm tiêu biểu

- Sản xuất giấy nhẵn, bìa nhẵn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất bột giấy, giấy và bìa (sản xuất giấy);
- Buôn bán nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.



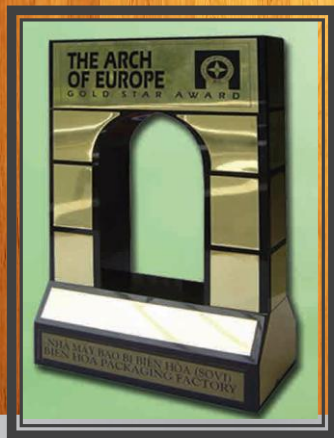
Địa bàn kinh doanh

Địa bàn kinh doanh chính: Đồng Nai, TP. Hồ Chí Minh, Bình Dương. Đây đều là những thành phố có tốc độ phát triển và cơ sở hạ tầng dành cho ngành công nghiệp tốt nhất Việt Nam.

- Trụ sở chính: KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Nhà máy Bao bì In Offset
KCN Biên Hoà 1, Đường số 7, P.An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Nhà máy xeo giấy
Đường số 3, P. An Bình, TP.Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Nhà máy bao bì carton Biên Hoà.
Đường số 12, P. An Bình, TP. Biên Hoà, Tỉnh Đồng Nai
- Nhà máy bao bì giấy Bình Dương.
KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương



Một số giải thưởng đạt được



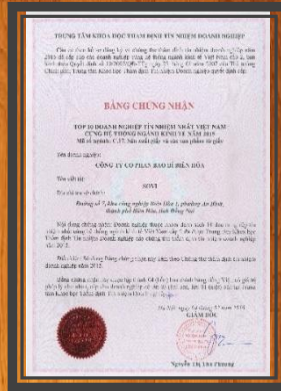
GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG CHÂU ÂU



GIẢI THƯỞNG SAO VÀNG ĐẤT VIỆT

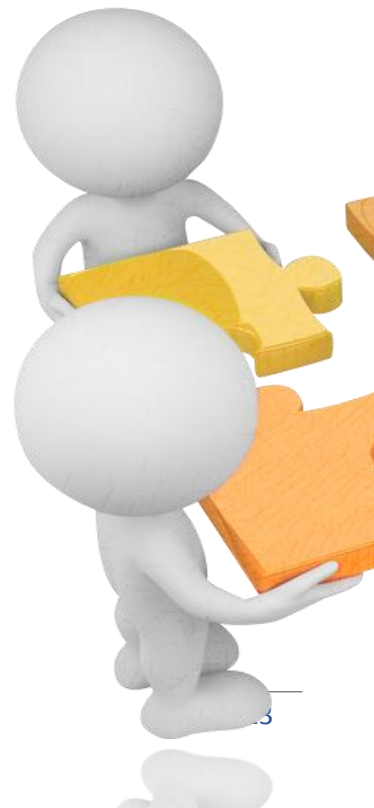
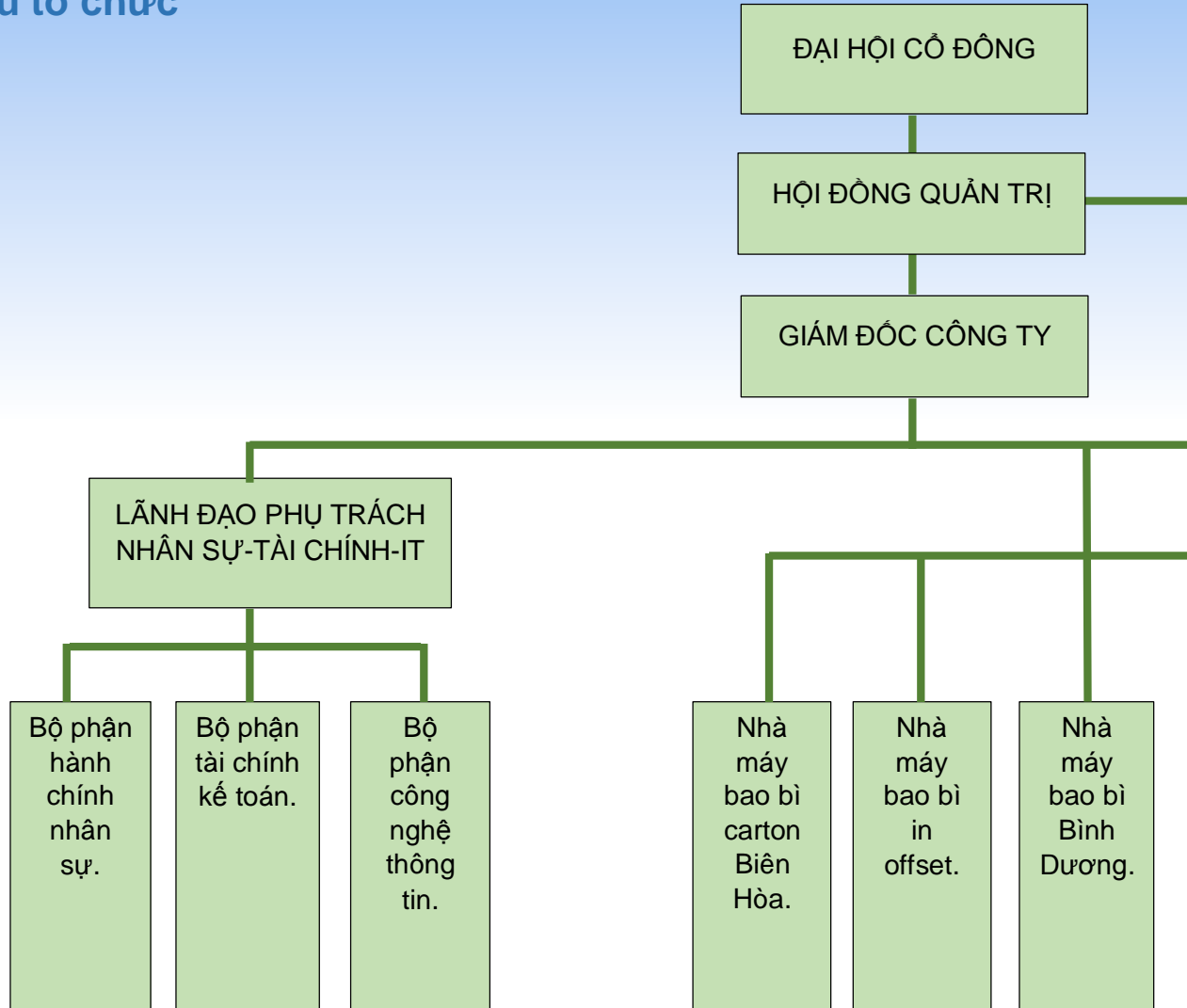


TOP 10 DOANH NGHIỆP TÍN NHIỆM NHẤT
VIỆT NAM THUỘC CÙNG HỆ THỐNG NGÀNH



GIẢI THƯỞNG CHẤT LƯỢNG
CỦA UNILEVER

Cơ cấu tổ chức



BAN KIỂM SOÁT

PHÓ GIÁM ĐỐC
KỸ THUẬT

PHÓ GIÁM ĐỐC
KINH DOANH

Tổ
mua
hàng.

Ban
5S; An
toàn
PCCC.

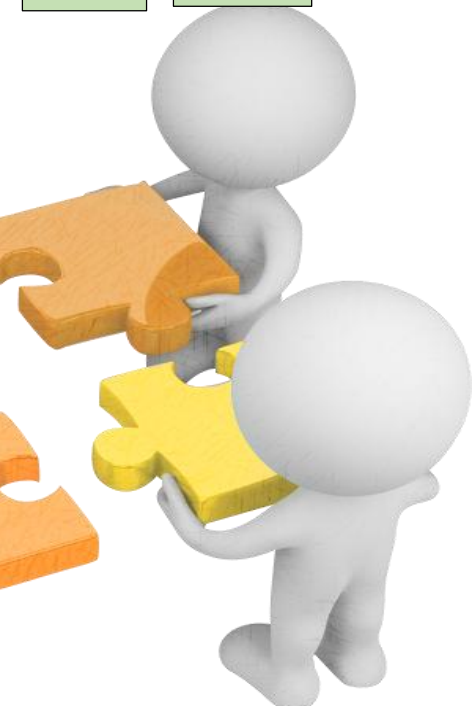
Bộ
phận
kỹ
thuật
cơ
điện.

Bộ
phận
Nghiên
cứu
phát
triển.

Bộ
phận
Quản
trị chất
lượng.

Bộ
phận
Kế
hoạch
sản
xuất.

Bộ
phận
Kinh
doanh.



Định hướng chiến lược phát triển

Chiến lược tăng trưởng tập trung

Nhằm phát huy điểm mạnh của Sovi và tận dụng cơ hội hiện có để mở rộng sản xuất và nâng cao năng lực cạnh tranh, Công ty tiến hành thực hiện các giải pháp:

- Tăng công suất sản xuất Nhà máy bao bì carton Mỹ Phước từ 45.000 tấn/năm lên 60.000 tấn/năm và nhà máy bao bì offset lên 10.000 tấn/năm vào năm 2018, đưa công suất sản xuất toàn chuyển bao bì carton của Công ty lên 100.000 tấn/năm, Công ty sẽ tiến hành đầu tư bổ sung, mở rộng và nâng cấp thiết bị, đồng bộ hóa - tự động hóa dây chuyền sản xuất.
- Ngoài đầu tư bổ sung Công ty còn đầu tư mới Nhà máy bao bì carton giai đoạn 1 có công suất 30.000 tấn/năm tại KCN Lộc An, Bình Sơn, Đồng Nai nhằm mở rộng thị phần, tăng sức cạnh tranh với các đối thủ trong khu vực Đông Nam Bộ.
- Tiến hành phân tích nhu cầu của từng khách hàng để duy trì quan hệ và nâng cao doanh số của khách hàng chiến lược. Thông qua phân tích lợi thế cạnh tranh để xác định điểm mạnh và điểm yếu từ đó khắc phục và cải tiến.



Chiến lược dẫn đầu về dịch vụ khách hàng

Đưa dịch vụ chăm sóc khách hàng trở thành một trong những lợi thế của Sovi so với các đối thủ cạnh tranh. Theo đó Công ty áp dụng các giải pháp:

- Luôn giao hàng đúng hẹn – đủ chất lượng và số lượng. Khi khách hàng khiếu nại phải đảm bảo giải quyết kịp thời. Tư vấn thiết kế sản phẩm hiệu quả, nhanh chóng – chính xác, linh hoạt. Tôn trọng và lắng nghe nhu cầu của khách hàng.

- Chú trọng và phân rõ trách nhiệm của từng bộ phận, cá nhân chủ trì, phối hợp. Tiến hành phân tích đánh giá chất lượng và sự hài lòng của khách hàng để xây dựng chương trình cải tiến phù hợp.

Chiến lược phát triển nguồn nhân lực, hệ thống quản lý

Với những mục tiêu đề ra, phát triển nguồn nhân lực là chiến lược cần thiết và quan trọng. Theo đó, Công ty áp dụng thực hiện và triển khai các giải pháp:

- Dựa trên các tiêu chí đánh giá năng lực (ASK), tiêu chí đánh giá thành tích (KPI) tiến hành soát xét cho từng vị trí công việc nhằm xác định rõ trách nhiệm công việc, mối quan hệ và tính hiệu quả của từng thành viên.
- Định kỳ thường xuyên soát xét hệ thống văn bản quản lý, cụ thể các tác nghiệp đang áp dụng trên cơ sở cải tiến, nâng cấp và chuẩn hóa các quy trình nhằm đáp ứng yêu cầu thay đổi ngày càng cao của thị trường. Để mang lại hiệu quả điều quan trọng là phải áp dụng, duy trì, đánh giá định kỳ để cải tiến liên tục.
- Quy hoạch nhân sự kế thừa ở những vị trí chủ chốt, tiến hành đào tạo hoặc gửi đi đào tạo, định kỳ tiến hành tập sự, đánh giá góp ý cải tiến để sẵn sàng bổ sung vào các vị trí nhân sự không còn phù hợp.
- Xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, sạch sẽ và an toàn. Định kỳ khảo sát để cải tiến điều kiện làm việc. Ngoài ra luôn quan tâm chế độ lương, thưởng và các phúc lợi cũng như duy trì văn hóa kỷ luật trong công ty.



Chiến lược sản xuất và tác nghiệp

Về con người

- Soát xét, lựa chọn, tuyển dụng bổ sung để có đủ nguồn nhân lực phù hợp là ưu tiên quan trọng trong chiến lược – tác nghiệp của Công ty. Sovi tìm kiếm những cá nhân có tinh thần trách nhiệm, kỷ luật, nhiệt tình, siêng năng, sẵn sàng lắng nghe và sẵn sàng hợp tác. Đích thân đi đến và xem xét thực tế để hiểu tường tận tình hình công việc, suy nghĩ và phát biểu dựa trên các số liệu đã được bản thân kiểm tra.



Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Xây dựng quy trình quản lý từng thiết bị từ việc vệ sinh, bảo dưỡng, vận hành, kiểm tra, sửa chữa. Định kỳ tiến hành đại tu nhằm phục hồi thiết bị, đưa về tình trạng đạt các tiêu chuẩn của nhà cung cấp.
- Khảo sát, loại bỏ các lãng phí do thiết bị gây ra. Từ đó xây dựng, ban hành và áp dụng các tiêu chuẩn, định mức, áp dụng phương pháp tính hiệu suất sử dụng thiết bị (OEE) cho từng khâu máy, phần đầu nâng OEE lên 85%.

Về quản lý công nghệ và đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân

- Xây dựng quy trình và chuẩn hóa công nghệ để làm nền tảng cho việc cải tiến liên tục. Tiến hành đào tạo và hướng dẫn chuyên môn, chuyển giao đến từng vị trí công việc có liên quan nhằm đảm bảo có thể hiểu rõ và làm được một cách thường xuyên, từ đó từng bước tác nghiệp, từng thông số theo quy định của quy trình;
- Theo dõi và thống kê các sự cố công nghệ thường gặp trong quá trình sản xuất và xây dựng đầy đủ các hướng dẫn xử lý các sự cố.



- Tiến hành đào tạo, chuyển giao đến từng vị trí công việc nhằm có đủ kinh nghiệm kiến thức và kỹ năng giải quyết sự cố.

Về quản lý chất lượng trên chuyền và thành phẩm

- Phải xác định các tiêu chuẩn sản phẩm, bán sản phẩm, phương pháp kiểm tra, tần suất kiểm tra, hướng dẫn xử lý sự cố về chất lượng, hướng dẫn xử lý kết quả kiểm tra tại từng vị trí công việc trên chuyền và nội dung cần ghi chép về chất lượng trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc.
- Theo dõi, kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về chất lượng để có các cải tiến hoặc ban hành HĐKP-PN. Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP-PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả



Về quản lý định mức sử dụng nguyên vật liệu

- Tính toán và ban hành định mức cho tất cả nguyên vật liệu sử dụng trong sản xuất. Số liệu định mức này phải được xác định dựa trên cơ sở: thiết bị, nguyên vật liệu, quy trình và con người được chuẩn hóa. Hướng dẫn xử lý sự cố khi định mức vượt quá quy định và nội dung cần ghi chép về định mức trong biểu mẫu tại từng vị trí công việc.
- Theo dõi và kiểm tra việc thực hiện và phân tích các dữ liệu về định mức để có các cải tiến hoặc HĐKP – PN kịp thời. Yêu cầu từng trường hợp vượt mức phải được điều tra nguyên nhân, đề xuất HĐKP – PN, theo dõi thực hiện, đánh giá kết quả.



Về quản lý tồn kho nguyên vật liệu, tồn bán thành phẩm trong xưởng và điều độ sản xuất hiệu quả

- Giảm thời gian, số lần hư máy đột xuất, nâng cao độ chính xác năng suất từng khâu, xây dựng phần mềm điều độ chi tiết, phân tích nguyên nhân tồn bán thành phẩm hàng ngày để từng bước giảm giá bán thành phẩm tồn xưởng.
- Xây dựng các nguyên tắc sắp xếp lịch sản xuất từng khâu máy đảm bảo hiệu quả về chất lượng, định mức, năng suất ... làm cơ sở cho việc xây dựng các nguyên tắc điều độ. Hàng ngày phân tích hiệu quả điều độ nhằm tìm cơ hội cải tiến các nguyên tắc điều độ đã xác lập.
- Nâng cao độ chính xác của dự báo bán hàng, qui hoạch nguyên vật liệu, dự trữ mua, thời gian giao hàng của nhà cung cấp đặc biệt là giấy nhằm hạn chế đến mức thấp nhất chủng loại, số lượng tồn kho nguyên vật liệu.

Chiến lược hạ thấp chi phí:

Trong tình hình thị trường bao bì hiện nay các doanh nghiệp đối thủ đều chào bán sản phẩm với mức giá thấp nhằm gia tăng doanh số và chiếm lĩnh thị phần. Theo đó, hạ thấp chi phí là một chiến lược cơ bản nhằm tạo ra lợi thế cạnh tranh. Để làm tốt chiến lược này đòi hỏi sự nỗ lực thường xuyên và liên tục của từng cá nhân, bộ phận, phân xưởng, cụ thể:

- Từng bước loại bỏ lãng phí bằng việc lập dự toán, phê duyệt, sử dụng và quyết toán chi phí.
- Ngân sách sử dụng cho từng bộ phận, phân xưởng đều phải thông qua các quy định, quy trình, tiêu chuẩn và phải dựa trên cơ sở đảm bảo định mức đã ban hành. Hướng dẫn, kiểm tra và kiểm soát định kỳ, đột xuất nhằm đảm bảo sự tuân thủ trong việc quản lý ngân sách.
- Các dữ liệu có liên quan đến định mức nguyên vật liệu sử dụng, chi phí thuộc phạm vi quản lý của từng bộ phận đều phải được thu thập và phân tích hàng ngày để tìm ra cách giảm chi phí cũng như nguyên nhân làm chi phí tăng để đề ra các biện pháp khắc phục và cải tiến kịp thời.

Đối với xã hội và cộng đồng:

- Công ty nhận thức việc đóng góp vào xã hội và cộng đồng là một yếu tố quan trọng góp phần vào sự phát triển bền vững của Công ty. Vì vậy, Ban lãnh đạo cùng toàn thể CBCNV luôn tích cực tham gia vào các hoạt động xã hội nhằm góp phần chung tay xây dựng một cộng đồng phát triển, tiến bộ thông qua các hoạt động từ thiện: tặng quà cho các trẻ em nghèo vượt khó; nuôi dưỡng bà mẹ Việt Nam anh hùng, hỗ trợ kinh phí chăm lo công nhân lao động có hoàn cảnh khó khăn xuân 2016 v.v...



- Ngoài ra, với sản phẩm chính là bao bì giấy là sản phẩm có thể thay thế bao bì nhựa và kim loại. Theo đó, môi trường là yếu tố luôn được Sovi quan tâm và chú trọng. Đây chính là định hướng phát triển bền vững của Sovi trong tương lai. Công ty luôn đảm bảo đáp ứng các tiêu chuẩn trong nước và quốc tế về các vấn đề môi trường. Bằng những hành động cụ thể, Công ty thường xuyên tổ chức các hoạt động hưởng ứng chiến dịch bảo vệ môi trường nhằm nâng cao ý thức của từng thành viên trong Công ty.



Các rủi ro

Rủi ro kinh tế

Trong bối cảnh kinh tế thế giới tăng trưởng chậm do phục hồi chưa bền vững, các tổ chức tài chính quốc tế liên tục hạ tốc độ tăng trưởng của kinh tế Thế giới. Nền kinh tế của Mỹ vẫn tiếp tục tăng trưởng chậm. Kinh tế Trung Quốc bắt đầu có dấu hiệu sụt giảm khi tăng trưởng chỉ trong khoảng từ 6,5% - 6,7% thấp hơn mức mục tiêu là 7%, sau khi đã tiến hành nhiều biện pháp kích thích tăng trưởng tốn kém chi phí. Trái ngược với hai nền kinh tế trên, các nước Châu Âu dù trải qua những bất ổn về chính trị vẫn đạt được những thành quả đáng kể như giảm tỷ lệ thất nghiệp, xuất nhập khẩu tăng v.v.... Trong năm 2017, các nền kinh tế lớn sẽ vẫn đối mặt với những biến động về chính trị xã hội làm tăng lên những lo ngại về sự phát triển ổn định và bền vững của kinh tế thế giới.

Ở trong nước, kinh tế Việt Nam đã có những dấu hiệu cải thiện trong hoạt động sản xuất kinh doanh và ổn định vĩ mô. Tăng trưởng GDP tăng qua các quý trong năm 2016, lần lượt đạt 5,48%; 5,78%; 6,56% và 6,68%. Mặc dù không đạt được mục tiêu là 6,7% và thấp hơn năm 2015, nhưng trong bối cảnh nền kinh tế thế giới đang không thuận lợi thì đây được xem là một thành công. Lạm phát năm 2016 đạt 4,47%, tăng 1,83% so với năm 2015 nhưng vẫn nằm trong mức mục tiêu 5% của Chính phủ. Vốn FDI tăng cao nhất trong vòng 5 năm đạt mức 24,4 tỷ USD.

Bên cạnh một số nhân tố tăng trưởng tốt, kinh tế Việt Nam vẫn ẩn chứa nhiều nguy cơ khi tỷ lệ nợ xấu trong năm lại có dấu hiệu tăng. Tỷ lệ nợ xấu đạt 2,46% gần với mức mục tiêu là 3% của Ngân hàng Nhà Nước. Cán cân thu chi ngân sách bị mất cân đối và rơi vào tình trạng bội chi. Nợ công vượt 60% và tiến gần đến mức 65% mà Quốc Hội cho phép. Tỷ lệ đầu tư chỉ đạt 33% GDP, khả năng hấp thụ vốn của nền kinh tế chưa cao, nguy cơ gia tăng nợ xấu, năng lực quản lý và cạnh tranh thấp, sự thiếu hụt nguồn nhân công có tay nghề và cơ sở hạ tầng v.v... sẽ là những thách thức đối với các doanh nghiệp nói chung và CTCP Bao Bì Biên Hòa nói riêng. Nhằm hạn chế ảnh hưởng từ những rủi ro của nền kinh tế, SOVI luôn đề ra những chiến lược kinh doanh phù hợp nhằm đáp ứng với sự thay đổi của nền kinh tế.



Rủi ro tài chính

Rủi ro lãi suất

Lãi suất là một yếu tố vĩ mô quan trọng có ảnh hưởng đến hoạt động của doanh nghiệp bởi nó tác động trực tiếp đến nguồn vốn đầu tư vào hoạt động sản xuất kinh doanh. Theo tình hình thực tế hoạt động, Công ty thường xuyên phát sinh nhu cầu nguồn vốn tín dụng ngắn hạn. Trong khoảng thời gian từ 2015 đến 2016, lãi suất cho vay và lãi suất tiết kiệm đều được giữ ở mức ổn định, không biến động quá lớn. Cụ thể lãi suất cho vay đã giảm 0,5% - 1% tạo điều kiện vay vốn cho các doanh nghiệp. Tuy nhiên dự báo trong dài hạn, lãi suất chịu áp lực tăng sẽ có thể gây ra khó khăn cho doanh nghiệp Việt Nam nói chung và SOVI nói riêng. Để chủ động nguồn vốn trong kinh doanh, Công ty đã thực hiện việc đàm phán với khách hàng để rút ngắn thời hạn thu tiền trung bình từ 60 ngày xuống còn 30 ngày. Đồng thời tăng thời hạn trả nợ từ 45 ngày lên 60 ngày. v.v... Những chính sách này đã giúp hạn chế ảnh hưởng từ biến động lãi suất đến hoạt động kinh doanh của Công ty.



Rủi ro tỷ giá

Khi nền kinh tế hội nhập sâu rộng hơn thì tỷ giá trở thành một nhân tố rủi ro tác động lớn đến hoạt động của doanh nghiệp. Tại Việt Nam, NHNN đã áp dụng chính sách tỷ giá trung tâm từ đầu năm nên nhìn chung tình hình tỷ giá trong năm không có nhiều thay đổi. Tuy nhiên, tỷ giá năm 2017 được dự đoán chịu nhiều áp lực tăng do sự mạnh lên của đồng Đô la Mỹ cùng với đó là lộ trình tăng lãi suất của FED. Với nguồn nguyên liệu đầu vào cũng như các trang thiết bị, dây chuyền sản xuất của SOVI chủ yếu được nhập từ nước ngoài nên một sự biến động nhỏ của tỷ giá sẽ ảnh hưởng nhất định đến hiệu quả hoạt động của Công ty. Vì thế, Công ty sẽ chủ động tìm kiếm các nguồn nguyên liệu trong nước phù

hợp cũng như có phương án dự phòng hợp lý để hạn chế tối đa các tổn thất có thể xảy ra

Rủi ro cạnh tranh

Năm 2016, tiếp nối xu hướng tiêu dùng xanh và thân thiện với môi trường của năm 2015, các sản phẩm được đóng gói từ bao bì carton được ưa chuộng hơn cùng với sự khuyến khích tiêu dùng từ các tổ chức môi trường. Ngành bao bì giấy có mức tăng trưởng bình quân ổn định khoảng 10%/năm, tiềm năng phát triển cao nên thu hút nhiều doanh nghiệp trong nước và doanh nghiệp FDI tham gia tạo nên áp lực cạnh tranh thị phần đối với các doanh nghiệp trong ngành. SOVI hiện là một trong 3 nhà cung cấp bao bì giấy có thương hiệu lớn của ngành. Công ty chuyên cung cấp sản phẩm bao bì giấy có chất lượng phù hợp với từng nhu cầu của mỗi khách hàng. Theo đó, việc thường xuyên đầu tư và nâng cấp trang thiết bị hiện đại, mở rộng dây chuyền sản xuất và nỗ lực tìm kiếm khách hàng luôn được Công ty thực hiện đồng bộ và chuyên nghiệp nhằm đảm bảo cung cấp nhanh chóng những sản phẩm chất lượng cao, góp phần củng cố và nâng cao vị thế doanh nghiệp, tạo dựng niềm tin vững chắc từ khách hàng, nhà cung cấp và các đối tác khác.

Rủi ro nguồn nhân lực

Hiện Công ty đang tăng cường áp dụng công nghệ cao nhằm tăng năng suất, nâng cao chất lượng và tiết kiệm chi phí. Công nghệ sản xuất cao đòi hỏi phải có nguồn nhân lực vận hành phù hợp. Tuy nhiên, thực trạng lao động ở Việt Nam hiện chưa đáp ứng được điều này. Tại Việt Nam các cơ sở đào tạo về ngành này là ĐH Nông lâm TP.HCM, ĐH Sư phạm kỹ thuật, ĐH Bách Khoa TPHCM cùng khoảng 5 trường Cao đẳng và trung cấp nghề cung khoảng gần 300 lao động/năm cho ngành. Con số này là rất nhỏ đối với nhu cầu ngày càng tăng của ngành. Ngoài ra, tỷ lệ lao động biến động làm tăng chi phí cho doanh nghiệp. Chính vì vậy, Công ty luôn đặt chất lượng và gắn kết lâu dài làm tiêu chí tuyển dụng, đồng thời xây dựng môi trường làm việc thân thiện, cởi mở, công bằng cùng những chính sách lương thưởng hợp lý nên đã giữ được nhân sự gắn bó lâu dài vì sự phát triển vững bền của Công ty.

Rủi ro về pháp luật

Do đặc thù là doanh nghiệp hoạt động trong ngành giấy nên Công ty phải chịu sự quản lý chặt chẽ từ pháp luật trong vấn đề môi trường. Tuy vậy, SOVI với lợi thế dây chuyền sản xuất từ Nhật Bản, Đài Loan (*quốc gia có ngành công nghiệp giấy phát triển mạnh*) có thể đảm bảo tuân thủ được những yêu cầu về bảo vệ môi trường của Chính phủ. Ngoài ra doanh nghiệp là công ty cổ phần, đã niêm yết cổ phiếu tại Sở GDCK TP.HCM nên hoạt động của SOVI cũng chịu tác động lớn từ



các văn bản pháp luật như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán về hoạt động công bố thông tin. Các văn bản dưới luật trong lĩnh vực này hiện đang trong quá trình hoàn thiện nên sự thay đổi về mặt chính sách có thể ảnh hưởng đến hoạt động quản trị, kinh doanh của Công ty. Để hạn chế rủi ro pháp luật, Công ty luôn phân công theo dõi các thay đổi về chính sách để điều chỉnh hệ thống quy trình, quy định nội bộ để phù hợp với sự thay đổi đó.

Rủi ro khác

Ngoài các rủi ro trên, hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty còn chịu rủi ro khác như thiên tai, dịch họa. v.v... đây là những rủi ro bất khả kháng nếu xảy ra sẽ gây thiệt hại về vật chất và con người cũng như tình hình hoạt động chung của công ty. Theo đó, để hạn chế thiệt hại từ các rủi ro này, Công ty đã chủ động thực hiện các biện pháp bảo hộ an toàn trong lao động; an toàn về PCCC và mua bảo hiểm tất cả tài sản, con người của Công ty.



TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

TÌNH HÌNH HOẠT ĐỘNG

Tình hình hoạt động sản xuất kinh doanh

Tổng kết năm 2016, Công ty đạt kết quả kinh doanh khá tốt. Cụ thể, doanh thu đạt 1,382 tỷ đồng, đạt 95,29% so với kế hoạch. Lợi nhuận trước thuế đạt 93.380 triệu đồng, đạt 103,76% so với kế hoạch. Sản lượng Bao bì hộp đạt 1.423 tấn, đạt 142,3% so với kế hoạch. Mặc dù sản lượng của hai sản phẩm chính là bao bì carton và bao bì in offset không đạt chỉ tiêu đề ra nhưng trong tình hình thị trường cạnh tranh cao như hiện nay thì đây là một kết quả kinh doanh khá tốt.

Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	Thực hiện 2015	Kế hoạch 2016	Thực hiện 2016	% Thực hiện so với kế hoạch 2016	% Tăng/Giảm so với 2015
Sản lượng					
Bao bì Carton	69.769	75.000	72.240	96,32%	103,54%
Bao bì in offset	6.257	7.000	6.499	92,84%	103,87%
Bao bì hộp	1.318	1.000	1.423	142,30%	107,97%
				Đơn vị: triệu đồng	
Tổng doanh thu	1.341.383	1.450.000	1.381.740	95,29%	103,01%
Đầu tư XDCB	50.442	61.500	35.633	57,94%	70,64%
TNBQ	12,24	12,5	13,41	107,28%	109,56%
LNTT	84.007	90.000	93.380	103,76%	111,06%
Nộp Ngân sách	45.966	53.774	60.209	111,97%	130,96%
Công tác xã hội	1.010	1.000	753	75,30%	74,55%

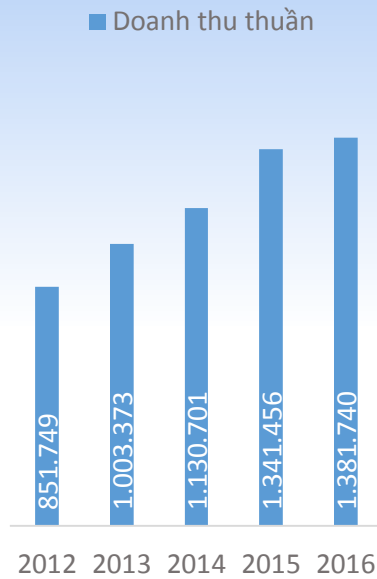
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng tài sản	549.662	610.872	669.385	758.795	749.980
Tổng vốn chủ sở hữu	191.492	238.921	271.464	294.399	330.291
Nợ ngắn hạn	284.362	311.477	333.386	398.296	378.051
Nợ dài hạn	73.808	60.475	64.536	66.100	41.638

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	851.749	1.003.373	1.130.701	1.341.456	1.381.740
Lợi nhuận từ HĐKD	64.333	69.618	73.665	82.447	92.225
Lợi nhuận trước thuế	65.225	70.064	75.409	84.007	93.380
Lợi nhuận sau thuế	59.997	67.336	64.319	69.326	74.656
Lợi nhuận gộp	122.791	148.980	154.947	171.319	181.966

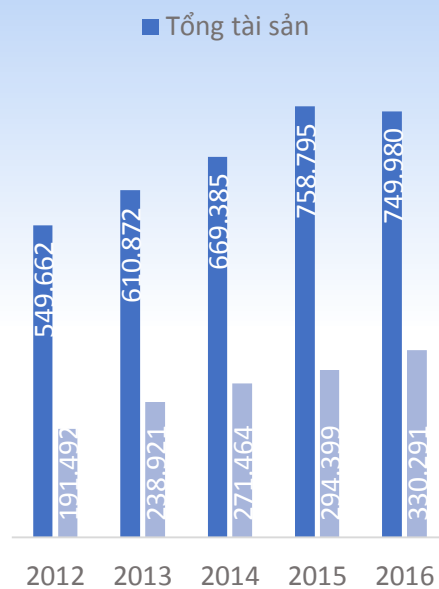
Tăng trưởng doanh thu (triệu đồng)



Doanh thu thuần

Doanh thu thuần năm 2016 đạt 1.381.740 triệu đồng, tăng 40.284 triệu đồng, tương ứng tăng 3% so với năm 2015. Trong 4 năm qua (2012-2016), SOVI duy trì tốc độ tăng trưởng kép của doanh thu là 12,9%. Công ty đạt được kết quả này là do áp dụng công nghệ hiện đại và có chính sách kinh doanh linh hoạt bám sát diễn biến thị trường.

Tình hình tài sản (triệu đồng)

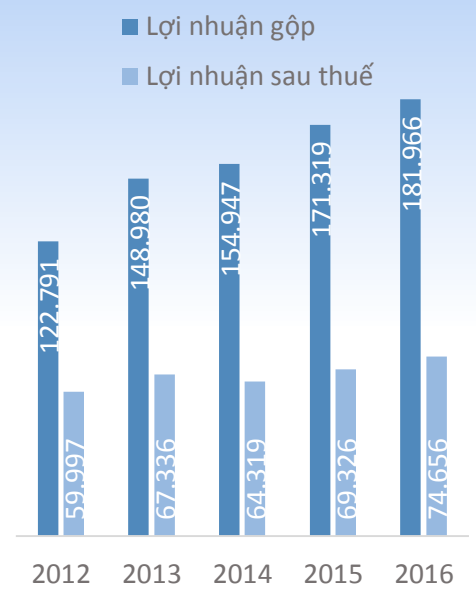


Tình hình tài sản

Cuối năm 2016, Tổng tài sản Công ty đạt 749.980 triệu đồng, giảm nhẹ so với năm 2015. Nguyên nhân chủ yếu là do tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn và các khoản tương đương tiền lần lượt giảm 17.367 triệu đồng và 60.000 triệu đồng tương ứng giảm 50,1%; 70,6% so với năm 2015.

Tổng vốn chủ sở hữu năm 2016 tiếp tục xu hướng tăng so với các năm trước. Vốn chủ sở hữu 2016 đạt 330.291 triệu đồng, tăng 12,2% so với năm 2015. Nguyên nhân là do Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và Quỹ đầu tư phát triển lần lượt tăng 20.961 triệu đồng và 14.931 triệu đồng, tương ứng tăng 18,9%; 26,8% so với năm 2015.

Tăng trưởng lợi nhuận (triệu đồng)



Lợi nhuận

Các chỉ tiêu lợi nhuận của Công ty năm 2016 đều đạt được kết quả tốt.

Cụ thể, Lợi nhuận gộp đạt 181.966 triệu đồng, tăng 10.647 triệu đồng tương ứng tăng 6,2% so với 2015. Lợi nhuận sau thuế đạt 74.656 triệu đồng, tương ứng tăng 7,7% so với năm 2015.

Lợi nhuận gộp và Lợi nhuận sau thuế lần lượt duy trì tốc độ tăng trưởng kép là 10,33% và 5,62% trong 4 năm cho thấy Công ty đang kinh doanh rất hiệu quả.

Tổ chức và nhân sự

Danh sách ban điều hành

Ông TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT, kiêm Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư điện, Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 118.974 cổ phần



Quá trình công tác

Từ 06/1995 - 09/1996: Nhân viên kỹ thuật Công ty Cổ phần gỗ Tân Mai.

Từ 09/1996 - 05/2002: Trưởng bộ phận Quản lý chất lượng Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 06/2002 – nay: Phó giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2015: Thành viên HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa

Từ 2016 – nay: Chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên hòa

Ông PHẠM VĂN ĐIỀU

Giám đốc, kiêm Phó Chủ tịch HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 127.706 cổ phần



Quá trình công tác:

Từ 1/1991 – 6/1996: Quản đốc phân xưởng và trợ lý giám đốc Công ty Gốm Đồng Nai.

Từ 07/1996 – 12/1996: Phó phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 01/1997 – 06/1997: Phó giám đốc nhà máy điện cơ Đồng Nai.

Từ 07/1997 – 03/2001: Phó tổng giám đốc Công ty liên doanh cao su Kenda Việt Nam.

Từ 04/2001 – 05/2002: Trưởng phòng kế hoạch Sở Công nghiệp Đồng Nai.

Từ 06/2002 – 08/2003: Phó Giám đốc Nhà máy Bao bì Biên Hòa.

Từ 09/2003 – 2/1/2017: Phó giám đốc kiêm Phó chủ tịch HĐQT CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 01/2017 – nay: Giám Đốc kiêm Phó Chủ tịch HĐQT.

Ông NGUYỄN HOÀNG

Kế toán trưởng, kiêm Thành viên HĐQT

Trình độ chuyên môn: Cử nhân kinh tế

Số cổ phần nắm giữ: 6.829 cổ phần



Quá trình công tác

Từ 1999 – 2001: Phó giám đốc kinh doanh

Công ty TNHH SX-TM –DV Ngọc Tuấn.

Từ 2001 – 2003: Kế toán trưởng nhà máy Đông Lạnh Cần Giờ.

Từ 2003 – 2005: Kế toán trưởng Công ty TNHH Mộc Hòa Bình kiêm trợ lý kế toán trưởng Công ty CP XD và Kinh doanh Địa ốc Hòa Bình.

Từ 1/2006 – 12/2009: Phó bộ phận tài chính kế toán CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 1/2010 – nay: Trưởng bộ phận tài chính kế toán, thành viên Hội đồng quản trị CTCP Bao bì Biên Hòa.

Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP

Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí

Số cổ phần nắm giữ: 1.038.310 cổ phần

Trong đó: Cá nhân sở hữu: 11.715 cổ phiếu

1.026.595 CP Đại diện

Tổng công ty Công nghiệp thực phẩm Đồng Nai



Quá trình công tác

Từ 1992 – 1996: Nhân viên phòng Cơ điện Công ty may CN Đồng Nai.

Từ 1996 – 2002: Trưởng ca sản xuất Nhà máy bao bì Biên Hòa

Từ 2002 – 2005: Trưởng BPQLCL CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 2005 – 2006: Quản đốc Xưởng Offset, CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 2006 – 4/2008: Trưởng BP KHSX CTCP bao bì Biên Hòa.

Từ 4/2008 – 2/2016: Trưởng BP Kinh doanh, TV.HĐQT.

Từ 2016 – nay: Phó giám đốc kinh doanh, TV. HĐQT.

Ông HÀ VĂN SƠN

Phó giám đốc

Trình độ chuyên môn: Kỹ sư cơ khí
Số cổ phần nắm giữ: 1.500 cổ phần



Quá trình công tác:

Từ 2000 – 2001: Tổ trưởng SX Tổng công ty Cơ khí Giao thông II.

Từ 2001 – 2007: Trưởng ca sản xuất CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2007 – 2011: Phó quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2011 – 02/2016: Quản đốc xưởng Carton, CTCP Bao bì Biên Hòa.

Từ 2/2016 – nay: Phó giám đốc CTCP Bao bì Biên Hòa

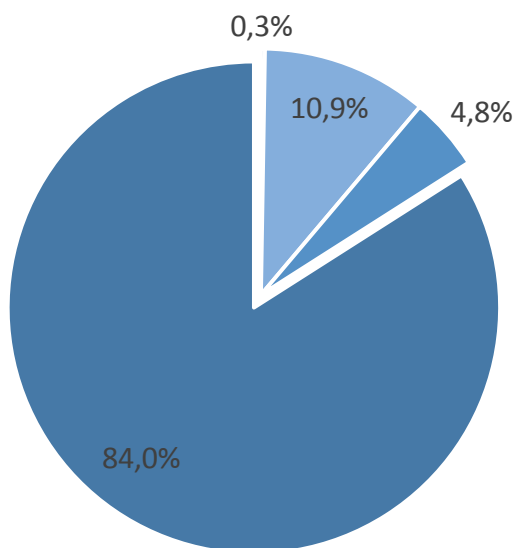
Thay đổi trong Ban điều hành

STT	Họ và tên	Chức vụ	Ngày bổ nhiệm	Ngày miễn nhiệm
1	Lê Quốc Tuyên	Giám đốc		03/01/2017
2	Phạm Văn Điều	Giám đốc	03/01/2017	
3	Nguyễn Thanh Ngân	Phó giám đốc		01/02/2016
4	Đặng Ngọc Diệp	Phó giám đốc	01/02/2016	
5	Hà Văn Sơn	Phó giám đốc	01/02/2016	

Số lượng CBCNV

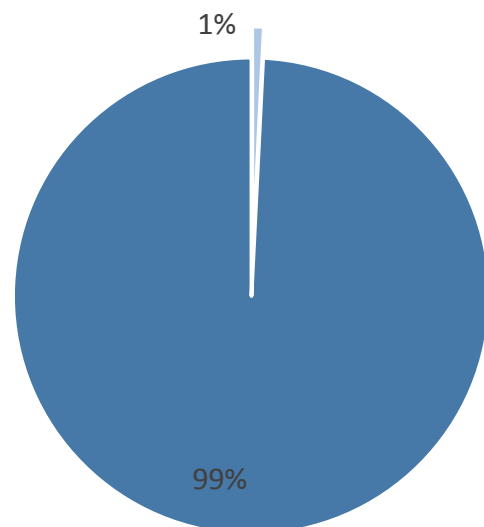
STT	Tính chất phân loại	Số lượng	Tỷ lệ
A	Theo trình độ	770	100%
1	Trên Đại học	2	0,3%
2	Đại học	84	10,9%
3	Cao đẳng	37	4,8%
4	Khác	647	84,0%
B	Theo tính chất hợp đồng lao động	770	100%
1	Hợp đồng có xác định thời hạn	6	1%
2	Hợp đồng không xác định thời hạn	764	99%
3	Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)	-	-

Theo trình độ



■ Trên Đại học
 ■ Đại học
■ Cao đẳng
 ■ Khác

Theo tính chất hợp đồng lao động



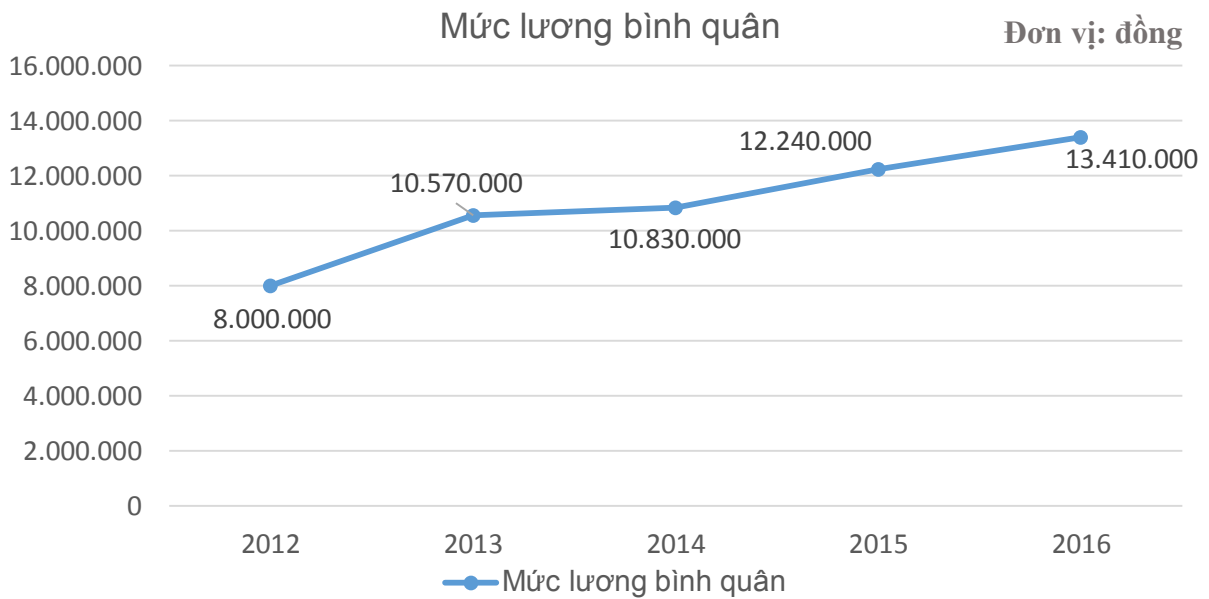
■ Hợp đồng có xác định thời hạn
■ Hợp đồng không xác định thời hạn
■ Hợp đồng theo thời vụ (công nhật)

Chính sách đối với người lao động

Chính sách lương, thưởng: Công ty thực hiện chính sách lương, thưởng trên cơ sở bảo đảm cho người lao động được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định của Nhà nước. Bên cạnh đó, Công ty vẫn tiếp tục áp dụng chính sách lương thông qua hồ sơ giao việc, kiểm soát và đánh giá công việc, từ đó tạo động lực, khuyến khích người lao động cải tiến và nâng cao hiệu suất làm việc.

Mức lương bình quân

STT	Năm	Mức lương bình quân
1	2012	8.000.000 đồng
2	2013	10.570.000 đồng
3	2014	10.830.000 đồng
4	2015	12.240.000 đồng
5	2016	13.410.000 đồng



Chính sách phúc lợi : Hàng năm tổ chức khám sức khỏe định kỳ cho CBCNV. Trang bị đầy đủ phương tiện bảo hộ lao động và phòng chống độc hại cho người lao động. Mỗi năm đều tổ chức cho CBCNV đi nghỉ mát trong nước hoặc nước ngoài. Tham gia các hoạt động xã hội như giúp đỡ CBCNV có hoàn cảnh khó khăn, ủng hộ đồng bào bị lũ lụt, đóng góp vào quỹ xóa đói giảm nghèo. Đẩy mạnh hoạt động của các tổ chức Công đoàn, Đoàn Thanh niên, thông qua các chương trình văn nghệ.

Tình hình đầu tư, tình hình thực hiện các dự án

Công tác đầu tư được thực hiện theo đúng chủ trương định hướng của HĐQT được thông qua tại ĐHCĐ thường niên năm 2016 với kế hoạch dự kiến đầu tư 61.500 triệu đồng. Tuy nhiên, do các thủ tục đấu thầu mua sắm máy móc thiết bị (MMTB) chủ yếu là ở nước ngoài nên tiến độ kéo dài. Ngoài ra do ít nhà cung cấp tham gia đấu thầu nên hầu hết các thủ tục đầu tư mua sắm phải hủy và đấu thầu lại nên trong năm 2016, kết quả đầu tư chỉ đạt 35.633 triệu đồng, giảm 29,36% so với cùng kỳ, và chỉ đạt 54,82% so với kế hoạch.

Tình hình đầu tư:

Đơn vị: đồng

Nội dung	Chi phí
Nhà chứa ga	65.751.000
Cải tạo nâng cấp nhà xưởng	403.719.038
Mái che cửa giao hàng	94.364.000
Kê để thành phẩm	59.598.000
Máy in Ryobi	2.982.000
Máy bế Offset và gỡ rẻo tự động	417.119.500
Máy cưa khuôn	66.000.000
Nguồn động lực và hệ thống chiếu sáng	168.546.000
Bàn nâng thủy lực (4 cái)	300.000.000
Máy bơm CM80 - 160C	40.800.000
Hệ thống thu hồi bột	204.545.455
Máy cột tự động	2.088.401.433
Máy cột dây (2 cái)	97.272.728
Máy sấy khí	39.350.000
Máy bồi tự động	2.711.296.000
Máy gấp dán tự động và cột tự động	6.629.874.389
Xe nâng điện	253.000.000
Xe nâng và kẹp giấy	1.083.975.000
Xe bán tải	678.821.181

Máy in T730	71.000.000
Máy chủ	103.400.000
ERP	350.000.000
Máy in flexo 6 màu	4.648.565.000
Máy in Process	7.869.562.500
Cụm tạo sóng A khổ giấy 2 m	2.718.480.000
Dây chuyền sản xuất 2 lớp	861.110.000
Website	36.000.000
Máy đóng bánh tự động	166.056.000
Nồi hơi dây chuyền 2 lớp	130.515.000
Máy uốn dao tự động	290.400.000
TỔNG CỘNG	35.633.022.224

Tình hình tài chính

Các khoản mục trên báo cáo tài chính

Đơn vị: triệu đồng

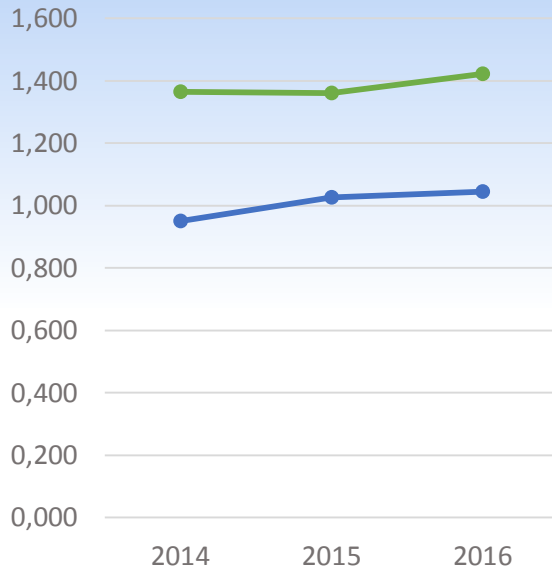
Chỉ tiêu	2015	2016	% Tăng giảm
Tổng tài sản	758.795	749.980	-1,16%
Doanh thu thuần	1.341.383	1.381.740	3,01%
Lợi nhuận từ HĐKD	82.447	92.225	11,86%
Lợi nhuận khác	1.631	1.155	-29,18%
Lợi nhuận trước thuế	84.077	93.380	11,06%
Lợi nhuận sau thuế	69.326	74.656	7,69%
Tỷ lệ cổ tức (%)	20	20	-

Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Stt	Chỉ tiêu	2015	2016
I	Chỉ tiêu về khả năng thanh toán (Lần)		
1	Hệ số thanh toán ngắn hạn	1,36	1,42
2	Hệ số thanh toán nhanh	1,03	1,05
II	Chỉ tiêu về cơ cấu vốn (%)		
1	Hệ số Nợ/Tổng tài sản	61,2	55,96
2	Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu	157,74	127,07
III	Chỉ tiêu về năng lực hoạt động (Lần)		
1	Vòng quay hàng tồn kho	8,29	8,74
2	Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ	1,88	1,83
IV	Chỉ tiêu về khả năng sinh lời (%)		
1	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	5,2%	5,4%
2	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Vốn chủ sở hữu bình quân	24,5%	23,9%
3	Hệ số Lợi nhuận sau thuế/Tổng tài sản bình quân	10%	9,9%
4	Hệ số LN HĐKD/Doanh thu thuần	6,1%	6,7%

Khả năng thanh toán

Đơn vị: lần



— Hệ số thanh toán ngắn hạn

— Hệ số thanh toán nhanh

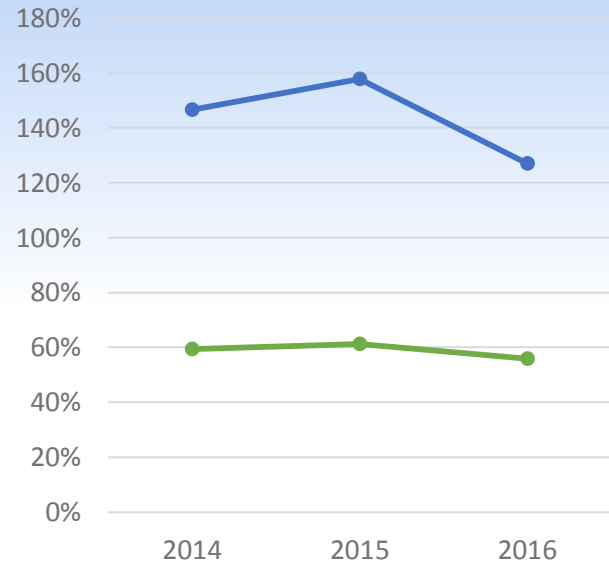
Hệ số thanh toán ngắn hạn năm 2016 tăng nhẹ lên mức 1,42 lần so với mức 1,36 năm 2015.

Hệ số thanh toán nhanh năm 2016 tiếp tục xu hướng tăng của 2 năm trước đạt giá trị 1,05 lần.

Các hệ số này ở mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành. Điều này thể hiện khả năng thanh toán của Công ty luôn được duy trì.

Cơ cấu vốn

Đơn vị: %



— Hệ số Nợ/Tổng tài sản

— Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu

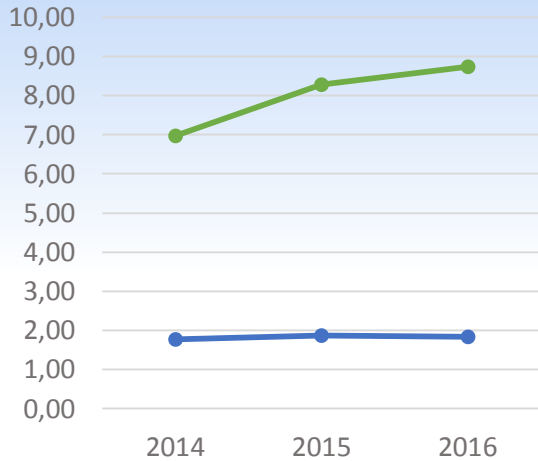
Hệ số Nợ/Vốn chủ sở hữu năm 2016 là 127,07%, giảm 30,68% so với năm 2015. Nguyên nhân do Nợ phải trả giảm 9,63% trong khi Vốn chủ sở hữu tăng 12,19% so với năm 2015.

Hệ số Nợ/Tổng tài sản năm 2016 đạt 55,96%, giảm 5,24% so với năm 2015. Do cả Nợ và Tổng tài sản đều giảm so với năm 2015.

Cơ cấu vốn có sự thay đổi chủ yếu là do trong năm giá trị gốc của khoản nợ xấu với khách hàng là Công ty Cổ phần Nước khoáng Vital đã giảm 83% so với năm 2015.

Năng lực hoạt động

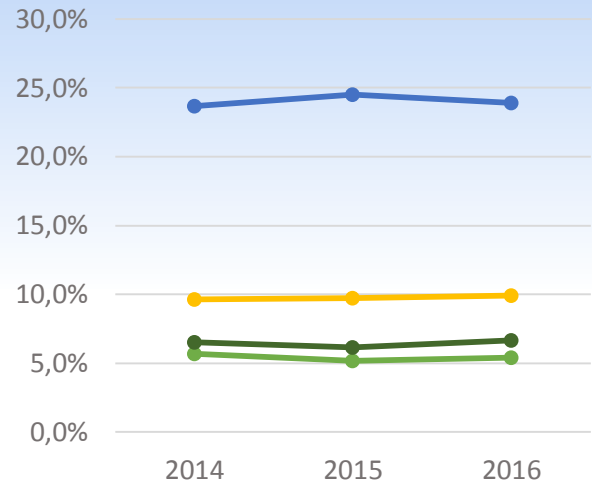
Đơn vị: lần



— Vòng quay hàng tồn kho
— Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ

Khả năng sinh lời

Đơn vị: %



— LNST/DTT — LNST/VCSH
— LNST/TTS — LN HĐKD/DTT

Hệ số Vòng quay hàng tồn kho năm 2016 là 8,73 lần, tăng nhẹ so với năm 2015. Đây là mức cao so với các công ty trong ngành.

Hệ số Doanh thu thuần/Tổng tài sản BQ năm 2016 giảm nhẹ xuống mức 1,83 lần. Cho thấy khả năng tạo ra doanh thu của một đơn vị tài sản đã giảm so với năm 2015.

Chỉ số LNST/VCSH và LNST/TTS năm 2016 lần lượt đạt 23,9% và 9,9%, giảm nhẹ so với năm 2015.

Chỉ số LNST/DTT, LN HĐKD/DTT đều tăng so với năm 2015 và lần lượt đạt các mức 5,4%; 6,7%.

Nhìn chung, các chỉ số khả năng sinh lời của Công ty đều ở mức khá cao so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Phân tích SWOT

Điểm mạnh :

- Công ty có kinh nghiệm về Quản lý chất lượng được đúc kết từ 48 năm, hệ thống QTCL đạt tiêu chuẩn ISO 9001:2008 được chứng nhận bởi tổ chức Intertek được duy trì và cải tiến liên tục.
- Đội ngũ CB-CNV công tác lâu năm, có kinh nghiệm trong sản xuất bao bì Carton và gắn bó với Công ty.
- Những nhà máy hiện tại của Công ty như 02 Nhà máy Carton, 01 Nhà máy Offset đều có quy mô lớn, nằm ở các vị trí địa lý thuận lợi, đáp ứng nhu cầu hàng hóa của khách hàng.
- Những năm qua Công ty đều đạt được kết quả kinh doanh tốt nên khả năng huy động vốn thông qua phát hành cổ phiếu và vay tín dụng từ các ngân hàng được thực hiện thuận lợi.

Điểm yếu :

- Những sai lỗi chất lượng thường lặp đi lặp lại, do hệ thống kiểm soát chất lượng còn những vấn đề chưa hợp lý, các sai lỗi chưa được ngăn ngừa, xử lý một cách triệt để nên chất lượng không ổn định làm giảm sự hài lòng của khách hàng.
- Bảo trì thiết bị còn hạn chế, các thông số kỹ thuật chưa được kiểm soát tốt dẫn đến thiết bị dễ xảy ra hư hỏng đột xuất và làm trễ hẹn đơn hàng.
- Công tác điều độ sản xuất còn hạn chế, chưa phát huy hiệu quả cao; khả năng đáp ứng đơn hàng gấp chưa cao nên còn hạn chế trong việc nhận đơn hàng gấp hoặc đột xuất.
- Đi sau đối thủ trong việc áp dụng các công nghệ thiết bị mới, mức độ tự động hóa của thiết bị chưa cao nên còn sử dụng lao động thủ công trong sản xuất so với đối thủ.

Cơ hội :

- Thị trường bao bì dự báo sẽ giữ vững mức tăng trưởng tốt 10% trong năm tới.
- Chính sách của Chính phủ tạo môi trường thuận lợi cho doanh nghiệp phát triển .

Thách thức :

- Nguy cơ thị trường bị thu hẹp vì có quá nhiều nhà sản xuất đầu tư mới, đầu tư mở rộng dẫn đến thị trường dư nguồn cung bao bì .
- Đối thủ dùng giá bán thấp để cạnh tranh, đây là con đường ngắn nhất để các doanh nghiệp khác có đơn hàng (chấp nhận hiệu quả thấp để chiếm lĩnh thị trường).
- Đối thủ trực tiếp có năng lực cạnh tranh rất mạnh, đa phần là các doanh nghiệp FDI, có nhà xưởng hiện đại, công nghệ tiên tiến, thiết bị tự động hóa cao, hệ thống quản lý công ty tốt.
- Yêu cầu của Khách hàng ngày càng cao và toàn diện (Nhà xưởng, Thiết bị, Hệ thống quản lý, giá cả, chất lượng, dịch vụ ...) nếu không đáp ứng thì sẽ không được khách hàng chọn làm nhà cung ứng bao bì .

Cơ cấu cổ đông, thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu

Cơ cấu cổ phần

Nội dung	Cổ phần
➤ Tổng số lượng cổ phần	12.832.437 cổ phần
➤ Loại cổ phần đang lưu hành	Cổ phần thường
➤ Số lượng cổ phần đang lưu hành	12.808.137 cổ phần
➤ Số lượng cổ phần Cổ phiếu quỹ	24.300 cổ phần
➤ Số lượng cổ phần bị hạn chế chuyển nhượng	0 cổ phần

Cơ cấu cổ đông

Stt	Loại cổ đông	Số lượng cổ phần	Tỉ lệ sở hữu
I	Cổ đông Nhà nước	6.880.393	53,62%
II	Cổ đông nội bộ	480.212	3,74%
III	Cổ đông trong nước	3.283.465	25,59%
1	Cá nhân	3.032.833	23,63%
2	Tổ chức	250.632	1,96%
IV	Cổ đông nước ngoài	2.164.067	16,86%
1	Cá nhân	440.323	3,43%
2	Tổ chức	1.723.744	13,43%
V	Cổ phiếu quỹ	24.300	0,19%
	TỔNG	12.832.437	100,00%

Thay đổi vốn đầu tư của chủ sở hữu: Không có

Giao dịch cổ phiếu quỹ: Không có

Báo cáo tác động liên quan đến môi trường và xã hội của Công ty

Báo cáo quản lý nguồn nguyên vật liệu:

Trong hoạt động sản xuất, Công ty luôn chú trọng việc rà soát, hoàn thiện và chuẩn hoá các bộ tiêu chuẩn định mức như tiêu hao vật tư, nguyên vật liệu tiêu; các tiêu chuẩn chất lượng sản phẩm:

- Công ty sử dụng giấy cuộn để sản xuất sản phẩm bao bì carton và giấy cuộn duplex để sản xuất giấy in offset. Tổng khối lượng giấy sử dụng trong năm 2016 là: 87.825 tấn.
- Nguyên liệu giấy thải ra trong năm 2016 khoảng 5.900 tấn giấy phế liệu. Công ty chuyển một phần qua Nhà máy Xeo giấy để tái chế lại với tỷ lệ chiếm 30%.

Tiêu thụ nước:

- Sử dụng 100% nguồn nước sạch từ CTCP Cấp nước Đồng Nai. Năm 2016, tổng lượng nước sử dụng là: 44.460 m³/năm.
- Phân xưởng Xeo sử dụng nước đã qua hệ thống xử lý nước thải nội tại Phân xưởng. Tổng lượng nước tuần hoàn tái sử dụng: ~ 30.000 m³/năm.

Tuân thủ pháp luật về bảo vệ môi trường:

- Trong năm 2016, Công ty tuân thủ đúng luật pháp và các quy định về môi trường, không bị xử phạt vi phạm. Dự án “Lò hơi đốt củi, công suất 1,5 tấn hơi/giờ của Công ty cổ phần Bao Bì Biên Hòa tại KCN Biên Hòa 1, thành phố Biên Hòa, Đồng Nai” cũng như những dự án, đề án khác mà Công ty đã và đang tiến hành đều nhận được xác nhận đăng ký phê duyệt đề án bảo vệ môi trường của UBND.
- Để đảm bảo chất lượng nguồn nước, Công ty phân tách mạng lưới nước thành hai hệ thống gồm: mạng lưới thoát nước mưa và mạng lưới thoát nước thải.
 - Mạng lưới thoát nước mưa: nước mưa được thu trên mái, sân bãi và đường nội bộ của phân xưởng và đầu nối ra mạng lưới thoát nước mưa của KCN Biên Hòa 1. Mạng lưới được đảm bảo tiêu thoát nước kịp thời.



- Mạng lưới thoát nước thải: Công ty đầu tư xây dựng hệ thống xử lý nước thải công suất 300 m³/ngày.đêm. Bên cạnh đó, Công ty đã ký hợp đồng xử lý nước thải với Công ty Cổ phần Dịch vụ Sonadezi để xử lý nước thải đạt QCVN 40:2011/BTNMT Quy chuẩn Quốc gia về Nước thải Công nghiệp (cột A).
- Đảm bảo chất lượng không khí cũng là một tiêu chí quan trọng trong hoạt động sản xuất của nhà máy. Trong quá trình sản xuất có quy trình đốt nhiên liệu mùn cưa làm phát sinh khí thải và bụi, Công ty đã kết hợp đốt nhiên liệu với đá vôi ở nhiệt độ thấp (850 - 950°C) nhằm giảm thiểu nồng độ khí NO₂ và SO₂ phát sinh. Sau đó bụi và khí thải sẽ được thu gom và xử lý triệt để. Nhờ đó mà chất lượng môi trường không khí xung quanh tại vị trí đo đặc đều đạt quy chuẩn QCVN 05:2013/BTNMT – Quy chuẩn kỹ thuật quốc gia về chất lượng không khí xung quanh, chất lượng môi trường không khí khu vực làm việc đạt theo QĐ 3733/2002/QĐ-BYT ngày 10/10/2002; QCVN 24/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế và QCVN 26/2016/TT-BYT ngày 30/06/2016 của Bộ Y tế.

Chính sách liên quan đến người lao động:

Giữ gìn và phát triển nguồn nhân lực là giá trị cốt lõi cho sự phát triển ổn định và bền vững của Công ty. Công ty không ngừng cải tiến và nâng cao chất lượng nguồn nhân lực, từ việc xây dựng hệ thống các quy chế, chính sách từ khâu tuyển dụng, đào tạo, lương thưởng đến việc triển khai các tiêu chuẩn quản trị nguồn nhân lực tiên tiến trên thế giới.

- Số giờ đào tạo theo phân loại nhân viên:

Nhân viên	Giờ	Ghi chú
Quản lý cấp Trung cao	64 giờ	Tương ứng 8 ngày
Chuyên viên; Tổ trưởng	72 giờ	Tương ứng 9 ngày, trong đó có 2 ngày đào tạo về công tác đảm bảo An toàn lao động.
Nhân viên thừa hành; phục vụ	32 giờ	
Công nhân sản xuất	56 giờ	Trong đó có 2 ngày đào tạo về công tác đảm bảo An toàn lao động.

- Trong hoạt động đào tạo nhân viên, Công ty tổ chức nhiều chương trình huấn luyện bên trong và bên ngoài, trong đó có các chương trình được tài trợ của JICA và Trung tâm 3:
 - Chương trình đào tạo sản xuất tinh gọn (Lean).
 - Chương trình đào tạo quản trị kinh doanh cao cấp Keieijuku.
 - Chương trình huấn luyện về FSC – Coc.
 - Chương trình huấn luyện 5S; An toàn lao động, Sơ cấp cứu, ứng phó với tình huống khẩn cấp; PCCC.
 - Chương trình huấn luyện bảo trì thiết bị.

- Chương trình huấn luyện về nâng cao Năng suất lao động.
- Bên cạnh việc nâng cao năng lực nhân viên, đảm bảo điều kiện an toàn lao động cũng là tiêu chí quan trọng trong quản lý nguồn nhân lực.
 - Công ty thành lập Hội đồng Bảo hộ lao động tham gia. Hàng năm, xây dựng và triển khai thực hiện các kế hoạch an toàn – vệ sinh lao động.
 - Nâng cao tay nghề phải kết hợp với nâng cao ý thức tuân thủ các quy trình và quy định về an toàn lao động cho người lao động tại từng khu vực sản xuất riêng.
 - Định kỳ kiểm tra tình hình thực hiện công tác bảo hộ lao động ở phân xưởng nhằm đảm bảo thực hiện đúng quy định đã đề ra.
 - Trang bị đầy đủ thiết bị sơ cấp cứu đúng tiêu chuẩn để xử lý kịp thời khi sự cố xảy ra.

Báo cáo liên quan đến trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương:

Công ty luôn nhận thức trách nhiệm đối với cộng đồng địa phương không chỉ là những hoạt động tài trợ tài chính mà còn là ý thức đảm bảo môi trường sống sạch và an toàn cho các hộ gia đình trên địa bàn hoạt động. Theo đó, Công ty đã có các hoạt động phòng ngừa sự cố rò rỉ hóa chất/ chất thải nguy hại như lưu giữ và vận chuyển chất thải đúng cách, có bảng an toàn để nhận biết, trang bị thiết bị ứng cứu phòng ngừa kịp thời. Phòng ngừa sự cố cháy nổ bằng cách trang bị hệ thống PCCC đúng quy định, bố trí hệ thống hợp lý an toàn.





BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

BÁO CÁO VÀ ĐÁNH GIÁ CỦA BAN GIÁM ĐỐC

Đánh giá kết quả hoạt động kinh doanh

Năm 2016, GDP toàn cầu chỉ đạt mức tăng 2,6%, thấp hơn cả mức 3% năm 2015. Các nền kinh tế lớn đã dần lấy lại được đà tăng trưởng mà đáng kể nhất là nền kinh tế Mỹ đạt tốc độ tăng GDP lên tới 3,2% trong quý III/2016. Nền kinh tế lớn thứ hai thế giới là Trung Quốc vẫn giữ được tốc độ tăng trưởng cao ổn định ở mức 6,5%. Ở trong nước, nền kinh tế đã có những chuyển biến tích cực. Kinh tế vĩ mô ổn định, tỷ giá và lãi suất phần lớn ổn định có sự điều hành tốt của NHNN, chỉ số giá tiêu dùng (CPI) và lạm phát diễn ra trong mức dự kiến, tăng trưởng GDP năm 2016 đạt 6,21%, tăng trưởng tín dụng 2016 đạt 18,71%.

Bên cạnh những kết quả đạt được, kinh tế Việt Nam đang phải đối diện một số khó khăn và thách thức như giá xăng dầu năm 2016 diễn biến trong xu hướng tăng và có thể tiếp tục đến năm 2017 (*giá có thể tăng do sản lượng dầu thô thế giới giảm do cam kết sẽ cắt giảm sản lượng khai thác của OPEC*), tỷ lệ nợ xấu đã tiến sát đến mức tiêu chuẩn đặt ra, hiệp định TPP-một cơ hội tốt cho kinh tế Việt Nam rất nhiều khả năng sẽ không đạt được thỏa thuận trong năm 2017.

Về phía Sovi, Công ty vẫn tiếp tục đà phát triển ổn định và bền vững khẳng định thương hiệu và vị thế trên thị trường. Năm 2016 vừa qua, Công ty đã đạt được kết quả khả quan như sau:

Doanh thu và Lợi nhuận

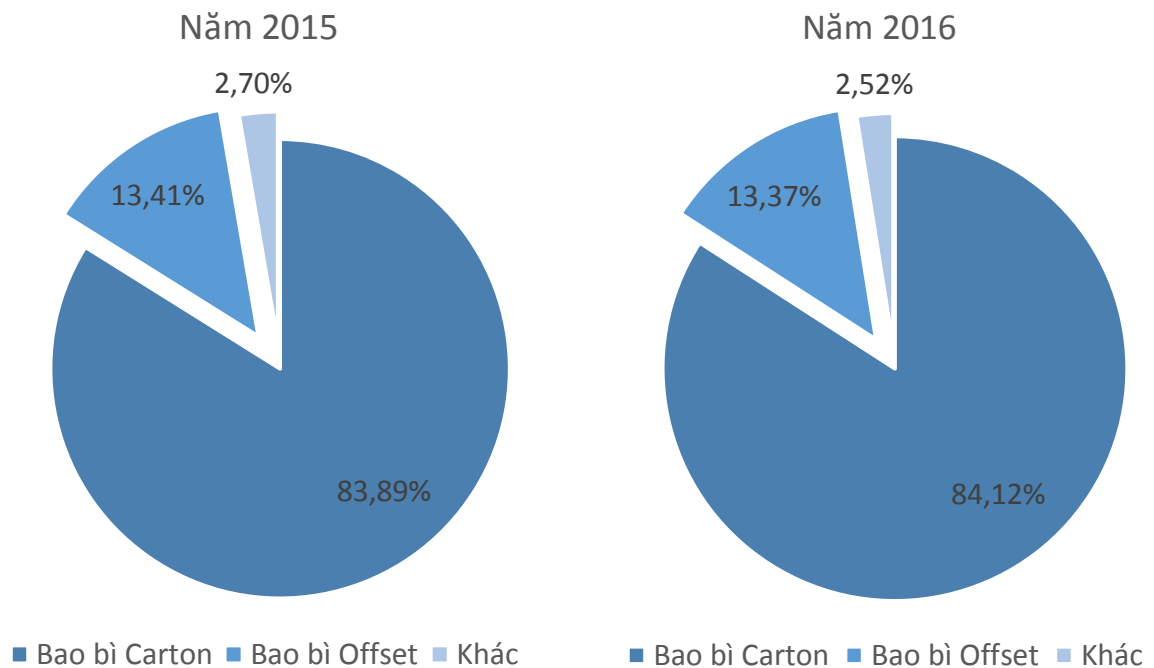
Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Doanh thu thuần	851.749	1.003.373	1.130.701	1.341.456	1.381.740
Lợi nhuận từ HĐKD	64.333	69.618	73.665	82.447	92.225
Lợi nhuận trước thuế	65.225	70.064	75.409	84.007	93.380
Lợi nhuận sau thuế	59.997	67.336	64.319	69.326	74.656

Cơ cấu doanh thu

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	1.125.330	83,89%	1.162.271	84,12%
Bao bì Offset	179.832	13,41%	184.676	13,37%
Khác	36.221	2,70%	34.793	2,52%
Tổng cộng	1.341.383	100%	1.381.740	100%

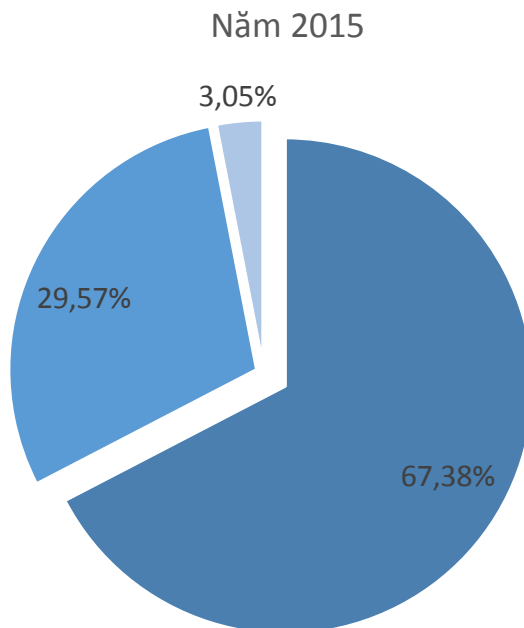


Trong năm 2016, tỷ trọng doanh thu giữa các sản phẩm không biến động nhiều. Trong đó, in bao bì Carton là sản phẩm mang lại doanh thu chính cho Công ty, đã tăng tỷ trọng lên 84,12%, tăng 0,23% so với năm 2015. Bao bì Offset giảm tỷ trọng xuống 13,37%, các sản phẩm khác giảm 2,52%.

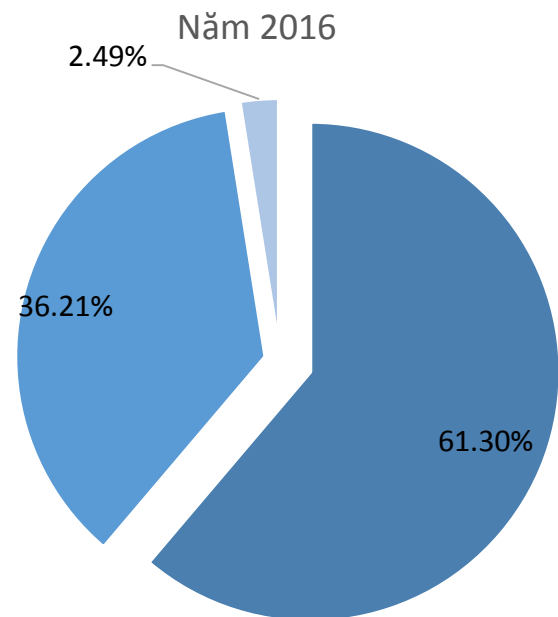
Cơ cấu lợi nhuận gộp

Đơn vị: triệu đồng

Khoản mục	Năm 2015		Năm 2016	
	Giá trị	Tỷ trọng (%)	Giá trị	Tỷ trọng (%)
Bao bì Carton	115,435	67.38%	111.550	61,30%
Bao bì Offset	50,659	29.57%	65.889	36,21%
Khác	5,225	3.05%	4.527	2,49%
Tổng cộng	171,319	100%	181.966	100%



■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác



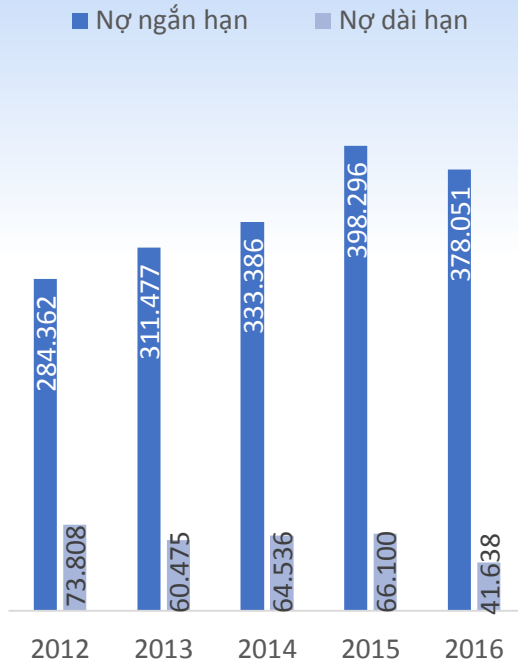
■ Bao bì Carton ■ Bao bì Offset ■ Khác

Nếu trong năm 2015 sản phẩm bao bì Carton có tỷ trọng doanh thu 83,89% và lợi nhuận gộp là 67,38% thì đến năm 2016, khi tỷ trọng doanh thu tăng lên 84,12% nhưng lợi nhuận gộp chỉ đạt 61,3%. Đối với bao bì Offset, tỷ trọng doanh thu giảm xuống 13,37% nhưng lợi nhuận gộp lại tăng lên 36,21% so với cơ cấu 29,57% năm 2015. Nguyên nhân do chi phí hàng bán của bao bì Carton cao hơn nhiều so với chi phí in bao bì Offset .

Đơn vị: triệu đồng

Chỉ tiêu	2012	2013	2014	2015	2016
Tổng cộng tài sản	549.662	610.872	669.385	758.795	749.980
Tài sản ngắn hạn	294.404	399.174	466.448	541.774	537.299
Tài sản dài hạn	255.259	211.698	202.937	217.022	212.680
Tổng vốn chủ sở hữu	191.492	238.921	271.464	294.399	330.291
Nợ ngắn hạn	284.362	311.477	333.386	398.296	378.051
Nợ dài hạn	73.808	60.475	64.536	66.100	41.638

Tình hình Nợ phải trả (triệu đồng)



Tình hình Nợ ngắn hạn và dài hạn

Đến cuối năm 2016, Nợ ngắn hạn của Công ty đạt 378.051 triệu đồng, giảm 5,4% so với năm 2015. Nợ ngắn hạn trong vòng 4 năm qua luôn ở mức cao (tăng hơn 7% mỗi năm). Nợ ngắn hạn giảm chủ yếu là do Công ty đã thanh toán cho người bán ngắn hạn là Công ty Hiang Seng Fibre Container khoản nợ trị giá 37.192 triệu đồng. Nợ ngắn hạn giảm sẽ giúp Công ty giảm được áp lực trả nợ, hạn chế rủi ro nếu xảy ra biến động về rủi ro lãi suất.

Nợ dài hạn năm 2016 giảm 10.443 triệu đồng, tương ứng giảm 15,8% so với năm 2015.

Tình hình tài sản ngắn hạn và dài hạn (triệu đồng)



Tình hình tài sản ngắn hạn và dài hạn

Tài sản ngắn hạn năm 2016 đạt 537.299 triệu đồng, giảm 4.475 triệu đồng, giảm nhẹ 0,8% so với năm 2015. Tài sản ngắn hạn giảm do Tiền và tương đương tiền giảm 64,62%.

Tài sản dài hạn của Công ty đạt 212.680 triệu đồng, giảm 4.342 triệu đồng tương ứng giảm nhẹ 2% so với năm 2015.

Thuận lợi và khó khăn:

Tình hình kinh tế nước ta trong năm 2016 diễn ra trong bối cảnh môi trường kinh tế toàn cầu còn nhiều bất ổn. Tăng trưởng kinh tế và thương mại thế giới thấp hơn so với dự báo, giá nhiều hàng hóa cơ bản và giá dầu thô ở mức thấp. Ở trong nước, nền kinh tế đang trên xu thế phục hồi với tốc độ phát triển GDP tăng dần qua các Quý và dự kiến sẽ đạt 6,3%. Kinh tế vĩ mô tiếp tục ổn định, lạm phát được kiểm chế, tăng trưởng xuất khẩu và lượng kiều hối tăng mỗi năm là những nguồn lực quan trọng giúp Việt Nam tăng trưởng ổn định và nâng tầm trong khu vực v.v... Tuy nhiên, nền kinh tế Việt Nam cũng đang phải đối diện một số khó khăn, thách thức như: giá dầu thô thế giới tiếp tục diễn biến khó lường, nợ công có xu hướng tăng, nợ xấu cho dù đã giảm nhưng vẫn chưa giải quyết triệt để và trở thành vật cản cho dòng tín dụng và làm cho lãi suất khó có thể giảm sâu, cộng với việc Quỹ dự trữ Liên bang Mỹ (FED) nâng lãi suất liên tiếp trong năm 2016 làm cho tỷ giá những tháng cuối năm tăng mạnh. Cán cân thương mại có xu hướng tăng trở lại và thâm hụt ngân sách kéo dài có thể tạo rủi ro cho công tác điều hành tỷ giá.

Ngoài những khó khăn, thuận lợi chung của nền kinh tế, công ty còn có những thuận lợi, khó khăn riêng sau:

Thuận lợi

- Ngành bao bì giấy vẫn còn tiềm năng tăng trưởng và phát triển. Chỉ số sản xuất công nghiệp năm 2016 ước tăng 7,8% so với cùng kỳ năm trước, trong đó ngành sản xuất giấy và sản phẩm từ giấy cũng tăng hơn 11%.
- Tập thể CB-CNV thể hiện tinh thần đoàn kết, thống nhất, nhiệt tình, trách nhiệm trong công việc vì sự ổn định và phát triển bền vững của Công ty.
- Mặc dù sản lượng năm 2016 giảm so với kế hoạch nhưng vẫn tăng hơn 3% so với cùng kỳ năm trước, chứng tỏ thương hiệu Sovi vẫn được khách hàng tiếp tục tín nhiệm.
- Sovi tiếp tục được các tổ chức tín dụng cho vay vốn với chi phí rẻ (từ 4,0 – 5%/năm) do tín nhiệm tín dụng được đánh giá cao (AAA) đã tạo điều kiện thuận lợi để triển khai kế hoạch sản xuất kinh doanh trong kỳ.
- Với xu hướng sử dụng sản phẩm thân thiện với môi trường, bao bì giấy trở thành sản phẩm khó bị thay thế và sẽ còn tiếp tục tăng trưởng trong tương lai.

Khó khăn

- Chỉ số quản trị mua hàng bình quân trong năm 2016 dưới 50%, dẫn đến cầu của thị trường bao bì yếu. Hơn nữa, nguồn cung về bao bì giấy lớn do nhiều nhà cung cấp tham gia vào thị trường khu vực phía Nam, cộng với đối thủ lại gia tăng mở rộng quy mô sản xuất, dẫn đến sự cạnh tranh gay gắt về giá bán và thị phần.

- Đối thủ mới thâm nhập thị trường và cạnh tranh trực tiếp đến các khách hàng lớn của Công ty với chiến lược giá thấp (từ 5 – 7 % so với Sovi) để dành lấy đơn hàng, dẫn đến sự xáo trộn và mất cân bằng lớn đối với hệ thống khách hàng mà Công ty đang có, buộc SOVI phải hạ giá bán, thậm chí chấp nhận chia sẻ thị phần.
- Thị trường nguyên liệu Giấy (nguyên liệu chính của Sovi) bắt đầu tăng giá trong quý IV/2016, dẫn đến các nhà cung ứng giấy có xu hướng giữ hàng chờ tăng giá nên một số đơn hàng giao trễ, giao thiếu sản lượng hoặc kéo dài thời gian giao hàng. Gây khó khăn cho hoạt động sản xuất của Công ty.
- Việc Quỹ Dự trữ liên bang Mỹ (FED) điều chỉnh tăng lãi suất làm cho thị trường hối đoái trên thế giới nói chung và Việt Nam nói riêng chịu tác động lớn đã làm cho tỷ giá trên thị trường trong những tháng cuối năm tăng hơn 5% so với đầu năm. Phát sinh tăng chi phí tài chính cho Công ty.
- Kỹ năng quản trị của một số cán bộ quản lý vẫn còn chưa theo kịp yêu cầu, đặc biệt là công tác quản trị nguồn nhân lực vẫn còn bộc lộ những yếu kém, bất cập dẫn đến hiệu quả quản lý còn chưa cao.
- Việc đầu tư máy móc thiết bị nhằm đồng bộ hóa năng lực sản xuất cho từng khâu máy tại các Nhà máy sản xuất bao bì Carton lẫn Offset chậm do các thủ tục đầu tư kéo dài làm ảnh hưởng đến năng lực sản xuất tổng thể của Công ty, tác động bất lợi đến sản xuất kinh doanh trong kỳ.



Những cải tiến về cơ cấu tổ chức, chính sách, quản lý

Cải tiến công tác tổ chức nhân sự

- Công ty tiếp tục nâng cao tay nghề cho CBCNV thông qua hình thức đào tạo nội bộ về các kỹ năng tác nghiệp và sản xuất và các khóa đào tạo bên ngoài hoặc mời các chuyên gia tư vấn có kinh nghiệm về đào tạo chuyên ngành quản lý, kỹ thuật, sản xuất cho CBCNV.
- Công tác tuyển dụng vẫn được duy trì thường xuyên đảm bảo cung ứng đầy đủ nhu cầu lao động trực tiếp cho hoạt động sản xuất kinh doanh của công ty. Đối với những công đoạn sản xuất giản đơn nhằm tiết giảm chi phí Công ty tiếp tục tuyển dụng theo hình thức việc làm thời vụ.

Duy trì và cải tiến

- Công ty tiếp tục tái cấu trúc lại nguồn nhân lực trên tinh thần tinh gọn và có hiệu quả. Cụ thể: hoàn chỉnh bộ hồ sơ giao việc, phương pháp xây dựng mục tiêu và đánh giá KPI của bộ phận và cá nhân; tiếp tục rà soát hoàn chỉnh nội dung và danh mục các cấp tài liệu để quản lý thống nhất toàn Công ty, hướng dẫn giao việc và kiểm soát công việc và đặc biệt hoàn thành bộ tiêu chí năng lực cốt lõi của Công ty làm cơ sở cho các bộ phận, phân xưởng tiến hành xây dựng tiêu chí ASK cho từng nhân viên cấp dưới. Tiếp tục duy trì phân tích chuyên đề theo các lĩnh vực của từng bộ phận phụ trách như khiếu nại chăm sóc khách hàng, theo dõi diễn biến các định mức tiêu hao vật tư chính, phân tích đánh giá các tiêu hao bất thường, tuy nhiên hiệu quả của việc quản lý vẫn còn khiêm tốn, chưa phát huy hết khả năng của từng người và từng công việc.

Chính sách tiêu thụ sản phẩm

- Tiếp tục tăng cường năng lực chuyên môn cho đội ngũ bán hàng nhằm tìm kiếm khách hàng. Đẩy mạnh công tác quan hệ và chăm sóc khách hàng để dành thị phần chủ lực của khách hàng VIP truyền thống như: Masan, Unilever, Pepsico, Cocacola, Nestlé, Sygenta, Hyosun, Bia Sài Gòn v.v. . . Đáp ứng các yêu cầu dịch vụ và chăm sóc khách hàng lớn kịp thời nhằm thỏa mãn khách hàng tốt nhất. Giao chỉ tiêu doanh số và doanh số khách hàng mới cho từng nhân viên bán hàng để đảm bảo mục tiêu Công ty và động lực phấn đấu của nhân viên. Tuy nhiên việc kiểm tra và đánh giá tiêu thụ sản phẩm hàng tháng vẫn còn hạn chế; chưa phân tích đầy đủ và chuyên sâu các nguyên nhân cốt lõi nên giải pháp đưa ra đôi lúc còn chưa phù hợp.

Công tác quản lý chất lượng

- Mặc dù Công ty cố gắng duy trì và cải tiến hệ thống quản lý chất lượng sản phẩm, tuy nhiên do phần lớn khách hàng chuyển từ đóng gói bao bì bằng thủ công sang đóng gói bằng tự động nên các tiêu chí chất lượng sản phẩm thay đổi và tăng cao. Trong khi việc cải tiến chất lượng và khắc phục lỗi chất lượng này còn chưa làm triệt

để và để lặp lại nên tình hình chất lượng sản phẩm lỗi xảy ra tương đối nhiều, dẫn đến sự phàn nàn của khách hàng có xu hướng tăng.

Kế hoạch hoạt động trong năm 2017

Tình hình thế giới năm 2017 dự báo tiếp tục diễn biến phức tạp; kinh tế thế giới có thể tăng cao hơn năm 2016 nhưng vẫn phục hồi chậm, không đồng đều và còn nhiều rủi ro. Giá một số hàng hóa cơ bản và dầu thô vẫn ở mức thấp. Cạnh tranh chiến lược giữa các nước lớn ở khu vực diễn ra gay gắt. Tình hình Biển Đông tiếp tục căng thẳng, khó lường... Ở trong nước, bên cạnh những thuận lợi, chúng ta vẫn còn nhiều hạn chế, yếu kém: Năng suất, chất lượng, hiệu quả, sức cạnh tranh còn thấp trong khi thế giới đang bước vào Cuộc cách mạng công nghiệp lần thứ tư; tỷ giá USD tăng và đồng VND giảm khiến Việt Nam gặp khó khăn trong xuất khẩu và hàng Trung Quốc gia tăng xuất qua Việt Nam. Việc thực hiện Chương trình nghị sự 2030 của Liên hợp quốc về phát triển bền vững và thực hiện các cam kết hội nhập quốc tế, nhất là các Hiệp định FTA thế hệ mới mở ra nhiều cơ hội thuận lợi nhưng cũng đặt ra không ít khó khăn, thách thức.

Với bối cảnh dự báo nền kinh tế như trên, cộng với khả năng và nguồn lực sẵn có của Công ty, HĐQT đề xuất các chỉ tiêu chủ yếu cho kế hoạch sản xuất kinh doanh năm 2017 của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa như sau:

Chỉ tiêu	Đơn vị	Kế hoạch
1. Sản lượng	tấn	86.500
▲ Bao bì carton	tấn	79.000
▲ Bao bì in offset	tấn	7.500
▲ Bao bì hộp	-	-
2. Tổng doanh thu	triệu đồng	1.500.000
3. Đầu tư XDCB	triệu đồng	120.000
4. TNBQ	triệu đồng/người/tháng	13,5
5. LNTT	triệu đồng	95.000
6. Nộp Ngân sách	triệu đồng	64.004

Các giải pháp thực hiện

- Tiếp tục chiến lược đầu tư đổi mới và nâng cấp thiết bị hiện có để nâng cao chất lượng sản phẩm nhằm đảm bảo cung cấp sản phẩm đến khách hàng đúng tiến độ, số lượng và chất lượng theo yêu cầu của khách hàng. Đảm bảo đầy đủ (kể cả dự phòng) các nguồn lực vật chất và con người để phục vụ sản xuất.
- Tiếp tục rà soát và điều chỉnh chính sách giá, chính sách sản phẩm, chính sách khách hàng thông qua giá cả hợp lý và cạnh tranh nhất so với đối thủ trên thị trường v.v... thông qua các chương trình kiểm soát và tiết giảm chi phí từ định mức nhân viên; giá mua trên thị trường; tăng năng suất lao động; giảm thời gian chết của MMTB,... nhằm đáp ứng một cách kịp thời, linh hoạt và tăng sức cạnh tranh của công ty.
- Duy trì và cải tiến hệ thống chất lượng sản phẩm thông qua các giải pháp:
 - Rà soát và cải tiến các quy trình kiểm soát chất lượng từ nguyên vật liệu, con người, thiết bị, phương pháp trên cơ sở hành động phải cụ thể rõ ràng; cần thiết và khả thi.
 - Đảm bảo tất cả người lao động am hiểu công việc của mình được phân công, làm được và tuân thủ thực hiện.
 - Các kết quả chất lượng phải được đo lường, được ghi nhận và phân tích để cải tiến.
 - Tuân thủ điều tra nguyên nhân theo 3M (hiện trường, hiện trạng, hiện vật) & hành động khắc phục phòng ngừa. Duy trì hoạt động đánh giá chất lượng nội bộ.
- Tiếp tục đẩy mạnh công tác bán hàng, phát triển thị trường và bán hàng thông qua việc tổ chức hoạt động marketing độc lập để nghiên cứu thị trường, khách hàng. Cũng cố lại đội ngũ bán hàng, nâng cao kỹ năng bán hàng, khả năng giao tiếp bằng tiếng Anh. Từ đó, mở rộng và lấy lại thị phần đối với khách hàng cũ và truyền thống nhằm đạt hoặc vượt kế hoạch đặt ra về doanh số. Tiếp tục triển khai chính sách giảm giá bán phù hợp để gia tăng sản lượng, tăng doanh thu.
- Tiếp tục triển khai thường xuyên công tác huấn luyện và đào tạo các kỹ năng quản lý, kỹ năng mềm cho các cấp quản lý nhằm nâng cao hiệu quả công việc cho từng thành viên. Chủ động và mở rộng công tác đào tạo nội bộ thường xuyên về các kỹ năng làm việc, kỹ năng sản xuất cho từng công nhân sản xuất nhằm tối ưu hóa các quy trình sản xuất thông qua việc vận hành theo đúng quy trình, quy định, từ đó hạn chế các sai lỗi trong quá trình sản xuất, tăng chất lượng sản phẩm, giảm chi phí.
- Tập trung hoàn tất việc triển khai giải pháp ứng dụng phần mềm ERP của INFOR trong công tác quản trị sản xuất và điều hành và đưa vào sử dụng trong năm 2017 nhằm tối ưu hóa từng vị trí và quy trình làm việc, gia tăng năng suất lao động, tiết giảm chi phí

Kế hoạch kinh doanh năm 2017 – 2020

Đơn vị: tấn

Chỉ tiêu	2017	2018	2019	2020
Sản lượng (tấn)				
Bao bì Carton	79.000	83.000	91.300	100.000
Bao bì in offset	7.500	8.200	9.000	10.000
Bao bì hộp	1.000	0	0	0
			<i>Đơn vị: triệu đồng</i>	
Tổng doanh thu	1.500.000	1.600.000	1.760.000	1.950.000
Đầu tư XD CB	120.000	40.000	40.000	250.000
TNBQ	13,50	13,70	14,00	15,00
Công tác xã hội	1.000	1.200	1.500	2.000

Những thành tích đạt được trong năm 2016

STT	Danh hiệu đạt được	Thành tích đạt được	Tổ chức	Thời gian
1	Tri Ân	Chăm lo CBVC lao động xa quê có hoàn cảnh khó khăn – Xuân Bích Thân	Thường vụ LĐLĐ Tỉnh Đồng Nai	02/2016
2	Bằng khen	Có thành tích đóng góp xuất sắc trong công tác Hội và Phong trào Chữ thập đỏ	Bằng khen số 445/UBND do UBND tỉnh Đồng Nai cấp	15/02/2016
3	Bằng khen	Đã có thành tích xuất sắc trong công tác Hội và Phong trào Chữ thập đỏ nhiệm kỳ 2011-2016	Bằng khen số 236/TUHCTD do Trung ương Hội Chữ thập đỏ Việt Nam	27/09/2016
4	Khánh tiết	Hoàn thành xuất sắc nhiệm vụ năm 2015; 2016	Tổng công ty CNTP Đồng Nai	15/01/2016 15/2/2017
5	Bằng khen	Chi bộ Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa đạt “Trong sạch, vững mạnh tiêu biểu năm 2015”	BCH Đảng bộ Tổng công ty CNTP Đồng Nai	25/02/2016
6	Tri ân	Có nhiều đóng góp, ủng hộ quỹ bảo trợ trẻ em Tỉnh Đồng Nai	Sở Lao động & TBXH Tỉnh Đồng Nai	30/06/2016
7	Tri ân	Trân trọng ghi ơn Công ty đã ủng hộ chăm lo CNVCLĐ có hoàn cảnh khó khăn Xuân Đình Đậu		



ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

ĐÁNH GIÁ CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Hoạt động giám sát của HĐQT đối với Ban Giám đốc

- Ủy quyền vốn vay tại Ngân hàng Ngoại thương Đồng Nai.
- Đánh giá tình hình thực hiện SXKD năm 2015. Phân tích nguyên nhân từ đó định hướng hoạt động SXKD năm 2016.
- Chỉ đạo điều hành, phân bổ kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng quý. Thực hiện việc kiểm tra giám sát tình hình SXKD – tài chính theo kế hoạch đã phê duyệt.
- Đảm bảo nguồn vốn hoạt động và hiệu quả chung của Công ty trong năm 2016.
- Giám sát thực hiện đầu tư một số tài sản theo phương hướng kế hoạch SXKD năm 2016 đã được Nghị quyết ĐHĐCĐ 2016 thông qua ngày 25/03/2016.
- Trực tiếp chỉ đạo, định hướng SXKD tại Chi nhánh Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa.
- Thông qua việc từ nhiệm và bầu bổ sung thành viên ban điều hành.
- Thông qua chấm dứt hoạt động văn phòng đại diện của Công ty tại thành phố Cần Thơ.
- Ban hành chương trình tổng thể của Công ty về việc thực hiện tiết kiệm chống lãng phí năm 2016.
- Chấp thuận vay vốn trung dài hạn tại Ngân hàng Shinhan Bank chi nhánh KCN Biên Hòa trị giá 41.500.000.000 đồng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về hoạt động của Công ty

Năm 2016, nền kinh tế Việt Nam tăng trưởng khá, tổng sản phẩm quốc nội GDP đạt mức tăng trưởng 6,28%, nền kinh tế vĩ mô bắt đầu ổn định, tăng trưởng bình quân ngành khoảng 10%.

Sức cầu của thị trường yếu, quan hệ cung cầu thay đổi mạnh. Các đối thủ cạnh tranh tiếp cận các khách hàng lớn của Sovi và chào giá thấp hơn từ 5-7%. Việc này đã gây áp lực khiến Sovi phải chào giá bán thấp hơn giá đã tính nhằm duy trì mối quan hệ khách hàng. Bên cạnh đó, khách hàng đã quản lý chặt chẽ nhà cung ứng bao bì bằng cách kiểm soát giá nguyên liệu giấy đầu vào và chi phí sản xuất, nhà cung ứng chỉ nhận được một mức lợi nhuận thấp.

Về phía đội ngũ CBCNV của Công ty năm qua đã làm việc rất năng suất, đoàn kết, luôn nỗ lực trong sản xuất kinh doanh để đạt được kế hoạch đề ra cũng như đáp ứng một cách tốt nhất đơn hàng của khách hàng.

Đánh giá của Hội đồng quản trị về Ban điều hành

Sau một năm hoạt động với áp lực cạnh tranh về giá bán rất gay gắt, nhiều đối thủ cạnh tranh giảm giá bán sâu để đạt được đơn hàng, vì vậy ảnh hưởng đáng kể đến hoạt động của Công ty. Ngoài ra, khách hàng cũng yêu cầu khắt khe hơn về chất lượng sản phẩm và dịch vụ, đòi hỏi sự nỗ lực phục vụ rất lớn mới đáp ứng kịp thời được yêu cầu của khách hàng. Trước tình hình đó, Ban Giám đốc đã rất cố gắng thể hiện tốt vai trò điều hành để duy trì tốc độ tăng trưởng cũng như đảm bảo đạt được kế hoạch của Hội đồng quản trị đề ra trong năm. Ngoài ra, Ban Giám đốc cũng liên tục triển khai các nhóm giải pháp trọng tâm của Công ty như đổi mới công nghệ, nâng cao chất lượng sản phẩm và tối ưu chi phí để giảm giá thành sản phẩm, v.v... Với kinh nghiệm điều hành cũng như gắn bó lâu năm với Công ty, trải qua những thay đổi hay sự cố bất ngờ trong năm qua nhưng Ban Giám đốc vẫn liên tục đưa ra những đánh giá và nhận định phù hợp, qua đó kịp thời phản ứng và giữ vững được đà phát triển của Công ty.



QUẢN TRỊ CÔNG TY

QUẢN TRỊ CÔNG TY

Hội đồng quản trị

Thành viên của Hội đồng quản trị

Stt	Thành viên HĐQT	Chức vụ	Ngày bắt đầu/không còn là thành viên HĐQT	Số buổi họp HĐQT tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Ông Trần Trang Bình	CT HĐQT	01/01/2016	108	100%
2	Ông Phạm Văn Điều	PCT HĐQT	29/03/2013	108	100%
3	Ông Trần Hữu Đức	TV HĐQT	01/01/2016	108	100%
4	Bà Nguyễn Thanh Ngân	TV HĐQT	29/03/2013	108	100%
5	Ông Đặng Ngọc Diệp	TV HĐQT	29/03/2013	108	100%
6	Ông Hoàng Ngọc Lựu	TV HĐQT	29/03/2013	108	100%
7	Ông Nguyễn Hoàng	TV HĐQT	29/03/2013	108	100%

Hoạt động của Hội đồng quản trị

Trong năm 2016, Hội đồng quản trị Công ty đã những nghị quyết/quyết định sau:

Stt	Số Nghị quyết/ Quyết định	Ngày	Nội dung
1	01/NQ-HĐQT/2016	19/01/2016	- Thông qua tạm ứng cổ tức đợt 2 năm 2015. - Chọn thời gian và địa điểm tổ chức ĐHCĐ thường niên năm 2016.
2	01/QĐ-HĐQT/2016	04/02/2016	Thông qua từ nhiệm và bầu bổ sung ban điều hành.
3	02/QĐ-HĐQT/2016	16/02/2016	Phê duyệt kéo dài thời gian nộp hồ sơ dự thầu cho gói thầu : Cung cấp máy cột tự động.
4	03/QĐ-HĐQT/2016	17/02/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp máy bồi tự động.
5	04/QĐ-HĐQT/2016	18/02/2016	Thống nhất phê duyệt chủ trương đầu tư bổ sung 1 cụm in Flexo cho máy in 5 màu và 1 cụm bế tròn cho máy in 3 màu.
6	05/QĐ-HĐQT/2016	19/02/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp máy bồi tự động.
7	06/QĐ-HĐQT/2016	22/02/2016	Phê duyệt Hồ sơ mời thầu & Tiêu chuẩn đánh giá gói thầu Cung cấp máy bồi tự động.
8	02/NQ-HĐQT/2016	24/02/2016	Thông qua báo cáo tài chính quý 4 và báo cáo tài chính năm 2015 đã được kiểm toán - Thông qua các tờ trình xin ý kiến tại ĐHCĐ thường niên năm 2016.
9	07/QĐ-HĐQT/2016	08/03/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu cung cấp bổ sung cụm thiết bị cho máy in Flexo.

10	08/QĐ-HĐQT/2016	18/03/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu gói thầu cung cấp bổ sung cụm thiết bị cho máy in Flexo.
11	09/QĐ-HĐQT/2016	24/03/2016	Thông qua chấm dứt hoạt động Văn phòng đại diện của Công ty tại Thành phố Cần Thơ.
12	10/QĐ-HĐQT/2016	05/04/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp cụm tạo sóng A khổ 2000mm.
14	10a/QĐ-HĐQT/2016	07/04/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp cụm tạo sóng A khổ 2000mm.
15	11/QĐ-HĐQT/2016	08/04/2016	Phê duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu Dự án đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng cấp công suất sản xuất bao bì offset và bao bì carton.
16	12/QĐ-HĐQT/2016	08/04/2016	Thống nhất phê duyệt hồ sơ yêu cầu gói thầu cung cấp bổ sung cụm thiết bị cho máy in Flexo bao gồm cung cấp 2 cụm bế tròn và 1 cụm in cho máy in Flexo.
17	13/QĐ-HĐQT/2016	09/04/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp cụm tạo sóng A khổ giấy tối đa 2000mm.
18	13a/QĐ-HĐQT/2016	09/04/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu cung cấp dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp.
19	13b/QĐ-HĐQT/2016	12/04/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu cung cấp dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp.
20	13c/QĐ-HĐQT/2016	13/04/2016	Phê duyệt HSMT & TCDG gói thầu cung cấp dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp.
21	03/NQ-HĐQT/2016	20/04/2016	Thông qua báo cáo tài chính quý 1 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý

			2
22	14/QĐ-HĐQT/2016	22/04/2016	Phê duyệt HSMT & TCDG gói thầu Cung cấp cụm tạo sóng A.
23	14a/QĐ-HĐQT/2016	22/04/2016	Phê duyệt hủy thầu gói thầu cung cấp 1 cụm in Flexo cho máy in 5 màu và 1 cụm bế tròn cho máy in 3 màu.
24	15/QĐ-HĐQT/2016	23/04/2016	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp máy cọt tự động.
25	15bis/QĐ-HĐQT/2016	03/05/2016	Phê duyệt cho phép đầu tư thêm 1 máy bồi tự động cho PX Offset.
26	16/QĐ-HĐQT/2016	07/05/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp máy in Flexo 6 màu.
27	17/QĐ-HĐQT/2016	09/05/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp máy in Flexo 6 màu.
28	18/QĐ-HĐQT/2016	11/05/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và Hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn cho gói thầu Cung cấp máy đóng bành tự động PX Offset.
29	19/QĐ-HĐQT/2016	13/05/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp máy đóng bành tự động.
30	20/QĐ-HĐQT/2016	19/05/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp xe nâng kẹp giấy cuộn 4 tấn.
31	21/QĐ-HĐQT/2016	20/05/2016	Phê duyệt giá kế hoạch chào hàng cạnh tranh gói thầu Cung cấp xe nâng kẹp giấy cuộn 4 tấn.
32	22/QĐ-HĐQT/2016	20/05/2016	Phê duyệt HSMT & TCDG gói thầu Cung cấp máy in Flexo 6 màu.
33	23/QĐ-HĐQT/2016	31/05/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp máy in flexo 6 màu, có sấy, có cụm tráng phủ (loại in

			Process).
34	24/QĐ-HĐQT/2016	01/06/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp máy in flexo 6 màu, có sậy, có cụm tráng phủ (loại in Process).
35	25/QĐ-HĐQT/2016	02/06/2016	Phê duyệt HSYC & TCĐG gói thầu cung cấp xe nâng kẹp cuộn 4 tấn.
36	26/QĐ-HĐQT/2016	02/06/2016	Phê duyệt cho phép mở thầu để tiến hành đánh giá các gói thầu Cung cấp dây chuyền sản xuất giấy 2 lớp và gói thầu cung cấp cụm tạo sóng A khổ giấy tối đa 2000mm.
37	27/QĐ-HĐQT/2016	03/06/2016	Phê duyệt chủ trương đầu tư thiết bị thu hồi bột dùng cho máy in Offset Phân xưởng Offset thuộc Cty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.
38	27a/QĐ-HĐQT/2016	03/06/2016	Phê duyệt cho phép mở thầu để tiến hành đánh giá gói thầu Cung cấp máy đóng bánh tự động.
39	28/QĐ-HĐQT/2016	08/06/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu chào hàng cạnh tranh rút gọn cho gói thầu : Cung cấp thiết bị thu hồi bột dùng cho máy in Offset Phân xưởng Offset thuộc Cty Cổ phần Bao bì Biên Hòa.
40	29/QĐ-HĐQT/2016	10/06/2016	Phê duyệt giá kế hoạch gói thầu : cung cấp thiết bị thu hồi bột dùng cho máy in Offset.
41	30/QĐ-HĐQT/2016	20/06/2016	Quyết định về việc ban hành chương trình tổng thể của Công ty về việc thực hiện tiết kiệm chống lãng phí năm 2016.
42	30a/QĐ-HĐQT/2016	20/06/2016	Phê duyệt cho phép mở thầu để tiến hành các gói thầu , cung cấp xe nâng kẹp giấy 4 tấn.

43	30bis/QĐ-HĐQT/2016	21/06/2016	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Máy đóng bánh tự động.
44	31/QĐ-HĐQT/2016	21/06/2016	Phê duyệt kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu chào hạn cạnh tranh rút gọn cho gói thầu : "Cung cấp lò hơi 1 tấn (đốt cùn mùn cưa ép, than đá cục, củi cao su, củi trấu, Gỗ tận dụng PX Offset)"
45	31bis/QĐ-HĐQT/2016	21/06/2016	Phê duyệt kết quả đấu thầu, gói thầu : Cung cấp dây chuyên sản xuất giấy 02 lớp. Dự án : Đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng cấp công suất SX bao bì Offset.
46	32/QĐ-HĐQT/2016	21/06/2016	Phê duyệt giá kế hoạch đấu thầu và hồ sơ mời thầu chào hạn cạnh tranh rút gọn cho gói thầu : "Cung cấp lò hơi 1 tấn (đốt cùn mùn cưa ép, than đá cục, củi cao su, củi trấu, Gỗ tận dụng PX Offset)"
47	33/QĐ-HĐQT/2016	25/06/2016	Phê duyệt kết quả đấu thầu gói thầu "Cung cấp cụm tạo sóng A khổ giấy tối đa 2000mm, thuộc dự án đầu tư bổ sung một số thiết bị để nâng cấp cung cấp SX Bao bì Offset"
48	34/QĐ-HĐQT/2016	28/06/2016	Phê duyệt HSMT & TCDG , gói thầu : Cung cấp Máy in Flexo 06 màu, có sấy, có cụm tráng phủ (loại in process).
49	36/QĐ-HĐQT/2016	02/07/2016	Quyết định duyệt cho phép mở thầu gói thầu : Cung cấp máy in Flexo 06 màu
50	36A/QĐ-HĐQT/2016	02/07/2016	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư máy nén khí cho khâu máy in Offset và dây chuyền sx giấy 03 lớp PX Offset
51	36B/QĐ-HĐQT/2016	04/07/2016	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư cải tiến và nâng cấp Máy nấu

			hồ tự động cho PX Carton
52	37/QĐ-HĐQT/2016	05/07/2016	Quyết định duyệt kế quả đấu thầu cung cấp xe nâng kẹp giấy 04 Tấn
53	38/QĐ-HĐQT/2016	06/07/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp thiết bị thu hồi bột dùng cho máy in PX Offset
54	39/QĐ-HĐQT/2016	06/07/2016	Quyết định duyệt kế hoạch đấu thầu chào hàng cạnh tranh gói thầu cung cấp : máy nén khí trục vít 60HP & 150 HP cho PX Offset
55	40/QĐ-HĐQT/2016	06/07/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch gói thầu Cung cấp máy nén khí trục vít 60HP & 150 HP cho PX Offset
56	40A/QĐ-HĐQT/2016	09/07/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu cải tiến và nâng cấp Máy nấu hồ tự động cho PX Carton
57	41/QĐ-HĐQT/2016	11/07/2016	Quyết định duyệt hồ sơ yêu cầu và tiêu chuẩn đánh giá gói thầu Cung cấp máy nén khí trục vít 60HP & 150 HP cho PX Offset
58	41BIS/QĐ-HĐQT/2016	11/07/2016	Quyết định thanh lý TSCĐ : Trạm Biến áp, Xe kẹp 03 Tấn, xe Ô tô 7 chỗ, Xe ô tô 05 chỗ
59	41A/QĐ-HĐQT/2016	12/07/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch gói thầu cải tiến và nâng cấp Máy nấu hồ tự động cho PX Carton
60	41B/QĐ-HĐQT/2016	12/07/2016	Quyết định chấp thuận Chủ trương điều tư thiết bị kệ sắt để thành phẩm bằng palete PX Offset
61	04/NQ-HĐQT/2016	25/07/2016	Họp HĐQT thường niên lần 2.2016 : - Thông qua báo cáo tài chính quý 2 và kế hoạch sản xuất kinh doanh quý 3, chi trả cổ tức đợt 01 năm 2016

62	42/QĐ-HĐQT/2016	27/07/2016	Quyết định duyệt kết quả thẩm định đánh giá hồ sơ dự thầu : Cung cấp lò hơi 01 Tấn
63	43/QĐ-HĐQT/2016	29/07/2016	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu : cung cấp lò hơi 01 Tấn
64	44/QĐ-HĐQT/2016	04/08/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu gói thầu : Cung cấp máy bồi tự động
65	45/QĐ-HĐQT/2016	06/08/2016	Quyết định phê duyệt cho phép đầu tư thêm 1 máy bồi tự động cho PX offset
66	46/QĐ-HĐQT/2016	09/08/2016	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu : Cung cấp máy in Flexo 06 màu
67	46A/QĐ-HĐQT/2016	12/08/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu đầu tư thiết bị kệ sắt để thành phẩm bằng palet PX Offset
68	47/QĐ-HĐQT/2016	12/08/2016	Quyết định cho phép mở thầu gói thầu : Cung cấp Máy in Flexo 06 màu, cò cụm tráng phủ loại in Process
69	47A/QĐ-HĐQT/2016	13/08/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch gói thầu cho gói thầu đầu tư thiết bị kệ sắt để thành phẩm bằng palet PX Offset
70	49/QĐ-HĐQT/2016	17/08/2016	Quyết định duyệt hủy đấu thầu cung cấp máy nén trục vít 60HP & 150 HP
71	50/QĐ-HĐQT/2016	23/08/2016	Quyết định duyệt danh sách nhà thầu đáp ứng về kỹ thuật dự án ung cấp Máy in Flexo 06 màu, có cụm tráng phủ loại in Process
72	50A/QĐ-HĐQT/2016	26/08/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu gói thầu đầu tư thiết bị kệ sắt để thành phẩm bằng palet PX Offset

73	51/QĐ-HĐQT/2016	29/08/2016	Quyết định phê duyệt chủ trương cải tạo, mở rộng mặt bằng khu vực thủ công vị trí được xác định nơi lắp đặt dây chuyền SX giấy 02 lớp của PX Offset
74	52/QĐ-HĐQT/2016	30/08/2016	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư gói thầu Cung cấp hệ thống làm khuôn bế tự động bao gồm : 01 máy cắt Laser khuôn bế Công suất 400W và 01 máy uốn dao bế cắt dao tự động
75	52A/QĐ-HĐQT/2016	01/09/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu gói thầu cải tạo, mở rộng mặt bằng khu vực thủ công vị trí được xác định nơi lắp đặt dây chuyền SX giấy 02 lớp của PX Offset
76	53/QĐ-HĐQT/2016	06/09/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu ung cấp hệ thống làm khuôn bế tự động bao gồm : 01 máy cắt Laser khuôn bế Công suất 400W và 01 máy uốn dao bế cắt dao tự động
77	53A/QĐ-HĐQT/2016	09/09/2016	Quyết định duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu cung cấp Máy in Flexo 06 màu, có cụm tráng phủ loại in Process
78	54/QĐ-HĐQT/2016	10/09/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch đấu thầu gói thầu Cung cấp hệ thống làm khuôn bế tự động bao gồm : 01 máy cắt Laser khuôn bế Công suất 400W và 01 máy uốn dao bế cắt dao tự động
79	55/QĐ-HĐQT/2016	13/09/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch gói thầu cải tạo, mở rộng mặt bằng khu vực thủ công vị trí được xác định nơi lắp đặt dây chuyền SX giấy 02 lớp của PX Offset

80	56/QĐ-HĐQT/2016	19/09/2016	Quyết định duyệt chủ trương đầu tư 01 xe bán tải trọng tải 500kg
81	57/QĐ-HĐQT/2016	23/09/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu cải tạo, mở rộng mặt bằng khu vực thủ công vị trí được xác định nơi lắp đặt dây chuyền SX giấy 02 lớp của PX Offset
82	57A/QĐ-HĐQT/2016	26/09/2016	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư xe nâng điện 1.5 tấn
83	58/QĐ-HĐQT/2016	26/09/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu: Mua sắm xe bán tải
84	59/QĐ-HĐQT/2016	28/09/2016	Duyệt kế hoạch đấu thầu cho gói thầu Mua sắm xe bán tải
85	60/QĐ-HĐQT/2016	29/09/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu gói thầu cải tiến và nâng cấp Máy nấu hồ tự động cho PX Carton
86	61/QĐ-HĐQT/2016	30/09/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu gói thầu Cung cấp hệ thống làm khuôn bế tự động bao gồm : 01 máy cắt Laser khuôn bế Công suất 400W và 01 máy uốn dao bế cắt dao tự động
87	61A/QĐ-HĐQT/2016	04/10/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu ; Cung cấp xe nâng điện 1.5 Tấn
88	61B/QĐ-HĐQT/2016	10/10/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch gói thầu ; Cung cấp xe nâng điện 1.5 Tấn
89	61C/QĐ-HĐQT/2016	10/10/2016	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư thi công hạng mục móng dây chuyền SX giấy và 02 lớp
90	62/QĐ-HĐQT/2016	20/10/2016	Quyết định phê duyệt chấp thuận hành lập tổ thẩm định báo cáo kết

			quả lực chọn nhà thầu gói thầu ; Mua sắm xe Bán tải
91	62A/QĐ-HĐQT/2016	23/10/2017	Quyết định chấp thuận chủ trương đầu tư trạm biến áp 250KVA và đường dây hạ thế, tủ điện tổng cho PX offset
92	63/QĐ-HĐQT/2016	24/10/2016	Quyết định phê duyệt kết quả lựa chọn nhà thầu gói thầu Mua sắm xe bán tải
93	63A/QĐ-HĐQT/2016	25/10/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu : đầu tư trạm biến áp 250KVA và đường dây hạ thế, tủ điện tổng cho PX offset
94	63B/QĐ-HĐQT/2016	27/10/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch cho gói thầu : đầu tư trạm biến áp 250KVA và đường dây hạ thế, tủ điện tổng cho PX offset
95	05/NQ-HĐQT/2016	27/10/2016	Họp HĐQT thường niên lần 03/2016 - Thông qua báo cáo tài chính và kết quả hoạt động Sản xuất Kinh doanh quý 3 năm 2016 - Thông qua Kế hoạch hoạt động Sản xuất Kinh Doanh quý 04 năm 2016 - Thông qua đầu tư thuê đất tại KCN Lộc An - Bình Sơn Huyện Long Thành Tỉnh Đồng Nai
96	63BIS/QĐ-HĐQT/2016	28/10/2016	Quyết định Duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu hi công hạng mục móng dây chuyền SX giấy và 02 lớp
97	63A/QĐ-HĐQT/2016	03/11/2016	Quyết định phê duyệt chủ trương đầu tư xe kẹp 4.5 Tấn
98	63B/QĐ-HĐQT/2016	06/11/2016	Quyết định duyệt kế hoạch đấu thầu chào hàng cạnh tranh cho gói thầu : Cung cấp xe nâng giấy kẹp cuộn

			4.5Tan
99	63C/QĐ-HĐQT/2016	08/11/2016	Quyết định duyệt giá kế hoạch ho gói thầu : Cung cấp xe nâng giấy kẹp cuộn 4.5Tan
100	64/QĐ-HĐQT/2016	22/11/2016	Quyết định phê duyệt kết quả đấu thầu : Cung cấp xe nâng điện 1.5 Tấn
101	64A/QĐ-HĐQT/2016	22/11/2016	Quyết định chủ trương đầu tư : Cung cấp thiết bị bản in Flexo trực tiếp từ máy tính đến bản in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất
102	64BIS/QĐ-HĐQT/2016	12/12/2016	Quyết định kết quả đấu thầu gói thầu cho gói thầu thi công hạng mục móng dây chuyền SX giấy và 02 lớp
103	65A/QĐ-HĐQT/2016	15/12/2016	Quyết định duyệt kế hoạch lựa chọn nhà thầu và hồ sơ mời thầu cho gói thầu Cung cấp thiết bị bản in Flexo trực tiếp từ máy tính đến bản in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất
104	65/QĐ-HĐQT/2016	15/12/2016	Quyết định cho phép mở thầu Cung cấp xe nâng giấy kẹp cuộn 4.5Tan
105	65A/QĐ-HĐQT/2016	17/12/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu ; đầu tư trạm biến áp 250KVA và đường dây hạ thế, tủ điện tổng cho PX offset
106	65B/QĐ-HĐQT/2016	17/12/2016	Quyết định duyệt kế hoạch đấu thầu gói thầu : Cung cấp thiết bị bản in Flexo trực tiếp từ máy tính đến bản in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất
107	66/QĐ-HĐQT/2016	24/12/2016	Quyết định duyệt kết quả đấu thầu Cung cấp xe nâng giấy kẹp cuộn 4.5Tan
108	67/QĐ-HĐQT/2016	28/12/2016	Quyết định duyệt Hồ sơ mời thầu & Tiêu chuẩn đánh giá gói thầu Cung

			cấp thiết bị bản in Flexo trực tiếp từ máy tính đến bản in kỹ thuật số với chất lượng và năng suất
--	--	--	--

Hoạt động của thành viên hội đồng quản trị không điều hành

Thành viên Hội đồng quản trị độc lập không điều hành thực hiện đúng chức năng, quyền hạn, nhiệm vụ của mình theo sự phân công của Hội đồng quản trị.

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị có chứng chỉ về Quản trị công ty

- Ông TRẦN TRANG BÌNH – Chủ tịch HĐQT kiêm Phó giám đốc công ty
- Ông PHẠM VĂN ĐIỀU – Phó chủ tịch HĐQT kiêm Giám đốc công ty
- Bà NGUYỄN THANH NGÂN - Thành viên HĐQT
- Ông NGUYỄN HOÀNG - Thành viên HĐQT kiêm Kế toán trưởng công ty
- Ông HOÀNG NGỌC LỰU - Thành viên HĐQT
- Ông ĐẶNG NGỌC DIỆP - Thành viên HĐQT
- Ông TRẦN HỮU ĐỨC – Thành viên HĐQT

Ban kiểm soát

Thành viên Ban kiểm soát

STT	Thành viên BKS	Chức vụ	Ngày bắt đầu/ không còn là thành viên BKS	Số buổi họp BKS tham dự	Tỷ lệ tham dự họp
1	Trần Hữu Đức	Trưởng BKS	29/03/2013- 01/01/2016	4/4	100%
2	Nguyễn Văn Toàn	TV BKS	29/03/2013- 25/03/2016	4/4	100%
3	Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	TV BKS	29/03/2013- 25/03/2016	4/4	100%
4	Lý Phát	Trưởng BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	3/3	100%
5	Nguyễn Thị Thanh Trúc	TV BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	3/3	100%
6	Nguyễn Thị Hương	TV BKS	25/03/2016 - 29/03/2018	3/3	100%

Hoạt động của Ban kiểm soát

Hoạt động giám sát của BKS đối với HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và cổ đông

- Ban Kiểm Soát đã thực hiện chức năng giám sát Hội đồng quản trị, Ban điều hành trong việc quản lý và điều hành Công ty. Thực hiện việc đánh giá, giám sát tình hình kinh doanh, kịp thời phản ánh, ghi nhận hoạt động của Công ty để báo cáo cho Hội Đồng Quản Trị trong các kỳ họp định kỳ. Định kỳ, Ban kiểm soát thực hiện thẩm định Báo cáo tài chính năm 2015 trình Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2016.
- Quá trình giám sát, Ban Kiểm soát nhận thấy các thành viên HĐQT và BGD đã có nhiều nỗ lực trong việc triển khai thực hiện nghị quyết đã được Đại hội cổ đông thường niên năm 2016 thông qua. Xây dựng các định hướng, chỉ đạo điều hành công ty, thảo luận và quyết nghị về những vấn đề chính yếu của Công ty. Các biên bản, Nghị quyết của HĐQT được Thư ký Công ty ghi chép biên bản đầy đủ

và công bố thông tin đúng thời hạn theo các nội dung đã thống nhất thông qua và được Ban điều hành triển khai thực hiện.

Sự phối hợp hoạt động giữa BKS đối với hoạt động của HĐQT, Ban Giám đốc điều hành và các cán bộ quản lý khác

- Trong năm 2016, Ban kiểm soát đã tiến hành hoạt động theo đúng chức năng, nhiệm vụ. Ban kiểm soát đã lập kế hoạch, xây dựng chương trình công tác và phân công nhiệm vụ cụ thể cho từng thành viên; Triển khai kiểm tra, giám sát thường xuyên mọi hoạt động của Hội đồng quản trị, Ban giám đốc điều hành. Cụ thể bao gồm:
 - Kiểm tra, rà soát lại các quy chế, quy định quản lý nội bộ đã ban hành kiểm tra các tờ trình của Giám đốc, nghị quyết, quyết định của HĐQT.
 - Góp ý kiến thiết thực, tham gia ý kiến về những vấn đề cần lưu ý trong hoạt động SXKD chung của Công ty tại các cuộc họp HĐQT.
 - Xem xét tính hợp lý của các văn bản quản lý nội bộ của Công ty đã ban hành trong năm qua.
 - Kiểm tra, đánh giá thường xuyên về việc quản lý, điều hành thực hiện nhiệm vụ SXKD của HĐQT và Ban giám đốc theo đúng điều lệ tổ chức và hoạt động; Nghị quyết của HĐQT đã ban hành.
 - Hàng quý kiểm soát tình hình tài chính của Công ty thông qua báo cáo tài chính quý được lập theo quy định.
 - HĐQT, Giám đốc, người quản lý khác đã cung cấp thông tin, tài liệu về công tác quản lý, điều hành và hoạt động kinh doanh của Công ty, tạo điều kiện cho công tác kiểm soát được thuận lợi.
 - Các tài liệu trong các kỳ họp của HĐQT đều được cung cấp đồng thời cho Ban kiểm soát vào cùng thời điểm chúng được cung cấp cho Hội đồng quản trị, nhờ đó BKS có thể giám sát tốt các hoạt động của Công ty, có ý kiến kịp thời đến công tác quản lý, điều hành của Công ty.

Các khoản lợi ích của Hội đồng Quản trị, Ban Giám đốc và Ban Kiểm soát

Công ty thực hiện đúng theo quy định của Điều lệ và luật có liên quan.

STT	Họ và tên	Lương công việc	Lương hiệu quả (các khoản thưởng tính vào lương)	Thưởng (HĐQT & BKS)
1	Hội đồng quản trị			
1.1	Phạm Văn Điều	314.065.596	348.869.716	173.456.000
1.2	Trần Trang Bình	402.322.327	401.690.750	190.546.000
1.3	Nguyễn Thanh Ngân	89.128.038	156.901.014	146.546.000
1.4	Nguyễn Hoàng	241.861.060	243.708.396	146.546.000
1.5	Hoàng Ngọc Lựu	269.601.538	246.971.596	146.546.000
1.6	Đặng Ngọc Diệp	280.576.308	274.252.221	146.546.000
1.7	Trần Hữu Đức			146.546.000
2	Ban kiểm soát			
2.1	Lý Phát	155.694.224	140.785.104	77.000.000
2.2	Nguyễn Thị Hường	104.062.184	107.249.745	36.000.000
2.3	Nguyễn Thị Thanh Trúc			51.200.000
3	Ban Giám đốc			
3.1	Lê Quốc Tuyên	414.799.327	455.155.511	
3.2	Phạm Văn Điều		Kê khai mục 1.1	
3.3	Trần Trang Bình		Kê khai mục 1.2	
3.4	Đặng Ngọc Diệp		Kê khai mục 1.6	
3.5	Hà Văn Sơn	282.898.413	275.739.150	

Giao dịch cổ phiếu

STT	Người thực hiện giao dịch	Quan hệ với người nội bộ	Số cổ phiếu sở hữu đầu kỳ		Số cổ phiếu sở hữu cuối kỳ		Lý do
			Số cổ phiếu	Tỷ lệ	Số cổ phiếu	Tỷ lệ	
1	Nguyễn Thị Hường	Người nội bộ	15.863	0,123%	15.323	0,119%	Giải quyết việc riêng

Giao dịch khác: không có



BÁO CÁO TÀI CHÍNH

**CÔNG TY CỔ PHẦN
BAO BÌ BIÊN HÒA**

BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN
Cho năm tài chính kết thúc tại ngày 31 tháng 12 năm 2016

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

MỤC LỤC

	Trang
BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ	01 - 02
BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP	03 - 04
BÁO CÁO TÀI CHÍNH ĐÃ ĐƯỢC KIỂM TOÁN	
Bảng cân đối kế toán	05 - 06
Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh	07
Báo cáo lưu chuyển tiền tệ	08 - 09
Thuyết minh báo cáo tài chính	10 - 37
<u>Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 31/12/2016</u>	38

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") đệ trình báo cáo này cùng với các báo cáo tài chính đính kèm đã được kiểm toán của Công ty cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

THÀNH VIÊN HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ, BAN KIỂM SOÁT VÀ BAN GIÁM ĐỐC

Danh sách các thành viên Hội đồng quản trị trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Trần Trang Bình	Chủ tịch (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Lê Quốc Tuyên	Chủ tịch (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Phạm Văn Điều	Phó Chủ tịch
Ông Trần Hữu Đức	Thành viên (bổ nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Ông Đặng Ngọc Diệp	Thành viên
Ông Hoàng Ngọc Lựu	Thành viên
Ông Nguyễn Hoàng	Thành viên
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Thành viên

Danh sách các thành viên Ban Kiểm soát trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Lý Phát	Trưởng ban (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Ông Trần Hữu Đức	Trưởng ban (miễn nhiệm ngày 01 tháng 01 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Hương	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thanh Trúc	Thành viên (bổ nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Ông Nguyễn Văn Toàn	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)
Bà Nguyễn Thị Quỳnh Trâm	Thành viên (miễn nhiệm ngày 25 tháng 03 năm 2016)

Danh sách các thành viên Ban Giám đốc trong năm và vào ngày lập báo cáo này của Công ty bao gồm:

<u>Tên</u>	<u>Chức vụ</u>
Ông Phạm Văn Điều	Giám đốc (bổ nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2017)
Ông Lê Quốc Tuyên	Giám đốc (miễn nhiệm ngày 03 tháng 01 năm 2017)
Ông Trần Trang Bình	Phó Giám đốc
Ông Đặng Ngọc Diệp	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)
Ông Hà Văn Sơn	Phó Giám đốc (bổ nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)
Bà Nguyễn Thanh Ngân	Phó Giám đốc (miễn nhiệm ngày 01 tháng 02 năm 2016)

TRÁCH NHIỆM CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

Hội đồng quản trị Công ty có trách nhiệm lập báo cáo tài chính hằng năm phản ánh một cách trung thực và hợp lý tình hình tài chính cũng như kết quả kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ của Công ty trong năm. Trong việc lập báo cáo tài chính này, Hội đồng quản trị được yêu cầu phải:

- Lựa chọn các chính sách kế toán thích hợp và áp dụng các chính sách đó một cách nhất quán;
- Đưa ra các xét đoán và ước tính một cách hợp lý và thận trọng;
- Nêu rõ Chuẩn mực kế toán áp dụng cho Công ty có được tuân thủ hay không, có những áp dụng sai lệch trọng yếu cần được công bố và giải thích trong báo cáo tài chính hay không;
- Lập báo cáo tài chính trên cơ sở hoạt động liên tục trừ trường hợp không thể giả định rằng Công ty sẽ tiếp tục hoạt động liên tục; và
- Thiết kế và duy trì hệ thống kiểm soát nội bộ một cách hữu hiệu cho mục đích lập và trình bày báo cáo tài chính hợp lý nhằm hạn chế sai sót và gian lận.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

BÁO CÁO CỦA HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ (TIẾP THEO)

Hội đồng quản trị chịu trách nhiệm đảm bảo rằng các sổ sách kế toán được ghi chép phù hợp và lưu giữ đầy đủ để phản ánh một cách hợp lý tình hình tài chính của Công ty tại bất kỳ thời điểm nào và báo cáo tài chính được lập tuân thủ các Chuẩn mực kế toán và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam cũng như các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam. Hội đồng quản trị Công ty cũng chịu trách nhiệm đảm bảo an toàn tài sản của Công ty và thực hiện những biện pháp thích hợp để ngăn chặn và phát hiện các hành vi gian lận và vi phạm khác.

Hội đồng quản trị xác nhận rằng Công ty đã tuân thủ các yêu cầu nêu trên khi lập báo cáo tài chính.

KIỂM TOÁN VIÊN

Báo cáo tài chính kèm theo được kiểm toán bởi Công ty TNHH Kiểm toán & Tư vấn RSM Việt Nam, thành viên RSM Quốc tế.

CÔNG BỐ BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Hội đồng quản trị Công ty công bố rằng, báo cáo tài chính kèm theo phản ánh trung thực và hợp lý, trên các khía cạnh trọng yếu, tình hình tài chính của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày, phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán Việt Nam và các quy định hiện hành có liên quan tại Việt Nam.

Thay mặt và đại diện cho Hội đồng quản trị



TRẦN TRANG BÌNH

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2017

Số: 17.157/BCKT-RSM HCM

BÁO CÁO KIỂM TOÁN ĐỘC LẬP

**Kính gửi: Các Cổ đông
Các thành viên Hội đồng quản trị
CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA**

Báo cáo kiểm toán về báo cáo tài chính

Chúng tôi đã kiểm toán báo cáo tài chính kèm theo của Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty"), được lập ngày 05 tháng 03 năm 2017 từ trang 05 đến trang 38, bao gồm Bảng cân đối kế toán tại ngày 31 tháng 12 năm 2016, Báo cáo kết quả kinh doanh, Báo cáo lưu chuyển tiền tệ cho năm tài chính kết thúc cùng ngày và Bản thuyết minh báo cáo tài chính. Báo cáo tài chính kèm theo không phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

Trách nhiệm của Hội đồng quản trị

Hội đồng quản trị Công ty chịu trách nhiệm về việc lập và trình bày trung thực hợp lý báo cáo tài chính của Công ty theo các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định pháp lý có liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính và chịu trách nhiệm về kiểm soát nội bộ mà Hội đồng quản trị xác định là cần thiết để đảm bảo cho việc lập và trình bày báo cáo tài chính không có sai sót trọng yếu do gian lận hoặc nhầm lẫn.

Trách nhiệm của Kiểm toán viên

Trách nhiệm của chúng tôi là đưa ra ý kiến về báo cáo tài chính dựa trên kết quả của cuộc kiểm toán. Chúng tôi đã tiến hành kiểm toán theo các Chuẩn mực kiểm toán Việt Nam. Các chuẩn mực này yêu cầu chúng tôi tuân thủ chuẩn mực và các quy định về đạo đức nghề nghiệp, lập kế hoạch và thực hiện cuộc kiểm toán để đạt được sự đảm bảo hợp lý về việc liệu báo cáo tài chính của Công ty có còn sai sót trọng yếu hay không.

Công việc kiểm toán bao gồm thực hiện các thủ tục nhằm thu thập các bằng chứng kiểm toán về các số liệu và thuyết minh trên báo cáo tài chính. Các thủ tục kiểm toán được lựa chọn dựa trên xét đoán của kiểm toán viên, bao gồm đánh giá rủi ro có sai sót trọng yếu trong báo cáo tài chính do gian lận hoặc nhầm lẫn. Khi thực hiện đánh giá các rủi ro này, kiểm toán viên đã xem xét kiểm soát nội bộ của Công ty liên quan đến việc lập và trình bày báo cáo tài chính trung thực, hợp lý nhằm thiết kế các thủ tục kiểm toán phù hợp với tình hình thực tế, tuy nhiên không nhằm mục đích đưa ra ý kiến về hiệu quả của kiểm soát nội bộ của Công ty. Công việc kiểm toán cũng bao gồm đánh giá tính thích hợp của các chính sách kế toán được áp dụng và tính hợp lý của các ước tính kế toán của Hội đồng quản trị cũng như đánh giá việc trình bày tổng thể báo cáo tài chính.

Chúng tôi tin tưởng rằng các bằng chứng kiểm toán mà chúng tôi đã thu thập được là đầy đủ và thích hợp làm cơ sở cho ý kiến kiểm toán của chúng tôi.

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

TÀI SẢN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
A. TÀI SẢN NGẮN HẠN	100		537.299.201.874	541.773.547.673
I. Tiền và các khoản tương đương tiền	110	(5.1)	42.335.967.916	119.668.750.027
1. Tiền	111		17.335.967.916	34.668.750.027
2. Các khoản tương đương tiền	112		25.000.000.000	85.000.000.000
II. Các khoản đầu tư tài chính ngắn hạn	120	(5.2)	50.000.000.000	
1. Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn	123		50.000.000.000	
III. Các khoản phải thu ngắn hạn	130		300.668.540.217	288.444.733.715
1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng	131	(5.3)	273.596.211.680	281.892.155.608
2. Trả trước cho người bán ngắn hạn	132	(5.4)	24.843.643.207	4.757.080.439
3. Phải thu ngắn hạn khác	136	(5.5)	2.804.319.968	2.352.141.984
4. Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	137	(5.6)	(575.634.638)	(556.644.316)
IV Hàng tồn kho	140		142.190.499.493	132.683.672.400
1. Hàng tồn kho	141	(5.7)	142.190.499.493	132.683.672.400
V. Tài sản ngắn hạn khác	150		2.104.194.248	976.391.531
1. Chi phí trả trước ngắn hạn	151	(5.12)	909.563.450	976.391.531
2. Thuế GTGT được khấu trừ	152		1.194.630.798	
B. TÀI SẢN DÀI HẠN	200		212.680.457.817	217.021.644.749
I. Các khoản phải thu dài hạn	210		2.278.576.000	2.278.576.000
1. Phải thu dài hạn khác	216	(5.5)	2.278.576.000	2.278.576.000
II. Tài sản cố định	220		162.312.217.568	136.674.196.344
1. Tài sản cố định hữu hình	221	(5.9)	148.765.120.722	117.984.545.433
Nguyên giá	222		426.636.689.964	375.224.407.061
Giá trị hao mòn lũy kế	223		(277.871.569.242)	(257.239.861.628)
2. Tài sản cố định thuê tài chính	224	(5.10)	12.938.891.846	18.689.650.911
Nguyên giá	225		35.235.817.028	35.235.817.028
Giá trị hao mòn lũy kế	226		(22.296.925.182)	(16.546.166.117)
3. Tài sản cố định vô hình	227	(5.11)	608.205.000	
Nguyên giá	228		2.080.072.089	1.471.867.089
Giá trị hao mòn lũy kế	229		(1.471.867.089)	(1.471.867.089)
III. Tài sản dở dang dài hạn	240	(5.8)	5.455.345.121	35.150.786.292
1. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang	242		5.455.345.121	35.150.786.292
IV. Đầu tư tài chính dài hạn	250	(5.2)	4.000.000.000	4.000.000.000
1. Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác	253		4.000.000.000	4.000.000.000
V. Tài sản dài hạn khác	260		38.634.319.128	38.918.086.113
1. Chi phí trả trước dài hạn	261	(5.12)	36.545.774.088	36.829.541.073
2. Tài sản thuê thu nhập hoãn lại	262		2.088.545.040	2.088.545.040
TỔNG CỘNG TÀI SẢN (270 = 100 + 200)	270		749.979.659.691	758.795.192.422

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,

Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 01 - DN

BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (TIẾP THEO)

Tại ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

NGUỒN VỐN	Mã số	TM	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
C. NỢ PHẢI TRẢ	300		419.688.815.601	464.396.287.029
I. Nợ ngắn hạn	310		378.051.092.828	398.296.316.857
1. Nợ phải trả người bán ngắn hạn	311	(5.13)	132.618.472.350	162.885.662.021
2. Người mua trả tiền trước ngắn hạn	312		14.404.914	45.034.263
3. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	313	(5.14)	4.168.332.011	3.989.318.053
4. Phải trả người lao động	314	(5.15)	33.800.516.652	26.517.076.252
5. Chi phí phải trả ngắn hạn	315	(5.16)	6.345.063.120	6.720.294.835
6. Phải trả ngắn hạn khác	319	(5.17)	14.020.132.069	13.987.756.644
7. Vay và nợ thuê tài chính ngắn hạn	320	(5.18)	179.235.878.958	174.703.460.565
8. Quỹ khen thưởng, phúc lợi	322	(5.19)	7.848.292.754	9.447.714.224
II. Nợ dài hạn	330		41.637.722.773	66.099.970.172
1. Vay và nợ thuê tài chính dài hạn	338	(5.18)	31.194.997.573	55.657.244.972
2. Dự phòng phải trả dài hạn	342	(5.20)	10.442.725.200	10.442.725.200
D. VỐN CHỦ SỞ HỮU	400		330.290.844.090	294.398.905.393
I. Vốn chủ sở hữu	410	(5.21.1)	330.290.844.090	294.398.905.393
1. Vốn đầu tư của chủ sở hữu	411	(5.21.2)	128.324.370.000	128.324.370.000
2. Cổ phiếu quỹ	415		(408.640.209)	(408.640.209)
3. Quỹ đầu tư phát triển	418		70.591.340.833	55.660.181.630
4. Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối	421		131.783.773.466	110.822.993.972
LNST chưa phân phối lũy kế đến CK trước	421a		110.366.895.977	110.822.993.972
LNST chưa phân phối kỳ này	421b		21.416.877.489	
TỔNG CỘNG NGUỒN VỐN (440 = 300 + 400)	440		749.979.659.691	758.795.192.422

**TRẦN TRANG BÌNH**

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG

Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Người lập

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒAĐịa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai**BÁO CÁO TÀI CHÍNH**

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Mẫu số B 02 - DN

BÁO CÁO KẾT QUẢ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ	01	(6.1)	1.381.782.969.941	1.341.455.858.705
2. Các khoản giảm trừ doanh thu	02		42.502.360	73.165.494
3. Doanh thu thuần về bán hàng và cung cấp dịch vụ	10		1.381.740.467.581	1.341.382.693.211
4. Giá vốn hàng bán	11	(6.2)	1.199.774.005.619	1.170.063.704.846
5. Lợi nhuận gộp về bán hàng và cung cấp dịch vụ	20		181.966.461.962	171.318.988.365
6. Doanh thu hoạt động tài chính	21	(6.3)	6.011.171.944	4.260.353.865
7. Chi phí tài chính	22	(6.4)	10.058.155.370	12.511.857.955
<i>Trong đó, chi phí lãi vay</i>	23		9.519.715.282	10.208.062.923
8. Chi phí bán hàng	25	(6.5)	67.667.943.761	62.062.287.783
9. Chi phí quản lý doanh nghiệp	26	(6.6)	18.026.425.574	18.558.400.056
10. Lợi nhuận thuần từ hoạt động kinh doanh	30		92.225.109.201	82.446.796.436
11. Thu nhập khác	31	(6.7)	2.488.171.525	2.803.385.622
12. Chi phí khác	32		1.332.819.227	1.172.845.808
13. Lợi nhuận khác	40		1.155.352.298	1.630.539.814
14. Tổng lợi nhuận kế toán trước thuế	50		93.380.461.499	84.077.336.250
15. Chi phí thuế TNDN hiện hành	51	(6.9)	18.724.665.485	10.678.612.936
16. Chi phí thuế TNDN hoãn lại	52			4.072.554.478
17. Lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp	60		74.655.796.014	69.326.168.836
18. Lãi cơ bản trên cổ phiếu	70	(5.21.5)	4.838	4.438
19. Lãi suy giảm trên cổ phiếu	71	(5.21.5)	4.838	4.438

**TRẦN TRĂNG BÌNH**

Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG

Trưởng BP. Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH

Người lập

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
I. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG KINH DOANH				
1. Lợi nhuận trước thuế	01		93.380.461.499	84.077.336.250
2. Điều chỉnh cho các khoản				
Khấu hao TSCĐ và BĐSĐT	02		27.760.762.724	30.892.512.867
Các khoản dự phòng	03		18.990.322	2.239.220.221
Lãi, lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	04	(6.4)	157.080.443	(30.762.220)
Lãi, lỗ từ hoạt động đầu tư	05		(5.923.491.731)	(4.728.766.236)
Chi phí lãi vay	06	(6.4)	9.519.715.282	10.208.062.923
3. Lợi nhuận từ hoạt động kinh doanh trước những thay đổi vốn lưu động	08		124.913.518.539	122.657.603.805
Tăng, giảm các khoản phải thu	09		6.479.426.250	(49.039.880.799)
Tăng, giảm hàng tồn kho	10		(9.506.827.093)	17.026.523.455
Tăng, giảm các khoản phải trả (không kể lãi vay phải trả, thuế thu nhập doanh nghiệp phải nộp)	11		(20.190.951.850)	36.532.009.992
Tăng, giảm chi phí trả trước	12		350.595.066	(627.920.693)
Tiền lãi vay đã trả	14		(9.558.105.032)	(9.965.219.503)
Tiền thuế thu nhập doanh nghiệp đã nộp	15		(18.231.188.470)	(12.473.241.570)
Tiền chi khác từ hoạt động kinh doanh	17		(14.502.075.287)	(5.332.198.746)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động kinh doanh	20		59.754.392.123	98.777.675.941
II. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG ĐẦU TƯ				
1. Tiền chi để mua sắm, xây dựng TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	21		(46.821.773.513)	(44.067.469.260)
2. Tiền thu từ thanh lý, nhượng bán TSCĐ và các tài sản dài hạn khác	22	(6.7)	319.090.910	550.454.545
3. Tiền chi cho vay, mua các công cụ nợ của các đơn vị khác	23		(50.000.000.000)	
4. Tiền thu lãi cho vay, cổ tức và lợi nhuận được chia	27		5.035.366.931	3.823.901.135
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động đầu tư	30		(91.467.315.672)	(39.693.113.580)

(Xem tiếp trang sau)

BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ
(Theo phương pháp gián tiếp)
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

Đơn vị tính: VND

CHỈ TIÊU	Mã số	TM	Năm 2016	Năm 2015
III. LƯU CHUYỂN TIỀN TỪ HOẠT ĐỘNG TÀI CHÍNH				
1. Tiền thu từ đi vay	33	(7.2)	817.411.349.125	743.425.017.159
2. Tiền trả nợ gốc vay	34	(7.3)	(830.076.570.078)	(737.161.395.807)
3. Tiền chi trả nợ gốc thuê tài chính	35		(7.356.301.107)	(6.569.150.580)
4. Cổ tức, lợi nhuận đã trả cho chủ sở hữu	36	(5.21.3)	(25.616.274.000)	(21.346.909.000)
Lưu chuyển tiền thuần từ hoạt động tài chính	40		(45.637.796.060)	(21.652.438.228)
LƯU CHUYỂN THUẦN TRONG NĂM	50		(77.350.719.609)	37.432.124.133
Tiền và tương đương tiền đầu năm	60		119.668.750.027	82.194.459.355
Ảnh hưởng của thay đổi tỷ giá hối đoái quy đổi ngoại tệ	61		17.937.498	42.166.539
TIỀN VÀ TƯƠNG ĐƯƠNG TIỀN CUỐI NĂM	70	(5.1)	42.335.967.916	119.668.750.027



TRẦN TRANG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP. Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH**1. ĐẶC ĐIỂM HOẠT ĐỘNG CỦA DOANH NGHIỆP****1.1. Hình thức sở hữu vốn**

Công ty Cổ phần Bao Bì Biên Hòa (dưới đây gọi tắt là "Công ty") được thành lập theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh lần đầu số 4703000057 ngày 14 tháng 08 năm 2003 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Tỉnh Đồng Nai cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh số 3600648493 ngày 14 tháng 04 năm 2016.

Ngày 12 tháng 03 năm 2012, Công ty chính thức được niêm yết cổ phiếu tại Sở giao dịch chứng khoán thành phố Hồ Chí Minh theo quyết định số 17/2012/QĐ-SGDHCM ngày 05 tháng 03 năm 2012.

Vốn đầu tư và vốn điều lệ theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh là 128.324.370.000 VND, được chi tiết như sau:

Nhà đầu tư	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)	Giá trị (VND)	Tỷ lệ (%)
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	54%	68.803.930.000	54%
Đối tượng khác	59.520.440.000	46%	59.520.440.000	46%
Cộng	128.324.370.000	100%	128.324.370.000	100%

Trụ sở chính đăng ký hoạt động kinh doanh của Công ty được đặt tại Đường số 7, Khu công nghiệp Biên Hòa 1, Phường An Bình, Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai.

Tổng số nhân viên của Công ty tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 771 (31/12/2015: 787).

1.2. Lĩnh vực kinh doanh

Sản xuất công nghiệp.

1.3. Ngành nghề kinh doanh chính

Theo Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh, ngành nghề kinh doanh chính của Công ty là:

- Sản xuất giấy nhấn, bìa nhấn, bao bì từ giấy và bìa;
- Sản xuất giấy;
- Bán buôn nguyên vật liệu sản xuất bao bì và giấy;
- In ấn.

1.4. Chu kỳ sản xuất, kinh doanh thông thường

Chu kỳ sản xuất kinh doanh thông thường của Công ty là 12 tháng.

1.5. Cấu trúc doanh nghiệp

Các đơn vị trực thuộc tính đến 31 tháng 12 năm 2016 gồm:

Tên	Địa chỉ
Chi nhánh Mỹ Phước	Lô B_6A_CN, Khu Công nghiệp Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được thành lập theo Giấy chứng nhận đầu tư lần đầu số 46211000796 ngày 11 tháng 01 năm 2011 do Ban quản lý các khu công nghiệp Tỉnh Bình Dương cấp và các Giấy chứng nhận thay đổi sau đó với lần thay đổi gần đây nhất là vào ngày 22 tháng 05 năm 2014.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

2. CƠ SỞ LẬP BÁO CÁO TÀI CHÍNH, KỲ KẾ TOÁN VÀ ĐƠN VỊ TIỀN TỆ

2.1. Cơ sở lập báo cáo tài chính

Báo cáo tài chính kèm theo được trình bày bằng Đồng Việt Nam, theo nguyên tắc giá gốc và phù hợp với các Chuẩn mực kế toán Việt Nam, Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam và các quy định hiện hành khác về kế toán tại Việt Nam.

Báo cáo tài chính kèm theo không nhằm phản ánh tình hình tài chính, kết quả hoạt động kinh doanh và tình hình lưu chuyển tiền tệ theo các nguyên tắc và thông lệ kế toán được chấp nhận chung tại các nước khác ngoài Việt Nam.

2.2. Kỳ kế toán năm

Kỳ kế toán năm của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc ngày 31 tháng 12 hàng năm.

2.3. Đơn vị tiền tệ sử dụng trong kế toán

Đơn vị tiền tệ sử dụng trong ghi chép kế toán là Đồng Việt Nam.

3. CHUẨN MỰC VÀ CHẾ ĐỘ KẾ TOÁN ÁP DỤNG

3.1. Chế độ kế toán áp dụng

Công ty áp dụng các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam.

3.2. Tuyên bố về việc tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam

Công ty tuân thủ các Chuẩn mực kế toán Việt Nam và Chế độ kế toán doanh nghiệp Việt Nam để soạn thảo và trình bày các báo cáo tài chính cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016.

4. CÁC CHÍNH SÁCH KẾ TOÁN CHỦ YẾU

4.1. Ngoại tệ

Các loại tỷ giá hối đoái áp dụng trong kế toán:

- Tỷ giá áp dụng trong kế toán là tỷ giá của Ngân hàng TNHH CTBC - Chi nhánh TP.HCM, Ngân hàng TMCP Ngoại thương Việt Nam và Ngân hàng TMCP Công thương Việt Nam;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại tài sản là tỷ giá mua ngoại tệ;
- Tỷ giá áp dụng khi ghi nhận và đánh giá lại nợ phải trả là tỷ giá bán ngoại tệ;
- Các loại tỷ giá áp dụng trong giao dịch khác là tỷ giá mua ngoại tệ.

Các nghiệp vụ phát sinh bằng ngoại tệ được hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày phát sinh nghiệp vụ. Các khoản chênh lệch tỷ giá phát sinh trong quá trình thanh toán được ghi nhận trong báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh trong năm. Số dư các khoản mục tiền, nợ phải thu, nợ phải trả có gốc ngoại tệ, ngoại trừ số dư các khoản trả trước cho người bán bằng ngoại tệ, số dư chi phí trả trước bằng ngoại tệ và số dư doanh thu nhận trước bằng ngoại tệ, được chuyển đổi sang đồng tiền hạch toán theo tỷ giá hối đoái giao dịch thực tế vào ngày lập bảng cân đối kế toán. Chênh lệch tỷ giá hối đoái phát sinh do đánh giá lại số dư ngoại tệ cuối kỳ sau khi bù trừ tăng giảm được hạch toán vào kết quả kinh doanh trong kỳ.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.2. Các ước tính kế toán**

Việc lập báo cáo tài chính yêu cầu Hội đồng quản trị phải có những ước tính và giả định có ảnh hưởng đến các số liệu về tài sản, nợ phải trả và việc trình bày các tài sản và nợ tiềm tàng tại ngày 31 tháng 12 năm 2016 cũng như các khoản doanh thu, chi phí cho năm tài chính kết thúc ngày 31 tháng 12 năm 2016. Mặc dù các ước tính kế toán được lập bằng tất cả sự hiểu biết của Hội đồng quản trị, số thực tế phát sinh có thể khác với các ước tính, giả định đặt ra.

4.3. Tiền và các khoản tương đương tiền

Tiền và các khoản tương đương tiền bao gồm tiền mặt tại quỹ, tiền gửi ngân hàng, tiền đang chuyển, các khoản đầu tư ngắn hạn có thời hạn thu hồi không quá 3 tháng kể từ ngày đầu tư, có tính thanh khoản cao, có khả năng chuyển đổi dễ dàng thành một lượng tiền xác định và không có nhiều rủi ro trong việc chuyển đổi thành tiền tại thời điểm báo cáo.

Các khoản tương đương tiền được xác định phù hợp với Chuẩn mực kế toán "Báo cáo lưu chuyển tiền tệ".

4.4. Đầu tư tài chính***Các khoản đầu tư vốn vào đơn vị khác******Đầu tư khác***

Khoản đầu tư được phân loại là đầu tư khác là các khoản đầu tư ngoài các khoản đầu tư vào công ty con, đầu tư vào công ty liên doanh, và đầu tư vào công ty liên kết.

Các khoản đầu tư khác được phản ánh theo giá gốc, bao gồm giá mua cộng (+) các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đầu tư (nếu có). Trường hợp đầu tư bằng tài sản phi tiền tệ, giá phí của các khoản đầu tư được ghi nhận theo giá trị hợp lý của tài sản phi tiền tệ tại thời điểm phát sinh.

Cổ tức, lợi nhuận được chia cho giai đoạn sau ngày đầu tư được ghi nhận vào doanh thu hoạt động tài chính theo giá trị hợp lý tại ngày được quyền nhận.

Phương pháp lập dự phòng tổn thất đầu tư tài chính***Đối với các khoản đầu tư khác***

Dự phòng giảm giá các khoản đầu tư khác được lập khi giá trị thuần có thể thực hiện được của các khoản đầu tư này giảm xuống thấp hơn giá gốc, việc trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 (Thông tư 228) và Thông tư số 89/2013/TT-BTC ngày 28 tháng 06 năm 2013 sửa đổi, bổ sung Thông tư 228 của Bộ Tài chính.

4.5. Các khoản phải thu***Nguyên tắc ghi nhận***

Các khoản nợ phải thu bao gồm các khoản phải thu khách hàng, phải thu nội bộ và phải thu khác được trình bày theo giá trị ghi sổ của các khoản phải thu khách hàng và phải thu khác sau khi trừ với các khoản dự phòng được lập cho các khoản nợ phải thu khó đòi.

Nguyên tắc dự phòng phải thu khó đòi

Dự phòng nợ phải thu khó đòi được lập cho các khoản nợ phải thu quá hạn thanh toán hoặc các khoản nợ có bằng chứng chắc chắn là không thu được. Dự phòng phải thu khó đòi được trích lập phù hợp với hướng dẫn tại Thông tư số 228/2009/TT-BTC ngày 07 tháng 12 năm 2009 của Bộ Tài chính.

Tăng hoặc giảm số dư tài khoản dự phòng phải thu khó đòi được hạch toán vào chi phí quản lý doanh nghiệp trên báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.6. Hàng tồn kho

Nguyên tắc đánh giá hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo giá gốc. Trường hợp giá trị thuần có thể thực hiện được thấp hơn giá gốc thì hạch toán theo giá trị thuần có thể thực hiện được.

Giá gốc hàng tồn kho bao gồm: Chi phí mua, chi phí chế biến và các chi phí liên quan trực tiếp khác phát sinh để có được hàng tồn kho ở địa điểm và trạng thái hiện tại.

Giá trị thuần có thể thực hiện được là giá bán ước tính của hàng tồn kho trong kỳ sản xuất, kinh doanh bình thường trừ chi phí ước tính để hoàn thành sản phẩm và chi phí ước tính cần thiết cho việc tiêu thụ chúng.

Phương pháp xác định giá trị hàng tồn kho

Giá trị hàng tồn kho được xác định theo phương pháp bình quân gia quyền.

Phương pháp hạch toán hàng tồn kho

Hàng tồn kho được hạch toán theo phương pháp kê khai thường xuyên.

Phương pháp lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho

Cuối năm tài chính, khi giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho nhỏ hơn giá gốc thì phải lập dự phòng giảm giá hàng tồn kho.

Số dự phòng giảm giá hàng tồn kho được lập là số chênh lệch giữa giá gốc của hàng tồn kho lớn hơn giá trị thuần có thể thực hiện được của hàng tồn kho.

4.7. Tài sản cố định hữu hình

Tài sản cố định hữu hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình bao gồm giá mua và toàn bộ các chi phí liên quan trực tiếp đến việc đưa tài sản vào trạng thái sẵn sàng sử dụng. Trường hợp mua tài sản cố định được kèm thêm thiết bị, phụ tùng thay thế thì xác định và ghi nhận riêng thiết bị, phụ tùng thay thế theo giá trị hợp lý và được trừ (-) khỏi nguyên giá tài sản cố định hữu hình.

Phương pháp khấu hao

Nguyên giá tài sản cố định hữu hình được khấu hao theo phương pháp đường thẳng trong suốt thời gian hữu dụng dự tính của tài sản.

Thời gian khấu hao ước tính cho một số nhóm tài sản như sau:

	<u>Năm 2016</u>
+ Nhà cửa, vật kiến trúc	05 - 25 năm
+ Máy móc thiết bị	05 - 07 năm
+ Phương tiện vận tải truyền dẫn	06 năm
+ Thiết bị, dụng cụ quản lý	03 - 05 năm
+ Tài sản cố định khác	04 năm

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.8. Tài sản cố định vô hình

Tài sản cố định vô hình được thể hiện theo nguyên giá trừ đi giá trị hao mòn lũy kế.

Nguyên tắc ghi nhận và xác định giá trị ban đầu

Nguyên giá là toàn bộ các chi phí mà doanh nghiệp bỏ ra để có được tài sản cố định vô hình tính đến thời điểm đưa tài sản đó vào trạng thái sử dụng theo dự tính.

Nguyên tắc kế toán các tài sản cố định vô hình

Phần mềm máy vi tính

Phần mềm máy vi tính không phải là cấu phần không thể thiếu của phần cứng thì được ghi nhận như tài sản cố định vô hình và được khấu hao theo thời gian sử dụng hữu ích.

Thời gian khấu hao ước tính cho phần mềm máy vi tính là 03 năm.

4.9. Thuê tài sản

Phân loại thuê tài sản

Thuê tài chính là thuê tài sản mà bên cho thuê có sự chuyển giao phần lớn rủi ro và lợi ích gắn liền với quyền sở hữu của tài sản cho bên thuê. Tất cả các khoản thuê khác được phân loại là thuê hoạt động.

Thuê tài chính

Tài sản thuê tài chính được ghi nhận là tài sản và nợ phải trả trên bảng cân đối kế toán với cùng một giá trị bằng với giá trị hợp lý của tài sản thuê tại thời điểm khởi đầu thuê tài sản.

Nếu giá trị hợp lý của tài sản thuê cao hơn giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu cho việc thuê tài sản thì ghi nhận theo giá trị hiện tại của khoản thanh toán tiền thuê tối thiểu.

Khoản thanh toán tiền thuê tài sản thuê tài chính được chia ra thành chi phí tài chính và khoản phải trả nợ gốc. Chi phí tài chính được tính theo từng kỳ kế toán trong suốt thời hạn thuê theo tỷ lệ lãi suất cố định trên số dư nợ còn lại cho mỗi kỳ kế toán.

Các tài sản đi thuê tài chính được khấu hao theo phương pháp đường thẳng theo thời gian hữu dụng ước tính tương tự như đối với tài sản thuộc sở hữu của Công ty hoặc theo thời hạn thuê với thời gian khấu hao là 05 năm.

4.10. Chi phí xây dựng cơ bản dở dang

Các tài sản đang trong quá trình xây dựng phục vụ mục đích sản xuất, cho thuê, quản lý hoặc cho các mục đích khác được ghi nhận theo giá gốc. Chi phí này bao gồm các chi phí cần thiết để hình thành tài sản bao gồm chi phí xây lắp, thiết bị, chi phí khác và chi phí lãi vay có liên quan phù hợp với chính sách kế toán của Công ty. Các chi phí này sẽ được chuyển sang là nguyên giá tài sản cố định theo giá tạm tính (nếu chưa có quyết toán được phê duyệt) khi các tài sản được bàn giao đưa vào sử dụng.

Theo quy định về quản lý đầu tư và xây dựng của Nhà nước, tùy theo phân cấp quản lý, giá trị quyết toán các công trình xây dựng cơ bản hoàn thành cần được các cơ quan có thẩm quyền phê duyệt. Do đó, giá trị cuối cùng về giá trị các công trình xây dựng cơ bản có thể thay đổi và phụ thuộc vào quyết toán được phê duyệt bởi các cơ quan có thẩm quyền.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**4.11. Chi phí trả trước**

Chi phí trả trước được phân loại là chi phí trả trước ngắn hạn và chi phí trả trước dài hạn theo kỳ hạn gốc và chủ yếu là chi phí liên quan đến giá vốn công cụ, dụng cụ; chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị; chi phí quảng cáo; chi phí bản quyền phần mềm; chi phí thuê đất,... Các khoản này được phân bổ trong thời gian trả trước của chi phí hoặc trong khoản thời gian mà lợi ích kinh tế được dự kiến tạo ra.

Các loại chi phí sau đây được hạch toán vào chi phí trả trước để phân bổ dần vào kết quả hoạt động kinh doanh:

- Công cụ, dụng cụ được phân bổ dần từ 01 năm đến 02 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị phát sinh một lần có giá trị lớn doanh nghiệp không thực hiện trích trước chi phí sửa chữa lớn tài sản cố định được phân bổ từ 1 năm đến 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí quảng cáo được phân bổ 01 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí bản quyền Microsoft được phân bổ 03 năm vào kết quả hoạt động kinh doanh;
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương được phân bổ theo thời hạn thuê vào kết quả hoạt động kinh doanh.

4.12. Nợ phải trả

Nợ phải trả được phân loại là phải trả người bán, phải trả nội bộ và phải trả khác theo nguyên tắc: Phải trả người bán là khoản phải trả có tính chất thương mại phát sinh từ giao dịch mua bán hàng hóa, dịch vụ, tài sản và người bán là đơn vị độc lập với người mua; Phải trả nội bộ là các khoản phải trả giữa đơn vị cấp trên và đơn vị cấp dưới trực thuộc không có tư cách pháp nhân hạch toán phụ thuộc; Các khoản phải trả còn lại được phân loại là phải trả khác.

Các khoản nợ phải trả được theo dõi theo kỳ hạn gốc, kỳ hạn còn lại tại thời điểm báo cáo, theo nguyên tắc và theo từng đối tượng.

Nợ phải trả được ghi nhận không thấp hơn nghĩa vụ phải thanh toán.

4.13. Chi phí đi vay***Nguyên tắc vốn hóa chi phí đi vay***

Chi phí đi vay liên quan trực tiếp đến việc mua, đầu tư xây dựng hoặc sản xuất những tài sản cần một thời gian tương đối dài để hoàn thành đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh được vốn hóa vào nguyên giá tài sản cho đến khi tài sản đó được đưa vào sử dụng hoặc kinh doanh.

Các khoản thu nhập phát sinh từ việc đầu tư tạm thời các khoản vay được ghi giảm nguyên giá tài sản có liên quan.

Tất cả các chi phí lãi vay khác được ghi nhận vào báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh khi phát sinh.

4.14. Chi phí phải trả và dự phòng phải trả***Chi phí phải trả***

Các khoản chi phí phải trả được ghi nhận cho giá trị phải trả trong tương lai liên quan đến hàng hóa, dịch vụ đã nhận được từ người bán trong kỳ báo cáo nhưng thực tế chưa chi trả như chi phí vận chuyển, chi phí gia công, chi phí lãi vay,... do chưa có hóa đơn hoặc chưa đủ hồ sơ, tài liệu kế toán, được ghi nhận vào chi phí sản xuất, kinh doanh của kỳ báo cáo.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)***Dự phòng phải trả***

Một khoản dự phòng phải trả được ghi nhận nếu, do kết quả của một sự kiện trong quá khứ, Công ty có nghĩa vụ pháp lý hiện tại hoặc liên đới có thể ước tính một cách đáng tin cậy, và chắc chắn sẽ làm giảm sút các lợi ích kinh tế trong tương lai để thanh toán các khoản nợ phải trả do nghĩa vụ đó. Dự phòng phải trả không được ghi nhận cho các khoản lỗ hoạt động trong tương lai.

Dự phòng phải trả được tính trên cơ sở các khoản chi phí dự tính phải thanh toán nghĩa vụ nợ. Nếu ảnh hưởng về giá trị thời gian của tiền là trọng yếu thì dự phòng được tính trên cơ sở giá trị hiện tại với tỷ lệ chiết khấu trước thuế và phản ánh những đánh giá trên thị trường hiện tại về giá trị thời gian của tiền và rủi ro cụ thể của khoản nợ đó. Giá trị tăng lên do ảnh hưởng của yếu tố thời gian được ghi nhận là chi phí đi vay.

4.15. Dự phòng trợ cấp thôi việc

Theo Luật Bảo hiểm Xã hội, kể từ ngày 01 tháng 01 năm 2009, Công ty và các nhân viên phải đóng vào quỹ bảo hiểm thất nghiệp do Bảo hiểm Xã hội Việt Nam quản lý. Mức đóng bởi mỗi bên được tính bằng 1% của mức thấp hơn giữa lương cơ bản của nhân viên hoặc 20 lần mức lương tối thiểu chung được Chính phủ quy định trong từng thời kỳ. Với việc áp dụng chế độ bảo hiểm thất nghiệp, Công ty không phải lập dự phòng trợ cấp thôi việc cho thời gian làm việc của nhân viên sau ngày 01 tháng 01 năm 2009. Ngoài ra, theo quy định tại Thông tư 180/2012/TT-BTC ngày 24 tháng 10 năm 2012 của Bộ Tài chính, kể từ năm tài chính 2012, Công ty đã không trích dự phòng trợ cấp mất việc theo quy định tại Thông tư 82/2003/TT-BTC ngày 14 tháng 08 năm 2003 của Bộ Tài chính và số dư của khoản dự phòng này (nếu có) đã được tắt toán trong năm 2012.

4.16. Vốn chủ sở hữu***Vốn đầu tư của chủ sở hữu***

Vốn đầu tư của chủ sở hữu được ghi nhận theo số vốn thực góp của chủ sở hữu.

Cổ phiếu quỹ

Cổ phiếu quỹ được ghi nhận theo giá mua và được trình bày như một khoản giảm vốn chủ sở hữu trên bảng cân đối kế toán.

Cổ tức

Cổ tức được ghi nhận là một khoản phải trả vào ngày công bố cổ tức.

Quỹ dự trữ

Các quỹ dự trữ từ lợi nhuận sau thuế được trích lập theo quy định trong Điều lệ Công ty.

Quỹ đầu tư phát triển được trích bằng 20% lợi nhuận sau thuế thu nhập doanh nghiệp.

Phân phối lợi nhuận

Lợi nhuận thuần sau thuế thu nhập doanh nghiệp có thể được phân phối cho các cổ đông sau khi được Đại hội đồng cổ đông thông qua và sau khi đã trích lập các quỹ dự phòng theo Điều lệ Công ty và các quy định của pháp luật Việt Nam.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.17. Doanh thu, thu nhập khác

Doanh thu bán hàng

Doanh thu bán hàng được xác định theo giá trị hợp lý của các khoản đã thu hoặc sẽ thu được. Trong hầu hết các trường hợp doanh thu được ghi nhận khi chuyển giao cho người mua phần lớn rủi ro và lợi ích kinh tế gắn liền với quyền sở hữu hàng hóa.

Lãi tiền gửi

Lãi tiền gửi được ghi nhận trên cơ sở dồn tích, được xác định trên số dư các tài khoản tiền gửi và lãi suất áp dụng.

Thu nhập đầu tư

Lãi từ các khoản đầu tư được ghi nhận khi Công ty có quyền nhận khoản lãi.

Thanh lý, nhượng bán tài sản cố định

Thu nhập từ thanh lý, nhượng bán tài sản cố định là phần chênh lệch giữa khoản thu từ việc thanh lý, nhượng bán tài sản cố định cao hơn giá trị còn lại của tài sản cố định và chi phí thanh lý.

4.18. Các khoản giảm trừ doanh thu

Các khoản giảm trừ doanh thu gồm: Chiết khấu thương mại, giảm giá hàng bán và hàng bán bị trả lại.

Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh cùng kỳ tiêu thụ sản phẩm, hàng hóa dịch vụ được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau nhưng trước thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ lập báo cáo; Các khoản giảm trừ doanh thu phát sinh vào kỳ sau và sau thời điểm phát hành báo cáo tài chính thì được điều chỉnh giảm doanh thu của kỳ phát sinh khoản giảm trừ.

4.19. Giá vốn hàng bán

Giá vốn hàng bán là tổng chi phí phát sinh của thành phẩm bán ra trong kỳ theo nguyên tắc phù hợp với doanh thu. Các khoản chi phí vượt trên mức bình thường của hàng tồn kho được ghi nhận ngay vào giá vốn hàng bán.

4.20. Chi phí tài chính

Chi phí tài chính phản ánh những khoản chi phí phát sinh trong kỳ chủ yếu bao gồm chi phí đi vay vốn và khoản lỗ phát sinh khi bán ngoại tệ, lỗ tỷ giá hối đoái.

4.21. Chi phí bán hàng và chi phí quản lý doanh nghiệp

Chi phí bán hàng phản ánh các chi phí thực tế phát sinh trong quá trình bán sản phẩm, hàng hoá, cung cấp dịch vụ, bao gồm chi phí lương nhân viên bán hàng, chi phí vận chuyển và chi phí khác.

Chi phí quản lý doanh nghiệp phản ánh các chi phí quản lý chung của doanh nghiệp gồm các chi phí về lương nhân viên bộ phận quản lý doanh nghiệp; chi phí vật liệu quản lý; chi phí đồ dùng văn phòng; chi phí khấu hao tài sản cố định; thuế, phí, lệ phí; chi phí dự phòng; chi phí dịch vụ mua ngoài và chi phí bằng tiền khác (phí ngân hàng, chi phí hoạt động Đảng, chi phí bảo hộ lao động,...).

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

4.22. Thuế

Thuế thu nhập doanh nghiệp

Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp (TNDN) hiện hành

Chi phí thuế TNDN hiện hành được xác định trên cơ sở thu nhập tính thuế và thuế suất thuế TNDN trong năm hiện hành là 20%.

Chi phí thuế TNDN hoãn lại

Chi phí thuế TNDN hoãn lại được xác định trên cơ sở số chênh lệch tạm thời được khấu trừ, số chênh lệch tạm thời chịu thuế và thuế suất thuế TNDN dự tính sẽ áp dụng cho năm tài sản được thu hồi hay nợ phải trả được thanh toán, dựa trên các mức thuế suất (và các luật thuế) có hiệu lực tại ngày kết thúc năm tài chính.

Thuế giá trị gia tăng

Thuế giá trị gia tăng của các hàng hóa do Công ty cung cấp được tính theo các mức thuế suất là 10%.

Các loại thuế khác

Áp dụng theo các luật thuế hiện hành tại Việt Nam.

Các báo cáo thuế của Công ty sẽ chịu sự kiểm tra của cơ quan thuế. Do việc áp dụng luật và các qui định về thuế đối với nhiều loại giao dịch khác nhau có thể được giải thích theo nhiều cách khác nhau, dẫn đến số thuế được trình bày trên báo cáo tài chính có thể bị thay đổi theo quyết định cuối cùng của cơ quan thuế.

4.23. Lãi cơ bản trên cổ phiếu

Lãi cơ bản trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

4.24. Lãi suy giảm trên cổ phiếu

Lãi suy giảm trên cổ phiếu được tính bằng cách chia lợi nhuận sau thuế của Công ty sau khi trích quỹ khen thưởng, phúc lợi cho tổng số bình quân số cổ phiếu phổ thông lưu hành trong năm và tổng số cổ phiếu phổ thông dự kiến được phát hành thêm, không bao gồm số cổ phiếu được Công ty mua lại và giữ làm cổ phiếu ngân quỹ.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BẢNG CÂN ĐỐI KẾ TOÁN

5.1. Tiền và các khoản tương đương tiền

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Tiền mặt	53.687.006	19.613.629
Tiền gửi ngân hàng không kỳ hạn	17.282.280.910	34.649.136.398
Các khoản tương đương tiền	25.000.000.000	85.000.000.000
Cộng	<u>42.335.967.916</u>	<u>119.668.750.027</u>

5.2. Các khoản đầu tư tài chính

Đầu tư nắm giữ đến ngày đáo hạn là khoản tiền gửi tại Ngân hàng TMCP Đầu tư và Phát triển Việt Nam - Chi nhánh Đồng Nai, kỳ hạn 12 tháng, lãi suất 6%/năm.

Đầu tư góp vốn vào đơn vị khác là khoản đầu tư góp vốn vào Công ty Cổ phần Phát triển Đô thị Tam Phước với số tiền là 4.000.000.000 VND, tương ứng tỷ lệ góp vốn thực tế là 9,39%.

5.3. Phải thu của khách hàng ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Phải thu từ khách hàng:		
Công ty Liên doanh Unilever Việt Nam	70.956.595.497	67.801.091.142
Các khách hàng khác	201.194.518.705	212.552.035.216
Phải thu khách hàng là các bên có liên quan - Xem thêm mục 9	1.445.097.478	1.539.029.250
Cộng	<u>273.596.211.680</u>	<u>281.892.155.608</u>

Giá trị các khoản phải thu đang được thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.18.

5.4. Trả trước cho người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Công ty CP Đầu tư & Phát triển VRG Long Thành	9.865.482.000	-
Công ty Zhuzhou Sinovan Packaging Technology	7.869.562.500	-
Công ty Guangdong Dongfang Precision Science & Technology	4.648.065.000	-
Công ty TNHH Sunrise Pacific	-	2.680.800.000
Công ty Cổ phần Công nghệ Liên Phát	-	1.778.350.000
Trả trước người bán khác	2.460.533.707	297.930.439
Cộng	<u>24.843.643.207</u>	<u>4.757.080.439</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.5. Phải thu khác

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá trị	Dự phòng	Giá trị	Dự phòng
Ngắn hạn:				
Phải thu người lao động	285.900.000	-	205.000.000	-
Thuế giá trị gia tăng máy in 3 màu				
thuê tài chính	1.043.627.225	-	1.710.220.984	-
Dự thu lãi tiền gửi	997.388.890	-	428.355.000	-
Thu bồi hoàn giấy ướt -				
Công ty Bảo Minh Đồng Nai	474.201.853	-	-	-
Phải thu khác	3.202.000	-	8.566.000	-
Cộng	2.804.319.968	-	2.352.141.984	-
Dài hạn:				
Ký quỹ thuê tài sản thuê tài chính	2.266.476.000	-	2.266.476.000	-
Ký quỹ khác	12.100.000	-	12.100.000	-
Cộng	2.278.576.000	-	2.278.576.000	-

5.6. Nợ xấu

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi
Tổng giá trị các khoản phải thu quá hạn thanh toán hoặc chưa quá hạn nhưng khó có khả năng thu hồi	874.207.662	298.573.024	1.074.540.810	517.896.494

Thời gian quá hạn và giá trị các khoản nợ phải thu quá hạn theo từng đối tượng được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016			Tại ngày 01/01/2016		
	VND			VND		
	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn	Giá gốc	Giá trị có thể thu hồi	Thời gian quá hạn
Công ty Mỹ Đức	308.698.350	42.049.075	Trên 2 năm	308.698.350	120.642.222	Trên 1 năm
Coca-Cola Việt Nam	225.886.513	139.872.879	Trên 1 năm	-	-	-
Công ty CP Nước			Trên 2 năm			Trên 1 năm
Khoáng Vital	73.504.740	22.051.422	Trên 1 năm	423.504.740	211.752.370	Trên 6 tháng
Các khách hàng khác	266.118.059	94.599.648	Trên 1 năm	342.337.720	185.501.902	Trên 6 tháng
Cộng	874.207.662	298.573.024		1.074.540.810	517.896.494	

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.7. Hàng tồn kho

	Tại ngày 31/12/2016		Tại ngày 01/01/2016	
	VND		VND	
	Giá gốc	Dự phòng	Giá gốc	Dự phòng
Hàng đang đi trên đường	5.452.797.164	-	3.896.454.032	-
Nguyên liệu, vật liệu	122.887.538.166	-	118.133.833.597	-
Công cụ, dụng cụ	276.681.126	-	192.300.533	-
Chi phí sản xuất kinh doanh dở dang	3.728.750.986	-	4.055.954.010	-
Thành phẩm	9.844.732.051	-	6.405.130.228	-
Cộng	142.190.499.493	-	132.683.672.400	-

Giá trị hàng tồn kho dùng để thế chấp cho các khoản vay ngân hàng tại ngày 31/12/2016 là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.18.

5.8. Tài sản dở dang dài hạn

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
	VND	VND
Xây dựng cơ bản dở dang:		
Chi phí đầu tư máy in Offset 6 màu	-	29.907.328.182
Chi phí đầu tư máy bẻ Offset	-	4.167.543.110
Chi phí đầu tư cụm tạo sóng A khổ giấy 2m	2.729.415.863	-
Chi phí đầu tư phần mềm ERP ngành sản xuất bao bì giấy	2.258.219.258	-
Chi phí khác	467.710.000	1.075.915.000
Cộng	5.455.345.121	35.150.786.292

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIỂN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH

Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH CHỌN LỌC (TIẾP THEO)**5.9. Tặng, giảm tài sản cố định hữu hình**

Khoản mục	Nhà cửa, vật kiến trúc VND	Máy móc, thiết bị VND	Phương tiện vận tải, truyền dẫn VND	Thiết bị, dụng cụ quản lý VND	Tài sản cố định hữu hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:						
Tại ngày 01/01/2016	132.332.192.505	225.467.546.616	10.228.432.316	6.722.539.806	473.695.818	375.224.407.061
Mua trong năm	758.211.418	15.461.590.686	2.083.796.181	174.400.000	-	18.477.998.285
Đầu tư XDCB hoàn thành	-	34.074.871.291	-	-	-	34.074.871.291
Tặng khác	-	237.709.372	-	-	-	237.709.372
Thanh lý, nhượng bán	-	(205.404.545)	(1.172.891.500)	-	-	(1.378.296.045)
Tại ngày 31/12/2016	133.090.403.923	275.036.313.420	11.139.336.997	6.896.939.806	473.695.818	426.636.689.964

Giá trị hao mòn lũy kế:

Tại ngày 01/01/2016	37.517.571.313	203.727.683.161	8.999.698.549	6.544.775.285	450.133.320	257.239.861.628
Khấu hao trong năm	5.304.526.571	15.956.627.835	654.842.250	85.882.003	8.125.000	22.010.003.659
Thanh lý, nhượng bán	-	(205.404.545)	(1.172.891.500)	-	-	(1.378.296.045)
Tại ngày 31/12/2016	42.822.097.884	219.478.906.451	8.481.649.299	6.630.657.288	458.258.320	277.871.569.242

Giá trị còn lại:

Tại ngày 01/01/2016	94.814.621.192	21.739.863.455	1.228.733.767	177.764.521	23.562.498	117.984.545.433
Tại ngày 31/12/2016	90.268.306.039	55.557.406.969	2.657.687.698	266.282.518	15.437.498	148.765.120.722

Giá trị còn lại của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2016 dùng để thế chấp cho các khoản vay là 88.277.378.107 VND - Xem thêm mục 5.18.

Nguyên giá của TSCĐ hữu hình tại ngày 31/12/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 224.467.654.469 VND.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.10. Tăng, giảm tài sản cố định thuê tài chính

Khoản mục	Máy móc, thiết bị VND
Nguyên giá:	
Tại ngày 01/01/2016	35.235.817.028
Tại ngày 31/12/2016	35.235.817.028
Giá trị hao mòn lũy kế:	
Tại ngày 01/01/2016	16.546.166.117
Khấu hao trong năm	5.750.759.065
Tại ngày 31/12/2016	22.296.925.182
Giá trị còn lại:	
Tại ngày 01/01/2016	18.689.650.911
Tại ngày 31/12/2016	12.938.891.846

5.11. Tăng, giảm tài sản cố định vô hình

Khoản mục	Nhãn hiệu hàng hóa VND	Phần mềm vi tính VND	TSCĐ vô hình khác VND	Cộng VND
Nguyên giá:				
Tại ngày 01/01/2016	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Đầu tư XDCH hoàn thành	-	608.205.000	-	608.205.000
Tại ngày 31/12/2016	232.020.000	1.792.384.200	55.667.889	2.080.072.089
Giá trị hao mòn lũy kế:				
Tại ngày 01/01/2016	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Tại ngày 31/12/2016	232.020.000	1.184.179.200	55.667.889	1.471.867.089
Giá trị còn lại:				
Tại ngày 01/01/2016	-	-	-	-
Tại ngày 31/12/2016	-	608.205.000	-	608.205.000

Nguyên giá TSCĐ vô hình tại ngày 31/12/2016 đã khấu hao hết nhưng vẫn còn sử dụng là 1.471.867.089 VND.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.12. Chi phí trả trước

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn:		
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	410.929.165	707.893.152
Công cụ dụng cụ xuất dùng	224.225.771	261.965.044
Chi phí quảng cáo	181.818.182	-
Các khoản khác	92.590.332	6.533.335
Cộng	<u>909.563.450</u>	<u>976.391.531</u>
Dài hạn:		
Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương	33.675.426.385	34.538.898.853
Chi phí sửa chữa nhà xưởng, máy móc, thiết bị	1.656.292.988	1.274.277.000
Công cụ dụng cụ xuất dùng	605.208.405	212.396.125
Bản quyền phần mềm Microsoft	563.846.310	781.406.595
Các khoản khác	45.000.000	22.562.500
Cộng	<u>36.545.774.088</u>	<u>36.829.541.073</u>

Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương đã dùng để thế chấp cho các khoản vay - Xem thêm mục 5.18.

5.13. Phải trả người bán ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND		Tại ngày 01/01/2016 VND	
	Giá trị	Số có khả năng trả nợ	Giá trị	Số có khả năng trả nợ
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	42.127.322.105	42.127.322.105	42.658.901.615	42.658.901.615
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	34.347.278.295	34.347.278.295	23.920.203.184	23.920.203.184
Công ty Cổ Phần Giấy An Bình	15.032.861.140	15.032.861.140	21.929.880.170	21.929.880.170
Công ty Hiang Seng Fibre Container	-	-	37.192.368.902	37.192.368.902
Phải trả cho các người bán khác	41.111.010.810	41.111.010.810	37.184.308.150	37.184.308.150
Cộng	<u>132.618.472.350</u>	<u>132.618.472.350</u>	<u>162.885.662.021</u>	<u>162.885.662.021</u>

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.14. Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước:

Khoản mục	Tại ngày 01/01/2016 VND	Số phải nộp	Số đã nộp	Tại ngày 31/12/2016 VND
Thuế giá trị gia tăng	888.767.620	24.513.820.169	(24.795.790.886)	606.796.903
Thuế xuất, nhập khẩu	-	6.371.120.857	(6.371.120.857)	-
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.859.677.897	18.766.614.198	(18.231.188.470)	2.395.103.625
Thuế thu nhập cá nhân	1.240.872.536	10.553.360.226	(10.627.801.279)	1.166.431.483
Các loại thuế khác	-	4.000.000	(4.000.000)	-
Cộng	<u>3.989.318.053</u>	<u>60.208.915.450</u>	<u>(60.029.901.492)</u>	<u>4.168.332.011</u>

5.15. Phải trả người lao động

Là quỹ lương trong năm 2016 còn phải trả cho người lao động.

5.16. Chi phí phải trả ngắn hạn

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Chi phí vận chuyển	3.567.875.725	4.333.952.270
Chi phí gia công	231.239.455	139.547.000
Chi phí lãi vay	416.204.970	454.594.720
Chi phí thuế thu nhập cá nhân	800.034.529	790.146.085
Chi phí tiền ăn	510.261.000	519.204.000
Các khoản trích trước khác	819.447.441	482.850.760
Cộng	<u>6.345.063.120</u>	<u>6.720.294.835</u>

5.17. Phải trả ngắn hạn khác

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Kinh phí công đoàn	11.017.666	9.184.520
Bảo hiểm xã hội	652.515.804	558.828.743
Bảo hiểm y tế	106.750.524	103.154.447
Bảo hiểm thất nghiệp	47.029.378	45.846.420
Thủ lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	372.156.697	404.323.377
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho bên liên quan - Xem thêm mục 9	6.880.393.000	6.880.393.000
Cổ tức, lợi nhuận phải trả cho các đối tượng khác	5.927.744.000	5.927.919.000
Các khoản phải trả, phải nộp khác	22.525.000	58.107.137
Cộng	<u>14.020.132.069</u>	<u>13.987.756.644</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

Vay ngắn hạn ngân hàng chủ yếu là các khoản vay chịu lãi suất từ 2,26%/năm đến 5,00%/năm. Các khoản vay này phải thế chấp bằng:

- Giá trị các khoản phải thu là 90.000.000.000 VND và 5.000.000 USD - Xem thêm mục 5.3.
- Giá trị hàng tồn kho là 3.000.000 USD - Xem thêm mục 5.7.

Vay dài hạn ngân hàng là các khoản vay có thời hạn từ 36 tháng đến 60 tháng với lãi suất được điều chỉnh theo từng thời kỳ. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 35.492.446.895 VND, trong đó vay dài hạn đến hạn trả là 8.453.644.380 VND.

Các khoản vay này được thế chấp bằng:

- Giá trị còn lại của tài sản cố định là 88.277.378.107 VND - Xem thêm mục 5.9.
- Chi phí thuê đất tại Lô B_6A_CN, KCN Mỹ Phước 3, Thị xã Bến Cát, Tỉnh Bình Dương theo Hợp đồng thuê lại đất số 42/HDLĐ ngày 24 tháng 02 năm 2011 - Xem thêm mục 5.12.

Nợ thuê tài chính là các khoản thuê tài chính máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Số dư nợ gốc đến ngày 31 tháng 12 năm 2016 là 10.620.537.597 VND, trong đó nợ thuê tài chính đến hạn trả là 6.464.342.539 VND - Xem thêm mục 12.

5.19. Quỹ khen thưởng phúc lợi

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Số dư tại ngày 01/01/2016	9.447.714.224	3.926.427.901
Trích lập trong năm	11.892.176.769	10.849.367.671
Sử dụng trong năm	(13.491.598.239)	(5.328.081.348)
Số dư tại ngày 31/12/2016	<u>7.848.292.754</u>	<u>9.447.714.224</u>

5.20. Dự phòng phải trả dài hạn

Là khoản dự phòng chênh lệch tăng giá thuê đất và phí hạ tầng phải trả thêm cho Tổng Công ty Cổ phần Phát triển Khu công nghiệp do Công ty chưa thống nhất được đơn giá thuê với đơn vị này.

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**5.21. Vốn chủ sở hữu****5.21.1. Bảng đối chiếu biến động của vốn chủ sở hữu**

	Các khoản mục thuộc vốn chủ sở hữu				Cộng
	Vốn góp của chủ sở hữu	Cổ phiếu quỹ	Quỹ đầu tư phát triển	Lợi nhuận sau thuế chưa phân phối và các quỹ	
	VND	VND	VND	VND	VND
Tại ngày 01/01/2015	106.978.420.000	(408.640.209)	41.794.947.863	123.099.120.951	271.463.848.605
Tăng vốn trong năm trước	21.345.950.000	-	-	(21.345.950.000)	-
Lãi trong năm trước	-	-	-	69.326.168.836	69.326.168.836
Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm trước	-	-	13.865.233.767	(13.865.233.767)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm trước	-	-	-	(10.849.367.671)	(10.849.367.671)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm trước	-	-	-	(1.386.523.377)	(1.386.523.377)
Chia cổ tức trong năm trước	-	-	-	(34.155.221.000)	(34.155.221.000)
Tại ngày 01/01/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	55.660.181.630	110.822.993.972	294.398.905.393
Lãi trong năm nay	-	-	-	74.655.796.014	74.655.796.014
Trích quỹ đầu tư phát triển trong năm nay	-	-	14.931.159.203	(14.931.159.203)	-
Trích quỹ khen thưởng phúc lợi trong năm nay	-	-	-	(11.892.176.769)	(11.892.176.769)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát trong năm nay	-	-	-	(1.493.115.920)	(1.493.115.920)
Chia cổ tức trong năm nay	-	-	-	(25.616.274.000)	(25.616.274.000)
Tăng khác	-	-	-	237.709.372	237.709.372
Tại ngày 31/12/2016	128.324.370.000	(408.640.209)	70.591.340.833	131.783.773.466	330.290.844.090

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.21.2. Chi tiết vốn góp của chủ sở hữu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Vốn góp của công ty mẹ - Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai	68.803.930.000	68.803.930.000
Vốn góp của các đối tượng khác	59.520.440.000	59.520.440.000
Cộng	128.324.370.000	128.324.370.000

5.21.3. Các giao dịch về vốn với các chủ sở hữu và phân phối cổ tức, chia lợi nhuận

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Vốn đầu tư của chủ sở hữu:		
Vốn góp đầu năm	128.324.370.000	106.978.420.000
Vốn góp tăng trong năm	-	21.345.950.000
Vốn góp cuối năm	128.324.370.000	128.324.370.000
Cổ tức, lợi nhuận đã chia	25.616.274.000	34.155.221.000

5.21.4. Cổ phiếu

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Số lượng cổ phiếu đăng ký phát hành	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ đã bán ra công chúng	12.832.437	12.832.437
Số lượng cổ phiếu phổ thông được mua lại (cổ phiếu quỹ)	24.300	24.300
Số lượng cổ phiếu phổ thông đang lưu hành	12.808.137	12.808.137

Mệnh giá cổ phiếu đang lưu hành: 10.000 VND/cổ phiếu.

5.21.5. Lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận sau thuế phân bổ cho cổ đông sở hữu cổ phiếu phổ thông	74.655.796.014	69.326.168.836
Trích quỹ khen thưởng, phúc lợi	(11.198.369.402)	(11.092.732.692)
Trích quỹ thù lao Hội đồng quản trị và Ban kiểm soát	(1.493.115.920)	(1.386.523.377)
Lợi nhuận để tính lãi cơ bản trên cổ phiếu và lãi suy giảm trên cổ phiếu	61.964.310.692	56.846.912.767
Số lượng bình quân gia quyền của cổ phiếu phổ thông đang lưu hành trong năm	12.808.137	12.808.137
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.838	4.438

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

5.22. Các khoản mục ngoài Bảng cân đối kế toán

	Tại ngày 31/12/2016	Tại ngày 01/01/2016
Ngoại tệ các loại:		
USD	10.614,39	41.926,62
EUR	300,00	300,00

6. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO KẾT QUẢ KINH DOANH

6.1. Doanh thu bán hàng và cung cấp dịch vụ

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Doanh thu:		
Doanh thu bán sản phẩm Carton	1.162.271.945.288	1.125.403.350.098
Doanh thu bán sản phẩm Offsets	184.676.170.222	179.832.007.079
Doanh thu bán hàng khác	34.834.854.431	36.220.501.528
Cộng	<u>1.381.782.969.941</u>	<u>1.341.455.858.705</u>
Trong đó, doanh thu đối với các bên có liên quan - Xem thêm mục 9	8.045.429.310	9.394.152.160

6.2. Giá vốn hàng bán

Chủ yếu là giá vốn thành phẩm đã bán trong năm.

6.3. Doanh thu hoạt động tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền gửi ngân hàng	4.804.400.821	4.178.311.691
Cổ tức	800.000.000	-
Lãi chênh lệch tỷ giá	406.771.123	51.279.954
Lãi chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	-	30.762.220
Cộng	<u>6.011.171.944</u>	<u>4.260.353.865</u>

6.4. Chi phí tài chính

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lãi tiền vay ngân hàng	9.519.715.282	10.208.062.923
Lỗ chênh lệch tỷ giá	381.359.645	2.303.795.032
Lỗ chênh lệch tỷ giá hối đoái do đánh giá lại các khoản mục tiền tệ có gốc ngoại tệ	157.080.443	-
Cộng	<u>10.058.155.370</u>	<u>12.511.857.955</u>

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.5. Chi phí bán hàng

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên bán hàng	26.394.936.958	23.790.613.226
Chi phí vận chuyển	32.061.696.980	30.463.492.283
Chi phí khác	9.211.309.823	7.808.182.274
<i>Chi phí thuế TNCN nhân viên kinh doanh</i>	8.197.477.109	7.359.332.906
<i>Chi phí khác</i>	1.013.832.714	448.849.368
Cộng	67.667.943.761	62.062.287.783

6.6. Chi phí quản lý doanh nghiệp

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nhân viên quản lý	11.639.649.834	10.472.679.555
Chi phí vật liệu quản lý	147.603.125	181.025.513
Chi phí đồ dùng văn phòng	594.814.931	622.693.974
Chi phí khấu hao tài sản cố định	314.207.323	338.094.070
Thuế, phí, lệ phí	164.784.797	342.456.947
Chi phí dự phòng	18.990.322	418.586.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	851.962.010	995.880.095
Chi phí bằng tiền khác	4.294.413.232	5.186.983.226
<i>Phí ngân hàng</i>	1.062.204.624	1.661.622.942
<i>Chi phí hoạt động Đảng</i>	449.990.000	406.720.000
<i>Chi phí bảo hộ lao động</i>	379.358.286	379.812.568
<i>Chi phí khác</i>	2.402.860.322	2.738.827.716
Cộng	18.026.425.574	18.558.400.056

6.7. Thu nhập khác

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Thu bồi thường	793.181.562	561.477.367
Thu từ bán phế liệu	308.982.855	358.851.925
Lãi từ thanh lý tài sản cố định	319.090.910	550.454.545
Thu nhập khác	1.066.916.198	1.332.601.785
Cộng	2.488.171.525	2.803.385.622

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

6.8. Chi phí sản xuất kinh doanh theo yếu tố

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí nguyên liệu, vật liệu	1.006.721.187.415	999.288.169.337
Chi phí nhân công	153.774.423.303	135.966.057.008
Chi phí khấu hao tài sản cố định	27.760.762.724	30.892.512.867
Chi phí dự phòng	18.990.322	418.586.676
Chi phí dịch vụ mua ngoài	65.558.940.892	58.479.172.319
Chi phí bằng tiền khác	28.521.671.499	28.906.017.506
Cộng	<u>1.282.355.976.155</u>	<u>1.253.950.515.713</u>

6.9. Chi phí thuế thu nhập doanh nghiệp hiện hành

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	18.724.665.485	10.678.612.936
Tổng chi phí thuế TNDN hiện hành	<u>18.724.665.485</u>	<u>10.678.612.936</u>

Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế kỳ hiện hành được xác định như sau:

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Lợi nhuận kế toán trước thuế trong năm	53.125.628.145	84.077.336.250
Lợi nhuận kế toán Chi nhánh Mỹ Phước	40.254.833.354	(19.382.906.153)
Cộng: Các khoản điều chỉnh tăng	1.071.382.905	2.473.738.468
Trừ: Các khoản điều chỉnh giảm	(828.516.980)	(39.188.074)
Trừ: Thu nhập chịu thuế suất 22%	-	(8.703.798.031)
Thu nhập tính thuế từ hoạt động kinh doanh chính	93.623.327.424	58.425.182.460
Thuế suất thuế TNDN hiện hành	20%	15%
Chi phí thuế TNDN từ hoạt động kinh doanh chính	18.724.665.485	8.763.777.369
Cộng khoản thuế TNDN từ thu nhập chịu thuế suất 22%	-	1.914.835.567
Chi phí thuế TNDN tính trên thu nhập chịu thuế năm hiện hành	<u>18.724.665.485</u>	<u>10.678.612.936</u>

Các khoản điều chỉnh tăng thu nhập chịu thuế chủ yếu là các khoản mục theo qui định của Luật thuế TNDN không được xem là chi phí khi tính thuế như:

- Khoản chi thực tế phát sinh không liên quan đến hoạt động sản xuất, kinh doanh của doanh nghiệp.
- Khoản chi không có đủ hóa đơn, chứng từ hợp pháp theo quy định của pháp luật.

Các khoản điều chỉnh giảm thu nhập chịu thuế là lãi chênh lệch tỷ giá chưa thực hiện các khoản tiền, công nợ phải thu có gốc ngoại tệ và khoản thu nhập được chia từ hoạt động góp vốn sau khi bên nhận góp vốn đã nộp thuế TNDN theo quy định của Luật thuế TNDN.

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

7. THÔNG TIN BỔ SUNG CHO CÁC KHOẢN MỤC TRÌNH BÀY TRÊN BÁO CÁO LƯU CHUYỂN TIỀN TỆ

7.1. Các giao dịch không bằng tiền ảnh hưởng đến báo cáo lưu chuyển tiền tệ trong tương lai

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Mua tài sản bằng cách nhận các khoản nợ liên quan trực tiếp hoặc thông qua nghiệp vụ cho thuê tài chính	-	5.542.025.858

7.2. Số tiền đi vay thực thu trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền thu từ đi vay theo kế ước thông thường	817.411.349.125	743.425.017.159

7.3. Số tiền đã thực trả gốc vay trong năm

	Năm 2016 VND	Năm 2015 VND
Tiền trả nợ gốc vay theo kế ước thông thường	(830.076.570.078)	(737.161.395.807)

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BI BIỂN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**8. BÁO CÁO BỘ PHẬN**

Nhằm phục vụ mục đích quản lý, Công ty phân chia hoạt động của mình thành các bộ phận chính theo khu vực địa lý như sau:

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		ĐVT: Triệu đồng	
	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015	Năm 2016	Năm 2015
Doanh thu								
Từ khách hàng bên ngoài	1.245.128	1.174.821	136.612	166.561	-	-	1.381.740	1.341.382
Giữa các bộ phận	119.637	152.963	390.002	363.481	(509.639)	(516.444)	-	-
Cộng	1.364.765	1.327.784	526.614	530.042	(509.639)	(516.444)	1.381.740	1.341.382
Kết quả hoạt động kinh doanh								
Lợi nhuận trước thuế, trước thu nhập tài chính, chi phí tài chính và lợi nhuận khác	52.558	58.031	43.714	32.667	-	-	96.272	90.698
Thu nhập tài chính							6.011	4.260
Chi phí tài chính							(10.058)	(12.512)
Lợi nhuận khác							1.155	1.631
Thuế thu nhập doanh nghiệp							(18.724)	(14.751)
Lợi nhuận sau thuế							74.656	69.326

(Xem tiếp trang sau)

CÔNG TY CỔ PHẦN BAO BÌ BIÊN HÒA

Địa chỉ: Đường số 7, KCN Biên Hòa 1, Phường An Bình,
Thành phố Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

BÁO CÁO TÀI CHÍNH
Cho năm tài chính kết thúc ngày 31/12/2016

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)**Các thông tin khác**

	Đồng Nai		Bình Dương		Loại trừ		Tổng cộng	
	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016	31/12/2016	01/01/2016
Tài sản của bộ phận	687.042	700.560	201.398	214.536	(138.460)	(156.301)	749.980	758.795
Nợ phải trả của bộ phận	356.760	406.162	14.218	27.364	48.711	30.870	419.689	464.396
Chi phí mua sắm tài sản	23.074	43.425	250	11.128	(1.084)	(10.854)	22.240	43.699
Chi phí khấu hao	8.675	3.709	19.085	27.184	-	-	27.760	30.893

Công ty không có báo cáo bộ phận theo ngành nghề vì Công ty hiện chỉ đang hoạt động theo ngành nghề sản xuất bao bì từ giấy, do đó không có sự khác nhau về rủi ro và lợi ích kinh tế theo ngành nghề cần thiết phải thuyết minh.

(Xem tiếp trang sau)

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

9. THÔNG TIN VỀ CÁC BÊN LIÊN QUAN

Danh sách các bên liên quan

Mối quan hệ

- | | |
|---|----------------------------|
| 1. Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai | Công ty mẹ |
| 2. Thành viên Hội đồng quản trị và Ban Giám đốc | Nhân viên quản lý chủ chốt |

Tại ngày lập bảng cân đối kế toán, số dư phải thu (phải trả) với các bên liên quan như sau:

	<u>Tại ngày 31/12/2016 VND</u>	<u>Tại ngày 01/01/2016 VND</u>
Phải thu:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 5.3	1.445.097.478	1.539.029.250
Phải trả:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 5.17	(6.880.393.000)	(6.880.393.000)

Trong năm, Công ty đã có các giao dịch chủ yếu với các bên liên quan như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Bán hàng:		
Tổng Công ty Công nghiệp Thực phẩm Đồng Nai - Xem thêm mục 6.1	8.045.429.310	9.394.152.160

Thù lao Hội đồng quản trị và thu nhập của Ban Giám đốc được hưởng trong năm:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Thu nhập của nhân viên quản lý chủ chốt	3.960.917.320	2.987.038.778

10. THU NHẬP CỦA BAN KIỂM SOÁT

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Tiền lương và các chi phí hoạt động	616.767.688	314.235.692

11. CAM KẾT VỐN

Các cam kết về chi tiêu tạo lập tài sản cố định đã ký hợp đồng tại ngày lập bảng cân đối kế toán nhưng chưa được hạch toán vào báo cáo tài chính như sau:

	<u>Năm 2016 VND</u>	<u>Năm 2015 VND</u>
Nhà cửa, nhà xưởng, máy móc và thiết bị	50.181.385.000	11.062.800.000

THUYẾT MINH BÁO CÁO TÀI CHÍNH (TIẾP THEO)

12. CÁC NGHĨA VỤ THEO HỢP ĐỒNG THUÊ TÀI CHÍNH

Công ty đang thuê máy in Flexo Sunrise 3 màu, máy in Flexo Sunrise 6 màu, máy đóng gấp dán tự động Buffalo Omega - 28 và máy cắt mẫu Esko Kongsber V24 với thời gian sử dụng ước tính theo hợp đồng thuê tài chính từ 3 năm đến 5 năm. Các khoản nợ thuê tài chính tối thiểu phải trả trong tương lai được chi tiết như sau:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Từ 1 năm đến 5 năm - Xem thêm mục 5.18	10.620.537.597	17.976.838.704

Nghĩa vụ nợ được phân loại theo:

	Tại ngày 31/12/2016 VND	Tại ngày 01/01/2016 VND
Ngắn hạn	6.464.342.539	7.356.301.170
Dài hạn	4.156.195.058	10.620.537.534
Cộng	10.620.537.597	17.976.838.704

13. SỐ LIỆU SO SÁNH

Các số liệu so sánh dưới đây đã được báo cáo lại:

Kết quả hoạt động kinh doanh (Trích):

	Năm 2015 VND (Được báo cáo lại)	Năm 2015 VND (Đã được báo cáo trước đây)
Lãi cơ bản trên cổ phiếu (EPS) và lãi suy giảm trên cổ phiếu	4.438	5.175

14. CÁC SỰ KIỆN SAU NGÀY KẾT THÚC NĂM TÀI CHÍNH

Không có các sự kiện quan trọng xảy ra sau ngày kết thúc năm tài chính đến ngày phát hành báo cáo tài chính.



TRẦN TRANG BÌNH
Chủ tịch HĐQT

Đồng Nai, ngày 28 tháng 02 năm 2017

NGUYỄN HOÀNG
Trưởng BP.Tài chính

TRẦN XUÂN ĐỊNH
Người lập

Phụ lục 1: Chi tiết số dư các khoản công nợ tại ngày 31/12/2016

1. Phải thu ngắn hạn của khách hàng

	<u>VND</u>
Công ty Liên Doanh Unilever Việt Nam	70.956.595.497
Công ty TNHH Nestle Việt Nam	22.603.809.525
Công ty Cổ phần Công nghiệp Masan	11.428.785.687
Tổng Công ty Cổ phần Bia - Rượu - Nước giải khát Sài Gòn	7.700.118.140
Công ty TNHH Kimberly Clark Việt Nam	7.265.365.803
Công ty Cổ phần Vinacafe Biên Hòa	7.085.023.440
Công ty Cổ phần Bột giặt Net	6.488.002.914
Công ty Pepsico Việt Nam	5.576.891.356
Chi nhánh Công ty Pepsico Việt Nam tại Đồng Nai	5.437.225.077
Khác	129.054.394.241
Cộng	<u>273.596.211.680</u>

2. Phải trả người bán ngắn hạn

	<u>VND</u>
Công ty TNHH Giấy Chánh Dương	42.127.322.105
Công ty TNHH Giấy Vina Kraft	34.347.278.295
Công ty Cổ phần Giấy An Bình	15.032.861.140
Công ty TNHH Sakata Inx Việt Nam	4.288.575.390
Công ty TNHH Giấy Đồng Tiến Bình Dương	3.777.447.465
Khác	33.044.987.955
Cộng	<u>132.618.472.350</u>

Đồng Nai, ngày 10 tháng 03 năm 2017

Chủ tịch HĐQT



TRẦN TRANG BÌNH